

Số 201

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Losar,
Tết Tây Tạng

Tr. 39

Trôi về
biển lớn

Tr. 50

Một buổi trà Đàm
đáng nhớ

Tr. 57

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
THÀNH NIÊN

HỘI NGỘ TẤM GUƠNG NGHỊ LỰC VIỆT VỚI NICK VUJICIC



TP. HỒ CHÍ MINH:

Lúc 16g00 ngày **21/5/2014**

tại NTĐ TDIT Phú Thọ

- ▶ Truyền hình trực tiếp trên **VTV6** lúc 18h00

HÀ NỘI:

Lúc 18g00 ngày **24/5/2014**

tại SVD QG Mỹ Đình

- ▶ Truyền hình trực tiếp trên **VTV1** lúc 20h00

THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



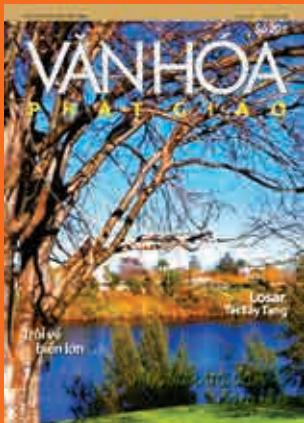
TÔN HOA SEN

- ▶ www.toasangnghilucviet.vn
- ▶ www.nickdenvietnam.com
- ▶ www.facebook.com/toasangnghilucviet

TÀI TRỢ PHỤ

BẢO TRỢ TRUYỀN THÔNG





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHÓN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trí sự
NGUYỄN BỒNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, ĐĐ: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, ĐĐ: 0918 032 040

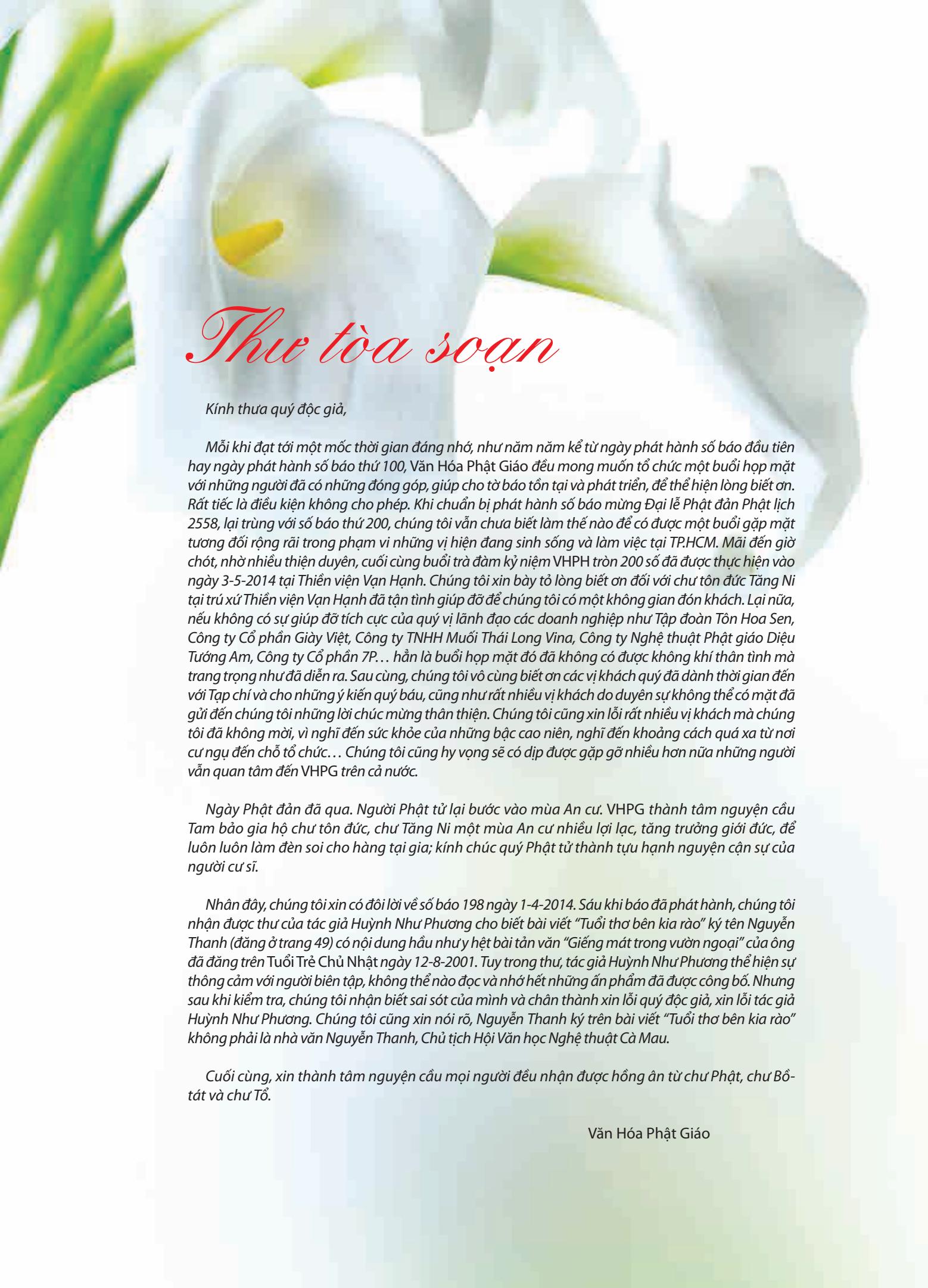
Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhpg@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP-BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Dinh dưỡng tâm hồn (Lê Hải Đăng)	4
Đọc Văn Hóa Phật Giáo nhớ Huynh trưởng cấp Dũng Nguyên Hùng – Võ Đình Cường (Trường Khanh)	7
Vài ý kiến về thời đại An Dương Vương (Nguyễn Văn Toàn)	10
Đi lại trong hành xứ của mình (Tịnh Lập)	14
Bốn tư tưởng chuyển hướng tâm và Lòng bi (Nguyễn Thế Đăng)	17
Phật giáo và đời sống thế tục (Phan Minh Hiền)	21
An trú (Phương Uyên)	23
Cứu khổ ban vui (Hương Đức)	27
Học để sống và hiểu bản thân (Nguyễn Hữu Đức)	29
Soạn thảo Giáo trình Giáo dục học (Đặng Đức Trọng)	31
Thăm Hội quán người Hoa, nghe vụ án Hải tặc thời Tự Đức (Trần Chi Lăng)	33
Tín ngưỡng thờ linh thú của người Việt tại các cơ sở đình, đền, miếu ở Bình Phước (Vũ Đình Tâm)	35
Ảnh hưởng Phật giáo trong trò chơi và Diễn xướng Dù-kê của người Khmer Tây Nam Bộ (Thạch Ba Xuyên)	37
Losar, Tết Tây Tạng (Diệu Ngộ)	39
Tưởng chừng đã quên (Hải Trình)	43
Lão Tư Kéo (Mang Viên Long)	46
Gói lạnh (Nguyễn Thành Ngã)	48
Có một loài rau “vua” (Khải Thú)	49
Trôi về biển lớn (Elena Pucillo Truong - Trương Văn Dân dịch)	50
Thơ (Đào Phước Giao, Trường Khanh, Nguyễn Thành Ngã, Lê Phương Châu, Trà Kim Long, Phạm Ánh, Phan Nhu)	52
Âm hồn ngụ tại nhân gian (Nhụy Nguyên)	54
Một buổi trà đàm đáng nhớ (Hà Duy An)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Sông Nepean (Sydney). Nguồn: *river rescuers 5/6J-Andrew's page*



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

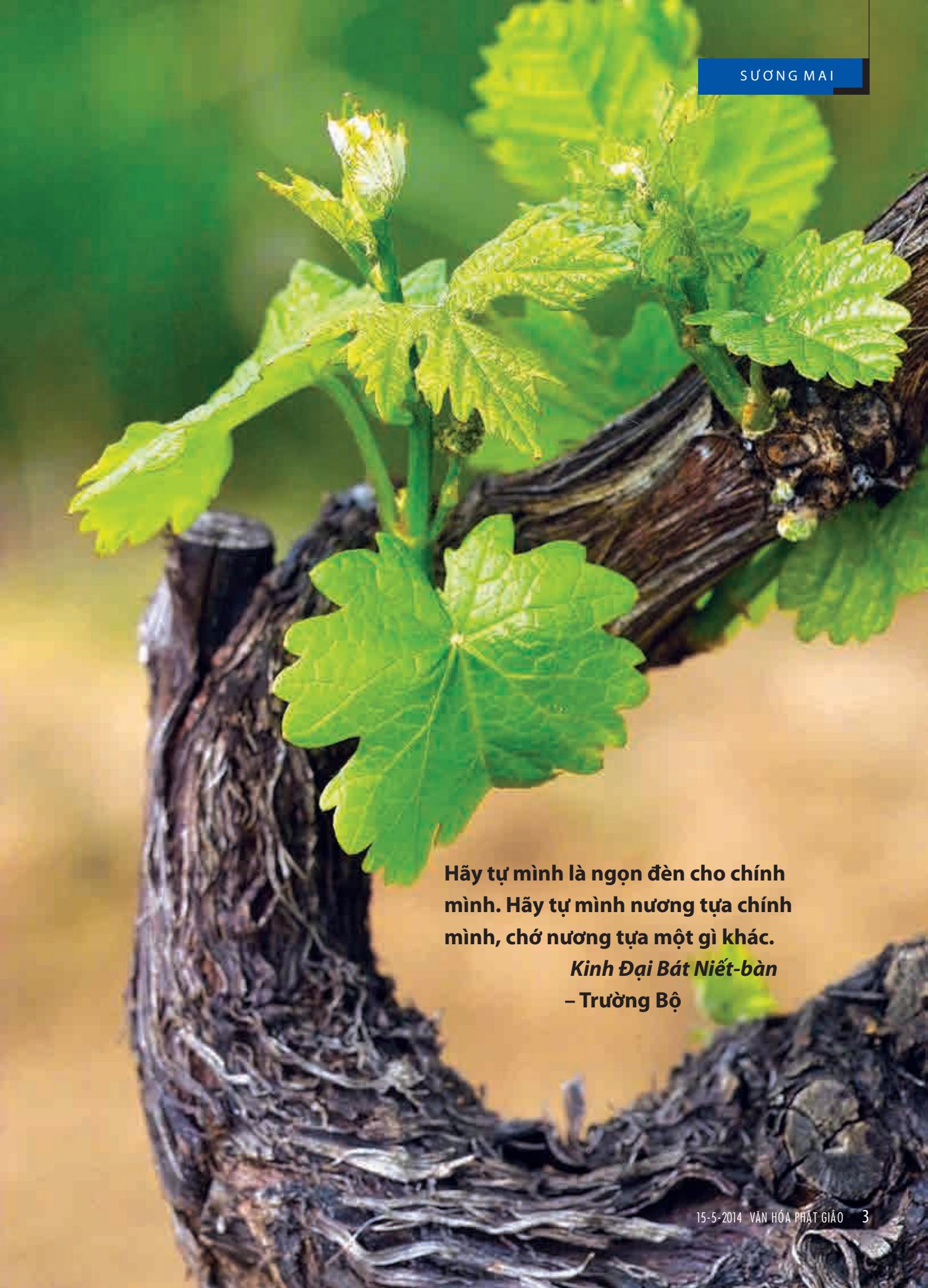
Mỗi khi đạt tới một mốc thời gian đáng nhớ, như năm năm kể từ ngày phát hành số báo đầu tiên hay ngày phát hành số báo thứ 100, Văn Hóa Phật Giáo đều mong muốn tổ chức một buổi họp mặt với những người đã có những đóng góp, giúp cho tờ báo tồn tại và phát triển, để thể hiện lòng biết ơn. Rất tiếc là điều kiện không cho phép. Khi chuẩn bị phát hành số báo mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2558, lại trùng với số báo thứ 200, chúng tôi vẫn chưa biết làm thế nào để có được một buổi gặp mặt tương đối rộng rãi trong phạm vi những vị hiện đang sinh sống và làm việc tại TP.HCM. Mãi đến giờ chót, nhờ nhiều thiện duyên, cuối cùng buổi trà Đàm kỷ niệm VHPG tròn 200 số đã được thực hiện vào ngày 3-5-2014 tại Thiền viện Vạn Hạnh. Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với chư tôn đức Tăng Ni tại trú xứ Thiền viện Vạn Hạnh đã tận tình giúp đỡ để chúng tôi có một không gian đón khách. Lại nữa, nếu không có sự giúp đỡ tích cực của quý vị lãnh đạo các doanh nghiệp như Tập đoàn Tôn Hoa Sen, Công ty Cổ phần Giày Việt, Công ty TNHH Muối Thái Long Vina, Công ty Nghệ thuật Phật giáo Diệu Tường Am, Công ty Cổ phần 7P... hẳn là buổi họp mặt đó đã không có được không khí thân tình mà trang trọng như đã diễn ra. Sau cùng, chúng tôi vô cùng biết ơn các vị khách quý đã dành thời gian đến với Tạp chí và cho những ý kiến quý báu, cũng như rất nhiều vị khách do duyên sự không thể có mặt đã gửi đến chúng tôi những lời chúc mừng thân thiện. Chúng tôi cũng xin lỗi rất nhiều vị khách mà chúng tôi đã không mời, vì nghĩ đến sức khỏe của những bậc cao niên, nghĩ đến khoảng cách quá xa từ nơi cư ngụ đến chỗ tổ chức... Chúng tôi cũng hy vọng sẽ có dịp được gặp gỡ nhiều hơn nữa những người vẫn quan tâm đến VHPG trên cả nước.

Ngày Phật đản đã qua. Người Phật tử lại bước vào mùa An cư. VHPG thành tâm nguyện cầu Tam bảo gia hộ chư tôn đức, chư Tăng Ni một mùa An cư nhiều lợi lạc, tăng trưởng giới đức, để luôn luôn làm đèn soi cho hàng tại gia; kính chúc quý Phật tử thành tựu hạnh nguyện cận sự của người cư sĩ.

Nhân đây, chúng tôi xin có đôi lời về số báo 198 ngày 1-4-2014. Sáu khi báo đã phát hành, chúng tôi nhận được thư của tác giả Huỳnh Như Phương cho biết bài viết "Tuổi thơ bên kia rào" ký tên Nguyễn Thanh (đăng ở trang 49) có nội dung hầu như hết bài tản văn "Giêng mát trong vườn ngoại" của ông đã đăng trên Tuổi Trẻ Chủ Nhật ngày 12-8-2001. Tuy trong thư, tác giả Huỳnh Như Phương thể hiện sự thông cảm với người biên tập, không thể nào đọc và nhớ hết những ấn phẩm đã được công bố. Nhưng sau khi kiểm tra, chúng tôi nhận biết sai sót của mình và chân thành xin lỗi quý độc giả, xin lỗi tác giả Huỳnh Như Phương. Chúng tôi cũng xin nói rõ, Nguyễn Thanh ký trên bài viết "Tuổi thơ bên kia rào" không phải là nhà văn Nguyễn Thanh, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Cà Mau.

Cuối cùng, xin thành tâm nguyện cầu mọi người đều nhận được hồng ân từ chư Phật, chư Bồ-tát và chư Tổ.

Văn Hóa Phật Giáo



Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính
mình. Hãy tự mình nương tựa chính
mình, chớ nương tựa một gi khác.

Kinh Đại Bát Niết-bàn
– Trường Bộ



Dinh döõng taâm hoà

LÊ HẢI ĐĂNG

Nhìn vào hệ thống văn bản pháp quy, người Việt chúng ta hoàn toàn có thể yên tâm về sự phát triển của đất nước trong việc định hướng “trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”. Nhưng khi nhìn vào bức tranh toàn cảnh của văn hóa, xã hội, tình hình không hẳn như vậy; chẳng những thế, còn có thể thấy rõ mức độ suy dinh dưỡng về tâm hồn ở trẻ em, từ giáo dục thẩm mỹ, thiết chế đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, giảm tải áp lực học hành cho đến nhiều vấn nạn đang gia tăng tại các đô thị lớn...

Văn hóa nước ta để lại một vùng hoang hóa mênh mông không hề được đầu tư cho nhu cầu phát triển

về tâm hồn ở trẻ. Sản phẩm văn hóa cho trẻ chủ yếu du nhập từ nước ngoài, cả từ đồ chơi cho đến truyện tranh, phim ảnh, âm nhạc... Nước Mỹ là một quốc gia điển hình về mô hình kinh tế thị trường tự do, ấy thế mà những sản phẩm dành cho sự nuôi dưỡng tâm hồn con trẻ vẫn được chú trọng đầu tư sản xuất một cách bài bản và ngay cả những nghệ sĩ lừng danh trong làng giải trí cũng tham gia vào địa hạt này. Hàng loạt những bộ phim nổi tiếng thuộc thể loại hoạt hình như *Tom and Jerry*, *The Lion King*, *Finding Nemo*, *Up*, *Shreck*, *Toy Story*, *The Adventures of Tintin*, *Pink Panther*... đã được những diễn viên tên tuổi đóng góp trong việc lồng tiếng nói của nhân vật trong phim, như Richard King, Dana Hill...

trong bộ phim *Mèo Tom và chuột Jerry*; Jeremy Irons, James Earl Jones... trong bộ phim *Vua Sư tử*; Ellen DeGeneres... trong bộ phim *Tìm kiếm Nemo*; hay Jamies Bell, Daniel Craig trong bộ phim *Những cuộc phiêu lưu của Tintin*... Trong những bộ phim vừa kể, không chỉ có nội dung mang tính nhân bản, bố cục chặt chẽ hợp lý với những giải pháp thông minh, hình ảnh sắc sảo... mà còn tập hợp khá phong phú những tác phẩm âm nhạc xuất sắc. Kênh truyền hình cáp và vệ tinh Cartoon Network phát 24 giờ mỗi ngày đã truyền đi vô vàn những thước phim giá trị dành cho trẻ. Nếu không có những kênh chuyển tải hình ảnh từ nước ngoài, nhìn vào thực trạng phim hoạt hình trong nước sẽ thấy mức độ suy dinh dưỡng về tâm hồn ở trẻ em Việt Nam như thế nào. Giáo dục thẩm mỹ ở nhà trường chỉ là một phần nhỏ bé so với những gì được hun đúc bởi bối cảnh văn hóa. Thế mà công tác giáo dục đào tạo này cũng lâm vấn đề, đã xảy ra tình trạng nhập nhằng giữa giáo dục thẩm mỹ và công tác tuyên truyền bằng công cụ nghệ thuật. Trong khi chưa làm được cho các em được bao nhiêu, bản thân những người làm giáo dục lại sử dụng, lợi dụng các em vào công tác tuyên truyền; lợi dụng những cái miệng ngày thơ để hát lời ca tụng mình.

Theo kết quả điều tra dinh dưỡng quốc gia năm 2010, chiều cao người Việt Nam đã được cải thiện nhiều so với trước. Cụ thể trên từng nhóm đối tượng so với 10 năm trước, thống kê cho biết trẻ dưới 1 tuổi tăng 1,4cm (trẻ trai) và 1,8cm (trẻ gái); ở tuổi lên 3 chiều cao trung bình tăng thêm hơn 2cm; ngay cả chiều cao người trưởng thành ở nam và nữ hiện đã đạt bình quân 164,4 cm và 153,4cm. Không dừng lại ở chiều cao, người dân cả nước nói chung, đặc biệt chiếm số đông ở những đô thị lớn, cũng đã chuyển biến từ mức độ tăng trưởng sang lạm phát với nguy cơ xuất hiện nhiều hội chứng, như dư cân, béo phì, huyết áp, tiểu đường, tim mạch... Trên thị trường, phương tiện truyền thông xuất hiện nhanh nhảm những sản phẩm dinh dưỡng giàu chất béo, chất đạm, Hydrat Cacbon, Vitamin đủ loại với DHA giúp phát triển trí não, tăng trí thông minh, nâng cao chỉ số IQ, chiều cao, thể lực... Nhìn vào tiêu chí nhiều sản phẩm có thể thấy rõ nhu cầu của đại bộ phận dân chúng. Vào thời kỳ cạnh tranh, thể lực, trí tuệ, kể cả âm mưu và thủ đoạn luôn đóng vai trò quan trọng mà nhiều sản phẩm dinh dưỡng có khả năng cung cấp. Tất nhiên thật khó thể tìm thấy loại sản phẩm cung cấp lòng từ bi, nhân ái, lòng hiếu thảo, thật thà, tốt bụng... Nếu có loại sản phẩm này chắc hẳn sẽ có không ít người mua cho bản thân và con cái mình. Tuy nhiên, loại dinh dưỡng trên không hiện hữu trong những sản phẩm dinh dưỡng giàu canxi hay chất béo, mà ẩn bên trong văn hóa, y tế, tôn giáo, tín ngưỡng, gia đình, môi trường cộng đồng... và đặc biệt là giáo dục.

Giáo dục giúp tăng trưởng lòng tự trọng, tự ái, tự tin, tự chủ, tự cường... Giáo dục cũng có tác dụng loại bỏ

khả năng "tự" có bên trong mỗi người để biến thành kẻ lệ thuộc, ỷ lại... Với cơ cấu môn học như hiện nay, cả thầy và trò đều gồng mình lên gánh vác nhiều kiến thức lỗi thời, lạc hậu, vô bổ, không những lãng phí công sức, thời gian, tiền của mà còn hao tổn đại não. Không ít môn học thực sự chỉ có tác dụng thi hoặc cử, chẳng có tác dụng định hướng tương lai, nói gì đến chuyện làm giàu có cho thế giới tâm hồn. Giáo dục đã đi từ sự chuyển biến chậm chạp sang thành gánh nặng cho xã hội. Chúng ta biết, theo tốc độ tăng trưởng về tri thức loài người, trung bình cứ năm năm, thế giới có khả năng nhân đôi khối lượng kiến thức. Giáo dục không thay đổi tư duy, phương pháp, cơ cấu, công cụ... cho phù hợp trước thực trạng này sẽ hủy hoại thế hệ tương lai của đất nước. Dù các em có được sử dụng những sản phẩm giúp tăng cường trí lực đạt tới trình độ siêu nhân đi chăng nữa cũng không thể tiêu hóa được mớ kiến thức đang tăng theo cấp số nhân trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay.

Dinh dưỡng tâm hồn không chỉ thiếu trên các sản phẩm hữu hình, mà còn khuyết cả ở sản phẩm vô hình, như môi trường văn hóa gia đình. Đi kèm với nó là tỷ lệ trẻ em vị thành niên phạm pháp liên tục gia tăng, đến nỗi đã có nhiều ý kiến đòi điều chỉnh lại quy định về độ tuổi vị thành niên để đưa những phần tử chưa đủ độ tuổi ra thực hiện theo quy định của pháp luật. Qua đó thấy rằng, trong một thời gian dài chạy theo chỉ tiêu tăng trưởng về lượng, chúng ta đã lãng quên phát triển về chất, ở các loại dinh dưỡng nói chung và nhu cầu tinh thần nói riêng. Và thứ dinh dưỡng đem lại cho nội giới khả năng phong phú là tâm hồn lại hoàn toàn bị lãng quên, xao nhãng. Trẻ em học đến lú lắn, u mê, không còn thời gian gần gũi thiên nhiên, hoa lá, cỏ cây, loài vật và cả tương tác với những thành viên trong gia đình. Ngày nghỉ các em lại tiếp tục học thêm, phụ đạo để tăng thêm kiến thức, chứ không có thời gian rảnh rỗi đi thăm ông bà, họ hàng, bạn bè, người thân... Trẻ em đô thị bị cuốn vào cơn lốc của thông tin, hình ảnh trên ti-vi, internet, game, facebook, trẻ em nông thôn thì bị cái ác làm cho tha hóa, biến chất. Nhiều em sớm bị đẩy ra ngoài xã hội làm các nghề chân tay, bán vé số, ăn xin... Đi dọc chiều dài đất nước, có thể cảm nhận rõ rệt thực trạng của một xứ sở vé số. Ở đâu cũng dễ dàng bắt gặp người bán vé số. Họ tập trung chủ yếu vào hai thành phần yếu thế nhất trong xã hội, đó là người già và trẻ nhỏ. Tương phản với cảnh phồn vinh giả tạo, tăng trưởng theo chỉ tiêu lượng, dinh dưỡng và suy dinh dưỡng đã tạo ra lỗ hổng vô biên về giá trị. Trong ba cột trụ Chân, Thiện, Mỹ nếu không nhìn từ góc độ tiến trình thì cả ba giá trị này đều đang bị lung lay, mai một trước sức tàn phá của cái ác, bất công, nghịch lý, giả dối, khôn lối, lừa lọc... Xu hướng giả dối phổ biến đến mức, người thật trở thành kẻ dại khờ, cái ác hoành hành khắp nơi.



Suốt một thời gian dài, ca khúc thiếu nhi bị bỏ ngỏ đến trống vắng. Chương trình showbiz từng gây ôn ào dư luận là *Giọng hát Việt nhí* chủ yếu sử dụng bài hát người lớn, kể cả dân ca (không chọn thể loại đồng dao dành riêng cho trẻ nhỏ). Ca khúc thiếu nhi tất nhiên vẫn ra đời cùng với công việc lao động âm thầm của giới sáng tác, nhưng những ca khúc được xã hội hóa đa số lại rơi vào tình trạng kém về chất lượng. Qua những sản phẩm hữu hình, người ta đã phát hiện ra có chất tăng trưởng, còn trên truyền hình, nhiều chương trình biến trẻ em thành người lớn thu nhỏ. Cả sản phẩm hữu hình lẫn vô hình đã và đang ép trẻ em phải dậy thì sớm. Đó cũng là một trong rất nhiều nguyên nhân khiến cho trẻ em vị thành niên phạm pháp liên tục gia tăng.

Hậu quả của việc bỏ bê, lảng quên dinh dưỡng tâm hồn đã gây nên tác hại ở tình trạng suy dinh dưỡng về đạo đức, thẩm mỹ... Trong địa hạt nghệ thuật, các em không được cung cấp những sản phẩm giàu giá trị nhân văn, phản ánh nét hồn nhiên, ngày thơ đặc trưng ở tuổi nhỏ. Người lớn cũng đánh mất phần hồn nhiên của mình, rơi vào vòng xoáy lợi ích vật chất, già nua trong hình hài mà ấu trĩ về tư duy, đạo đức, nhân cách... Tinh thần trẻ nhỏ sớm bị biến thành người lớn, còn người lớn lại chưa trưởng thành về phẩm chất đã tạo nên thực trạng bi hài tương phản trong xã hội, qua cách ứng xử, tương tác giữa các thành viên. Tất cả đều xuất phát từ nguyên nhân suy dinh dưỡng từ tâm hồn cho đến đạo đức, nhân cách, lối sống, lòng từ bi, lòng trắc ẩn... Hoạt

động từ thiện diễn ra xôn xao nhằm khởa lấp nỗi niềm trống trải, hư vô về nhân cách. Nhiều chương trình, phong trào không cải thiện được tận gốc tình trạng nghèo đói, thậm chí dẫn đến nhiều ngộ nhận, biến chất hoạt động tín ngưỡng. Đã không ít trường hợp, người ta lợi dụng tôn giáo để mưu cầu danh lợi, chứ không cải hóa xã hội vươn tới thánh thiện. Đến cả hoạt động từ thiện cũng cần chuyển tải hình ảnh qua truyền hình, giống như hoạt động trình diễn!

Người Việt có thiên hướng coi trọng miếng ăn giữa làng, có thể là ngôi làng thế giới rộng lớn. Vì thế, trẻ em cũng phải có tinh thần tranh đua, làm sao cho bằng bạn bằng người. Trong thiên hướng vươn ra "biển lớn", nhiều người đã để lại mảnh đất hoang hóa bên trong tâm hồn cằn cỗi, tiêu điều... Giải pháp phó mặc cho ngành giáo dục, trong khi giáo dục cũng đang cần giải phóng tư tưởng, giải tỏa gánh nặng nội dung chương trình thì "con đường đến trường" chưa phải cửa thoát hiểm dẫn tới những giá trị cao đẹp. Trong khi thị trường bất động sản đóng băng, nhiều giải pháp đã được đưa ra để phá băng, hóa giải cục máu đông... thì hai môi trường quan trọng nhất nhì, nuôi dưỡng phần Con và Người thuộc về dinh dưỡng cho tâm hồn là môi trường thiên nhiên và văn hóa dường như vắng vẻ, thiếu "mặt băng" tư tưởng cùng nhiều thiết chế góp phần tạo nên sự thay đổi. Và những tiếng kêu thất thanh về sự suy đồi, xuống cấp giá trị đạo đức vẫn tiếp tục vang lên trong điều kiện dinh dưỡng tâm hồn suy thoái. ■

Đọc Văn Hóa Phật Giáo

nhờ Huynh trưởng cấp Dũng

Nguyễn Hùng - Võ Đinh Cường

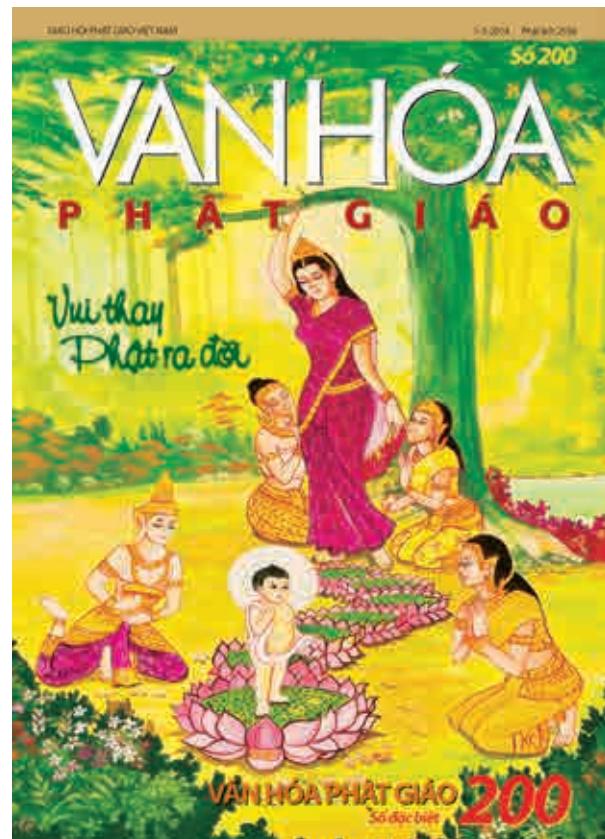
TRƯỜNG KHÁNH

Tôi nhớ như in một buổi chiều Chủ nhật cách đây chín năm, tại Đoàn quán Gia đình Phật tử, chúng tôi được vinh dự đón tiếp một vị khách đặc biệt. Tôi tiếp nhận tin vui này một cách náo nức đầy vẻ tò mò. Nhiều câu hỏi được đặt ra về vị khách này: Chư vị tôn đức Tăng, Ni đến viếng chùa hay các anh chị huynh trưởng trên Ban Hướng dẫn Trung ương về thăm?... Chẳng ai rõ, nhưng anh Liên đoàn trưởng đã thông báo cho huynh trưởng và đoàn sinh các ngành biết để chuẩn bị tiếp đón.

Chúng tôi đang loay hoay sắp xếp, dọn dẹp lại đoàn quán thì có tiếng còi ra lệnh tập họp chung toàn thể gia đình. Trong thoáng chốc, các đoàn, đội, chúng, đã hoàn chỉnh đội hình. Nhưng rồi ngay sau đó, chị Liên đoàn phó lại làm hiệu lệnh tập họp vòng tròn mà vẫn giữ thứ tự đội hình; hình thức tập họp này giúp mọi người trong vòng đều thấy rõ các vị khách. Và để tạo nên không khí ấm áp của tình lam, chị Liên đoàn phó bắt giọng bài hát "Chim bốn phương" như một lời chào đón các vị khách quý từ muôn phương đang bay về sum họp dưới bầu trời lam. Tiếng hát của chị vừa cất lên, cả vòng tròn màu lam đã hòa giọng một cách nhịp nhàng thanh thoát:

"Chúng ta là chim. Bốn phương bay về đây.
Về đây chúng ta sống trong Đạo thiêng.
Chúng ta là hương. Gió mang đi ngàn phương,
Nguyện đem gieo rắc khắp nơi ánh Vàng..."

Không khí tĩnh lặng của ngôi chùa bỗng rộn lên những hòa âm thân ái của những cánh chim lam đang trở về đây họp đoàn. Giữa lúc ấy, bác Gia trưởng đã hướng dẫn một đoàn người tiến vào. Thì ra đó là các vị huynh trưởng cao niên. Nhìn các vị huynh trưởng, nhiều người đã quá tuổi "cổ lai hy" nhưng vẫn nghiêm trang trong bộ đoàn phục màu lam thân thương, ai ai cũng trào dâng nỗi xúc động đến nghẹn ngào. Các anh chị tuổi đã cao, đã trải qua bao nắng gió phong trần dấn thân vì Đời, vì Đạo nhưng luôn giữ được cốt cách rất riêng của người huynh trưởng Gia đình Phật tử Việt



Nam, lúc nào cũng giản dị với chiếc áo lam ngắn tay, chiếc quần soóc màu xanh với đôi tất lam dài đến gối, chiếc mũ tú ân bạc màu... đã nói lên được cuộc sống trong sạch và giàu tính nhân giáo của người huynh trưởng. Trong mối đạo tình thắm thiết của những người cùng tôn thờ lý tưởng Mùa lam, chúng tôi nhận ra ở các anh chị đức hy sinh mà trên năm mươi năm qua, màu cờ sắc áo ấy đã cống hiến cho đạo lẩn đời, đã góp phần tạo nên những bông hoa tươi thắm để trang trí cho vườn hoa văn hóa tình thương của dân tộc Việt Nam càng thêm sặc sỡ.



Điều chúng tôi chờ đợi đã được bác Gia trưởng đáp ứng. Khi đoàn người đã tiến vào giữa vòng tròn, bác Gia trưởng lên tiếng, "Kính thưa toàn thể anh chị em huynh trưởng và đoàn sinh Gia đình Phật tử... Hôm nay, toàn thể Gia đình Phật tử chúng ta được vinh dự đón tiếp phái đoàn Ban Hướng dẫn Trung ương đến thăm đơn vị mình. Đặc biệt có anh Võ Đình Cường, Huynh trưởng cấp Dũng, Trưởng ban Hướng dẫn Trung ương. Anh là Tổng Biên tập Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*....". Lời giới thiệu chưa dứt thì tiếng vỗ tay chào mừng đã vang lên giòn giã. Mọi người rất hoan hỷ khi gặp người Anh Cả thân yêu. Anh là thần tượng của hàng ngũ Phật tử áo lam. Chúng em luôn tự hào đã có một người anh cả biết hy sinh vì tổ chức Gia đình Phật tử, vì đàn em thân yêu. Sau lời chào mừng và giới thiệu, bác Gia trưởng mời anh phát biểu và tâm sự với toàn thể gia đình.

Với gương mặt vui tươi và thân thiện, Anh Cường tâm sự: "Nam-mô A Di Đà Phật! Cùng toàn thể anh chị em Huynh trưởng và đoàn sinh Gia đình Phật tử thân mến! Trước hết nguyện cầu hồng ân chư Phật, chư vị Bồ-tát hộ cho toàn thể chúng ta, những người đã tôn thờ lý tưởng Sen trắng Áo Lam, luôn vững vàng và sẵn sàng dũng tiến trên đường Đạo. Sở dĩ chúng ta có cuộc gặp gỡ hôm nay, vì anh có công tác Phật sự ở ngoài miền Trung. Nhân dịp này, anh ghé thăm bác Gia trưởng của các em. Đây là một duyên lành để anh em

chúng ta gặp nhau. Nhân đây, anh có món quà xinh tặng cho Gia đình các em..."

Vừa nói xong, Anh Cả lục lạo trong chiếc ba lô, lấy ra mấy tờ tạp chí và nói: "Quà cho các em là tờ *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*. Đây là tờ báo của Ban Văn hóa Phật giáo Trung ương mà anh là Tổng Biên tập. Nó là tờ báo mà tiền thân là các Tập văn được xuất bản vào các ngày lễ lớn như *Tập văn Phật đản*, *Vu lan*, *Thành đạo*... Tạp chí này ra đời được là cả một quá trình tranh thủ, lách luồn cam go... kể cả khách quan lấn chủ quan. Nhờ tinh thần Bi-Tri-Dũng mà có được thành quả ngày hôm nay. Đối với làng báo Phật giáo thì đây là một quá trình lao động khiêm tốn của những người cầm bút Phật giáo. Các em cầm tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* trên tay, là như các em được gần gũi một người đạo hữu đồng tu, một thiện hữu tri thức cùng chung lý tưởng. Đây là trợ duyên lớn trên bước đường thể nghiệm giáo lý Phật-đà".

Anh Liên đoàn trưởng nhận mấy tờ tạp chí vừa được anh Cường trao tặng rồi đưa lên cao với vẻ kính trọng và vui mừng; giữa lúc đó, mọi người vỗ tay hân hoan chào đón trong tình Lam thăm thiết mặn mà. Đây là một món quà vô giá mà đơn vị chúng tôi đã nhận được từ cấp lãnh đạo cao nhất của Gia đình Phật tử Việt Nam trao tặng. Chúng tôi chuyển tay nhau tờ tạp chí với lòng biết ơn vô hạn.

Cuộc viếng thăm và tặng quà ngắn ngủi vút qua nhanh. Anh Cả đã già từ Gia đình Phật tử chúng tôi

trong sự bùi ngùi kính tiếc, giữa lúc tiếng còi tàu phán ly inh ôi vong vang... Sân ga chiều đầu hạ thoảng buồn còn lưu dấu khó quên. Với dáng hình gầy cao, chiếc mũ Tứ Ân phong trần, mái tóc bạc pha dấu thời gian, và chiếc Áo lam phai màu cùng năm tháng, Anh Cả đã đến rồi đi trong áo nghĩa vô thường, thành trụ hoại không của kiếp làm người...

* * *

Mùa Phật đản Phật lịch 2558 lại về. Tôi đang ngồi nhìn dòng người đi lễ chùa qua lại trong không khí rộn ràng của mùa lễ hội Đản sanh thì bỗng nhiên trước mắt tôi xuất hiện một người trong bộ lễ phục Gia đình Phật tử trang nghiêm. Đó là Quảng Từ. Chàng đứng nhìn tôi hai tay chắp sau lưng, cười cười lên tiếng hỏi:

- Cậu có tin gì mới không?
- Chẳng có gì mới cả, nhưng tôi đang đợi!
- Đợi gì?! Có phải đợi số 200 không?
- Đúng thế! Vì hôm nay đã là ngày đầu tháng năm rồi!
- Đây là sự chờ đợi của huynh.

Nói xong, Quảng Từ đưa cho tôi mấy tờ tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* mới ra đời còn thơm mùi mực. Tôi đưa tay đón nhận tờ báo một cách trang trọng. Trong giây phút ấy, tôi liền nghĩ ngay đến người Anh Cả khả kính; một người mà đã là huynh trưởng Gia đình Phật tử như tôi thì không được phép quên. Chính anh là người đã dẫn dắt chúng tôi trên bước đường học Đạo Giải thoát và cả lý tưởng Sen trắng Áo lam mà tôi đã tôn thờ. Tay tôi run run lật từng trang báo mới tinh. Con số 200 tròn trĩnh đánh dấu từng bước trưởng thành, như gợi lên những kỷ niệm của giai đoạn khó khăn, nhọc nhằn mà bản thân Anh Cả và toàn Ban Biên tập Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đã sáng suốt vận dụng pháp môn “Tùy duyên bất biến – Bất biến tùy duyên” để vượt qua mọi rào cản như phép tắc, tài chánh, cơ sở vật chất của cơ quan báo chí, nhân sự, cộng tác viên...

Mặc dù số 1 là số khởi đầu, nhưng đã có một sự kế thừa của Ban Văn hóa Phật giáo Trung ương làm đà tiến cho những Phật sự trong tương lai. Về điều này, trong mục Thư tòa soạn của tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 1 có nêu:

“Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* là hậu thân của ‘Tập văn’ do Ban Văn hóa Trung ương thực hiện; nay trực thuộc Hội đồng Trị sự GHPGVN. Tập văn đã đi được một chặng đường, đã để lại nhiều kỷ niệm, cả niềm vui lẫn những điều nhiêu khê, như cuộc đời; và quan trọng hơn cả là đã gầy dựng được một gia tài vô giá: Niềm tin trong chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, các bậc thức giả, cộng tác viên và bạn đọc. Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* hôm nay được thừa hưởng gia tài đó”.

Qua 200 lá thư tòa soạn, cùng ba ngàn ngày đã trải dài trên chín năm. Chừng ấy thời gian đã nói lên sự kiên định lập trường, khắc phục khó khăn, mài sắc ngọn bút

để viết những dòng văn hóa tâm linh mang đậm bản sắc Phật chất, ứng hóa theo thời, tùy duyên hóa độ.

Nhin thành quả trên chặng đường đã đi qua, với bao nhọc nhằn trên vai, buồn vui khó tả. Chúng ta cũng không khỏi ngậm ngùi nhớ đến những người đã nằm xuống để bón thêm tim óc cho chồi lộc Văn hóa Phật giáo tốt lá, tươi cành, hoa nụ mát xanh; trong đó có anh Nguyên Hùng, một nhà văn hóa Phật giáo lớn. Một Người Anh Cả đồng sáng lập tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam đã từng kinh qua biết bao thăng trầm, trên sáu mươi năm tồn tại. Anh Nguyên Hùng là người đã dành cuộc đời mình cho sự nghiệp văn hóa Phật giáo và tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam. Bao cống hiến đáng trân trọng của những người đã ra đi sẽ không bao giờ nhạt phai trong tâm thức của muôn người con Phật. Chúng ta phải biết bốn ân sâu thuở đầu khai thị, như lời bản nhạc “Uống nước nhớ nguồn” của một người huynh trưởng đã viết, để nói lên tinh thần tri ân và báo ân của đàn hậu bối:

“Ăn quả nhớ người trồng cây,
Quả ăn nhớ cây người trồng,
Uống nước cần phải nhớ nguồn,
Nhờ nguồn cho ta nước ngọt thơm....”

* * *

Cầm trên tay tờ tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 200 với hình thức trang nhã, thiền vị, nội dung mang đậm Phật chất... lòng tôi chợt bùi ngùi nhớ đến anh cựu Tổng Biên tập Nguyên Hùng - Võ Đinh Cường đã đi xa từ năm 2008 để lại sự trống vắng cho mái Nhà Lam và toàn Ban Biên tập Tạp chí. Dù thiếu vắng Anh nhưng Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* vẫn luôn luôn khởi sắc với 200 số báo ra đời đều đặn và tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam đã đặt được nền móng vững vàng bằng Quyết định 257/2013/QĐ-HDTS ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Theo quyết định này thì Gia đình Phật tử Việt Nam đã có Nội quy Phân ban Gia đình Phật tử và Nội quy Huynh trưởng được tu chỉnh. Hiện nay, số lượng huynh trưởng các cấp là 9.324 người; đoàn sinh các ngành đạt tới con số 62.183 người. Tổng cộng huynh trưởng và đoàn sinh gồm 71.507 người. Với thành quả trên, chúng em hy vọng rằng, ở nơi phương trời tịnh lăng của Đức Phật A-di-dà, Anh Cả sẽ mỉm cười khi thấy Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* và Gia đình Phật tử Việt Nam ngày mỗi khởi sắc, xứng đáng là những thành tố quan trọng trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay.

Xin thắp nén tâm hương dâng lên Đức Từ Phụ nhân Đại lễ Phật đản Phật lịch 2558. Kính dâng lên vạn đáo hoa tươi để đón mừng tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* phát hành số 200. Xin chúc Ban Biên tập vững tin và mạnh tiến trên lộ trình phát huy văn hóa Phật giáo để phục vụ chư tôn đức Tăng Ni và toàn thể độc giả. ■

Vài ý kiến về thời đại An Dương Vương

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

Thời đại An Dương Vương là một “lỗ hổng” lịch sử. Tuy đã có nhiều lập luận về gốc tích của nhân vật Thục Phán và sự thành lập nước Âu Lạc được nêu ra nhưng các ý kiến vẫn trái ngược nhau. Dù sao chăng nữa, giới sử học cũng đã công nhận triều đại An Dương Vương là một triều đại chính thống. Trên thực tế, di tích thành Cổ Loa đã được khai quật cho thấy có nhiều điều phù hợp với các truyền thuyết; và trong dân gian, lễ hội Đền Cổ Loa vẫn được tổ chức hàng năm để tưởng nhớ người đã lập ra triều đại nhà Thục. Ở đây, chúng tôi xin được nêu một số ý kiến về thời đại còn gây nhiều tranh cãi này.

Gốc tích của Thục Phán

Dân tộc Việt Nam trong giai đoạn lịch sử từ 218 ttl – 179 ttl đã chịu đựng một thời kỳ đầy biến động. Đó là lúc nhà Tần bắt đầu cuộc “Nam tiến” nhằm tiêu diệt Bách Việt và cuộc kháng chiến 10 năm thành công của nhân dân Tây Âu – Lạc Việt (218 ttl – 208 ttl); thời đại Hồng Bàng chấm dứt sau 18 đời vua Hùng (207 ttl); nước Âu Lạc thành lập, xây Loa Thành định đô (208 ttl); Nam Việt thôn tính Âu Lạc (179 ttl) mở đầu thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất. Một điều dễ nhận ra là nhân vật Thục Phán An Dương Vương gắn liền với những biến động lịch sử này. Do đó, nghiên cứu về nhân vật Thục Phán cũng là để hiểu rõ hơn về giai

đoạn cổ sử của dân tộc Việt Nam, một “lỗ hổng” vẫn còn nhiều sự hồ nghi cần bàn cãi.

Đại Việt sử ký toàn thư trong phần ngoại kỷ, kỷ nhà Thục chép về An Dương Vương chỉ ghi cô đọng, “Họ Thục, tên húy là Phán, người Ba Thục, ở ngôi 50 năm, đóng đô ở Phong Khê, (nay là thành Cổ Loa)”. Tuy nhiên, trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sử gia triều Nguyễn có nhận xét rằng xứ Ba Thục ở tận Tứ Xuyên Trung Quốc cách Việt Nam rất xa, không thể nào Thục vượt hàng ngàn dặm để sang đánh lấy nước Văn Lang. Có lẽ nhận xét đó của cương mục đã khiến nhiều người bác bỏ việc Thục Phán là người Ba Thục. Nhà sử học Trần Trọng Kim cho rằng nhà Thục chép trong sử nước ta không phải là nhà Thục bên Tàu và Ngô Tất Tố còn khẳng định rằng nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục. Khi các nhà nghiên cứu dân tộc học phát hiện truyền thuyết “Chín chúa tranh vua” của đồng bào Tày ở Cao Bằng có nói về nhân vật Thục Phán, đã xuất hiện quan điểm cho rằng Thục Phán là một thủ lãnh của người Tày cổ ở Cao Bằng đã xuất quân đánh nước Văn Lang của các vua Hùng và cuộc tranh chấp này là giữa những người “đồng văn đồng chủng”. Những người bênh vực quan điểm này dựa vào những phát hiện về thành Bản Phủ ở Hưng Đạo, Hòa An, Cao Bằng và những nghiên cứu dân tộc học ở khu vực Cao Bằng để kết luận đã có một sự kế tục giữa Bản Phủ và Cổ Loa và cho rằng điều đó đã làm sáng tỏ giả thuyết Thục Phán là người Cao Bằng. Thế nhưng gần đây hơn, một số tác giả nhận xét rằng truyền thuyết “Chín chúa tranh vua” của người Tày Cao Bằng không chứa đựng chi tiết nào phủ nhận việc Thục Phán không phải là người bản địa, có nghĩa là Thục Phán vẫn có thể là một nhân vật ngụ cư sau một vài đời, và có khả năng nhân vật này vốn thuộc dòng dõi Khai Minh làm vua nước Thục ở Tứ Xuyên đã bị nhà Chu rồi nhà Tần tiêu diệt mà phải lưu vong. Các tác giả cũng nêu ra rằng đường từ Tứ Xuyên đến Quảng Tây rồi xuống đồng bằng Bắc Bộ không phải là không đi được. Và các tác giả đó có người đề nghị nên dè dặt với thuyết Thục Phán là người Cao Bằng, có người khẳng định *Đại Việt sử ký toàn thư* đã đúng khi viết Thục Phán là người nước Thục. Ở đây, chúng tôi thiên về những kết luận sau, và cho rằng cần có những nghiên cứu sâu rộng hơn trước khi có những kết luận mang tính khẳng định.



Về thời điểm Thục Phán diệt nước Văn Lang

Về điều này, *Đại Việt sử ký toàn thư* cho rằng Thục Phán diệt họ Hùng vào năm 257 ttl. Nếu như vậy thì bốn, năm chục năm sau, Thục Phán lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tần (218 ttl – 208 ttl) là ai? Theo “*Lịch sử Việt Nam*” (Viện Sử học - 1991) thì năm 218 ttl, Tần Thủy Hoàng huy động 50 vạn quân chia làm 5 đạo đi chinh phục Bách Việt, một đạo quân phải đào con kênh nối sông Lương (vùng An Hưng, Trung Quốc ngày nay) để chở lương thực; nhờ vậy, đạo quân do Đồ Thư thống lĩnh đã vào được đất Tây Âu, giết tù trưởng Dịch Hu Tống, chiếm đất rồi tiến vào Lạc Việt. Như vậy, thủ lĩnh Tây Âu là Dịch Hu Tống chứ không phải là Thục Phán. Thục Phán chỉ là nhân vật cầm đầu cuộc kháng chiến 10 năm (218 ttl– 208 ttl) của người Tâu Âu – Lạc Việt khi Dịch Hu Tống đã bị Đồ Thư giết. Có thể hiểu là Thục Phán nhờ có thế lực dòng họ Thục lưu vong của mình đã dần nắm được sự lãnh đạo đối với người Tây Âu sau khi Dịch Hu Tống bị giết, và từ vị thế này đã liên kết với người Lạc Việt của vua Hùng để chống Tần. Sau cuộc chống Tần thắng lợi, Thục Phán đã buộc vua Hùng thứ 18 nhường ngôi, lập ra nước Âu Lạc.

Tuy nhiên, sử liệu Việt Nam vẫn mâu thuẫn về điều này. Thậm chí có tài liệu cho rằng Thục Phán được vua Hùng thứ 18 “nhường ngôi” sau khi đã có công chống Tần. Nếu thế, việc này phải xảy ra trong khoảng thời gian 218 ttl – 208 ttl hoặc sau đó nữa, khi cuộc kháng chiến chống Tần đã kết thúc.

Chúng tôi có quan điểm sau đây: Thời điểm 257 ttl không thể diễn ra việc Thục Phán diệt họ Hùng và lập nước Âu Lạc. Thời điểm này Thục Phán và đồng bào của ông ta đã nương nhờ tù trưởng Dịch Hu Tống trên đất Tây Vu, gần Văn Lang. Sau này, khi Dịch Hu Tống bị Đồ Thư giết chết, bằng sự lấn át của dòng tộc mình có thể Thục Phán đã cướp quyền lãnh đạo ở vùng đất Tây Âu và dùng vị thế này liên kết với nhân dân Văn Lang để chống Tần. Tuy nhiên, sau khi đã thắng lợi thì Thục Phán nhớ đến vinh quang xưa của dòng họ; và với dã tâm quyền lực, đã diệt họ Hùng để lập ra nước Âu Lạc. Chính vì vậy, *Sử ký Tư Mã Thiên*, bộ sử đầu tiên của Trung Quốc được soạn trong khoảng 109 ttl đến 91 ttl, đã viết nước Âu Lạc lập sau năm 208 TCN. Mốc thời gian này hợp lý hơn nhiều vì *Sử ký Tư Mã Thiên* có độ tin cậy cao hơn các tư liệu khác: nó là bộ sử gần nhất với sự kiện lập quốc Âu Lạc, quốc gia liền kề với Nam Việt và nước Hán ở Trung Quốc.

An Dương Vương lập quốc theo mô hình nào?

Một điều đáng để suy nghĩ nữa là Thục Phán An Dương Vương lập quốc theo mô hình nào? Mô hình của nước Thục đã diệt vong thời Chiến Quốc hay mô hình Văn Lang? Hay là một mô hình mới?

Mô hình nước Thục xưa được An Dương Vương áp dụng ở những chứng cứ sau: Việc dời đô từ vùng bán

sơn địa Phong Châu (Phú Thọ) về vùng đồng bằng Cổ Loa (thuộc Hà Nội ngày nay) chứng tỏ một bước tiến vượt bậc trong việc quản lý đất nước mà nước Văn Lang lúc trước vẫn chưa đạt được. Từ việc không có thành trì, phải nhổ tre đánh giặc như Thánh Gióng thời Văn Lang, nước Âu Lạc đã xây dựng thành Cổ Loa vững chắc, tinh vi với vị thế là kinh đô của cả nước, chế ra “nỏ thần” và phân biệt rạch ròi giữa vua và dân về nơi cư trú. Về “nỏ thần” có ý kiến cho rằng đó là sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, cũng có ý kiến cho là do Cao Lỗ chế ra nhờ cải tiến loại nỏ từng được sử dụng trong cuộc kháng chiến chống Tần hoặc là tiếp thu từ nỏ của quân Tần. Ta thấy về sau một số dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam sử dụng nỏ cũng rất tài tình, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Tống lần hai.

Mô hình Văn Lang được nhìn nhận ở những chứng cứ sau: Bộ máy nhà nước của nước Âu Lạc không có nhiều thay đổi so với bộ máy nhà nước thời Văn Lang. Đứng đầu bộ máy hành chính ở trung ương vẫn là Vua và Lạc hầu, Lạc tướng. Đứng đầu các bộ vẫn là Lạc tướng. Đứng đầu các chiềng, chạ vẫn là Bố chính. Tuy nhiên, ở thời An Dương Vương, vua có quyền thế hơn. Con gái vua, như Mỹ Châu, vẫn được gọi theo cách gọi của dân gian Văn Lang. Mỹ Châu có nghĩa là con gái trưởng của vua, khác với Mỹ Nương là công chúa nhưng không phân biệt thứ tự. Và tục ở rể vẫn thịnh hành như thời Lang Liêu cưới được công chúa nên được nhường ngôi. Bằng chứng là Trọng Thủy của nước Nam Việt, một nước lớn và mạnh hơn, phải sang ở rể tại Âu Lạc.

Như vậy, mô hình Âu Lạc là sự kết hợp giữa mô hình Thục và mô hình Văn Lang. Chính vì điều này, nhà nước Âu Lạc đã có sự phát triển vượt bậc trong vòng 30 năm (208 ttl – 179 ttl), đủ sức đẩy lùi những cuộc tấn công của nước Nam Việt trong một thời gian khá lâu dài.

Sự phản kháng của người Văn Lang

Lịch sử ít nhắc đến sự phản kháng của người Văn Lang đối với nhà Thục. Tuy nhiên, qua nghiên cứu của cá nhân chúng tôi, chính sách cai trị của An Dương Vương khá chuyên chế và nhiều cuộc phản kháng đã diễn ra. Việc thành Cổ Loa “xây rồi lại sập” nhiều lần không phải là do nhà Thục không đủ kỹ thuật. Thực tế là kỹ thuật xây thành của nhà Thục rất điêu luyện và công phu. Kiến trúc kiên cố của Loa Thành phát hiện sau này với thành cao, hào sâu, rộng, nhiều ụ, lũy và hàng vạn mũi tên đồng tìm được là những minh chứng điển hình.

“Sự tích thành Cổ Loa” cho rằng thành sập là do “hàng vạn thiêu binh thiêu tướng” và “con tinh gà trống” quấy nhiễu. Rõ ràng các sự việc trên là không có thật. Sự thật chỉ có thể là do những nguyên nhân thực tế hơn. Đó là do người dân Văn Lang cũ bất phục tùng lẩn phá hoại trong việc phải phục dịch để xây dựng cung

điện cho một bộ tộc khác. Bởi Loa Thành là một kiến trúc có sự phân biệt rạch ròi giữa vua, quan, thường dân đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Phong Châú, kinh đô của các vua Hùng thì không có sự phân biệt lớn về điều này. Và dĩ nhiên, sự phu phen, lao dịch nặng nề khiến cho người dân Văn Lang, nhân lực chủ yếu trong xây thành, vốn không quen với công việc này cảm thấy mình đang bị áp bức và cần nỗi dậy đấu tranh. Trong "Sự tích thành Cổ Loa" thì An Dương Vương đã mấy lần sai nhân dân đắp lại thành đổ chỉ trong một ngày. Nhưng chính khi xây lần đầu tiên An Dương Vương đã cho rằng thành Cổ Loa là một tòa thành có thể đứng vững muôn đời, sấm sét không lay chuyển, mưa bão không làm sạt được, và quân giặc cũng không thể phá đổ. Điều này chứng tỏ An Dương Vương đã tàn bạo hơn hẳn Tần Thủy Hoàng trong việc xây thành và không hề tính toán gì đến công sức, xương máu của lao dịch vốn là nhân dân Văn Lang xưa. Về sự việc này, sử thần Ngô Sĩ Liên đã viết rằng: "An Dương Vương hưng công đắp thành có phần không dè đặt sức dân, cho nên thần thác vào rùa vàng để răn bảo, chẳng phải là vì lời oán trách động dân mà thành ra như thế ư?"

Do đó, dù Thục Phán là "anh hùng đánh bại quân Tần" thì vẫn không thể xua tan tâm lý "bài ngoại" của cư dân Văn Lang vốn còn lưu giữ chế độ thị tộc rất sâu sắc. Việc An Dương Vương đánh bại quân Tần xâm lược thực chất phần lớn là do công lao của nhân dân Văn Lang. Nhân dân Văn Lang với truyền thống chống ngoại xâm có thể đã tạm liên minh với An Dương Vương để chống kẻ thù lớn hơn, là nước Tần. An Dương Vương, "kẻ thù của kẻ thù" đã trở thành bạn của Văn Lang trong trường hợp như vậy. Và bởi Thục Phán cũng là thủ lĩnh ngoại tộc bị nhà Tần dồn đuổi mới chạy xuống vùng đất Văn Lang và đã cướp ngôi vua của Hùng Vương thứ 18. Những cuộc chiến diễn ra giữa hai bên Hùng – Thục được miêu tả rất nóng bỏng và sinh mạng của người Văn Lang đã bị tàn hại rất nhiều. Theo truyền thuyết thì Sơn Tinh là một vị tướng quân Văn Lang chống lại Thục Phán An Dương Vương. Và những trận chiến giữa hai tập đoàn người ở vùng đất Văn Lang để tranh giành "không gian sinh tồn" dĩ nhiên là rất bạo tàn theo kiểu chiến tranh bộ tộc hay chiến tranh cổ đại với sự thương vong lớn, và luôn giết tù binh vì không đủ lương thực để nuôi. Bên cạnh đó, đối với cư dân vừa thoát thai khỏi chế độ thị tộc và xuất hiện sự hình thành dân tộc thì yếu tố ngoại lai thường gây ra sự khó chịu. Việc "bài ngoại" và "đào thải" của cư dân Văn Lang cũ dưới thời Thục Phán không phải là ngoại lệ. Thời Hai Bà Trưng, năm 40-43, hai bà vẫn nhắc đến "nghịệp xưa họ Hùng" chứ không phải nghiệp xưa nhà Thục và tên nước cũng là Lĩnh Nam (tên nước cũ thời Lạc Long Quân). Chứng tỏ dấu ấn Thục Phán là rất ít ỏi trong lòng người Việt.

Chính vì vậy nên mới có chuyện Thục Phán phải đăng đàn với trời đất để cầu thánh thần phù trợ. Việc

nhà Thục tung tin rằng thần Kim Quy đến giúp sức xây thành, cho lẫy làm "nô thần" và ở lại ba năm chính là một thủ thuật gây "nhiều" cho tâm lý người Văn Lang trước khi sử dụng bạo lực áp chế họ xây thành và cai trị họ. Việc đưa con gái chủ quán và đám yêu tinh bị quân của An Dương Vương giết chết trong truyền thuyết có thể là nghĩa quân của người Văn Lang bất phục tùng vì lao dịch và sự cai trị của nhà Thục. Chúng ta đã từng suy nghĩ là chiếc "nô thần" vào thuở ban đầu do tướng Cao Lỗ làm ra chính là thứ vũ khí để áp chế dân chúng trước khi chống Triệu Đà không? Bởi Cao Lỗ là tướng của Thục Phán. Vị tướng này có công lao với nhà Thục trong việc xâm chiếm thành công Văn Lang. Tất nhiên, nô thần do ông chế tạo cũng là để bảo vệ nhà Thục dù trước nghĩa quân Văn Lang hay quân xâm lược Triệu Đà.

Chính vì nền tảng quyền lực như vậy nên Thục Phán mới đa nghi với nhân dân nhưng lại "hòa hiếu" với Triệu Đà. Sau này các tướng của nhà Thục đều bị Trọng Thủy gièm pha với An Dương Vương và họ đều bị giết chết hoặc đuổi đi. Thậm chí đến con gái mình cũng bị An Dương Vương xem là "giặc". Một sự bao biện đến kinh hoàng. Bởi My Châu rõ ràng không phải là giặc. Nhưng thần Kim Quy lại bảo là giặc và An Dương Vương tin theo. Điều đó có nghĩa mọi việc đều do An Dương Vương hoặc người đời sau bày vẽ ra. Bởi không có chuyện thần Kim Quy là thần tiên lại không biết rõ sự tình.

"Độc nhất vô nhị" thành cổ Cổ Loa

Khó có một tòa thành có nhiều sự độc đáo như thành cổ Cổ Loa. Các nhà khảo cổ học đã đánh giá đây là "tòa thành cổ nhất, quy mô lớn vào bậc nhất, cấu trúc cũng thuộc loại độc đáo nhất trong lịch sử xây dựng thành lũy của người Việt cổ".

Gần 15.000m tường thành Cổ Loa đều được xây dựng bằng cách triệt để lợi dụng địa thế tự nhiên, đắp vòng nối với nhau nơi Trấn Nam môn, tạo thành một hình xoáy tròn ốc nên được gọi là Loa thành. Cách đắp này cổ kim, Đông Tây chưa hề có. Thành Cổ Loa theo truyền thống gồm chín vòng xoáy tròn ốc, hơn hẳn những tòa thành khác về số vòng thành (các tòa thành sau này chỉ có nhiều nhất là ba vòng thành).

Những gì đã phát hiện cho phép xác định rằng khu vực Tây nam thành Cổ Loa xưa là một "binh công xưởng" làm nhiệm vụ đúc mũi tên trang bị cho quân đội của An Dương Vương. Đến đây người ta sẽ được xem tận mắt dấu vết của lò đúc, những phần còn lại của khuôn đúc, những mũi tên đồng ba cạnh đặc trưng Cổ Loa – sản phẩm mang "thương hiệu Việt" đã từng nhiều lần gây kinh hoàng cho quân xâm lược. Ở Trung Quốc cũng có nỏ máy của Khổng Minh trong trận chiến với Mạnh Hoạch nhưng những cỗ máy bắn tên này chỉ nổi tiếng sau "nô thần" Cổ Loa hơn 400 năm.



Bên cạnh đó, hiếm có tòa thành nào ở Việt Nam lại có nhiều truyền thuyết ly kỳ, hấp dẫn như thành Cổ Loa. Từ truyền thuyết định đô (*truyền thuyết Độc Nhãn Long*), truyền thuyết xây thành (*Sự tích thành Cổ Loa*) đến truyền thuyết về sự thất thủ (*truyện Nô thần, truyện Mỹ Châu – Trọng Thủy*) đều được dân gian lưu truyền từ đời này sang đời khác như những ký ức không thể nào quên...

So với việc Lý Thái Tổ cùng bá quan văn võ thấy rồng vàng bay lên ở thành Đại La, dời đô từ vùng Hoa Lư về đây, sau đặt là Thăng Long thì truyền thuyết về việc An Dương Vương định đô xây thành hấp dẫn hơn rất nhiều. Truyền thuyết xưa kể rằng, An Dương Vương lệnh cho các thầy địa lý tìm khắp cõi Âu Lạc xem đâu có thể đất thịnh vượng để dựng kinh đô. Sau hàng tháng trời tìm kiếm, các thầy báo về có một nơi được coi là đỉnh của vùng tam giác châu thổ sông Hồng, là vị trí đắc địa; bởi từ đấy có thể khống chế một vùng rộng lớn cả đồng bằng lấn sơn địa. Đó chính là Cổ Loa. Khi quyết định rời đô từ Phong Châu (Lâm Thao - Phú Thọ) về, đoàn thuyền của vua chứng kiến cảnh chín con rồng quần thảo một hòn ngọc lớn. Vua cho đấy là điềm lành nên chọn đúng nơi có chín con rồng quần thảo để xây chính điện (đền Thương ở Cổ Loa bây giờ). Trong cuộc giao tranh, một con rồng khỏe nhất chiếm được hòn ngọc và ngậm vào mồm. Nhưng nó cũng bị hỏng một mắt sau cuộc chiến đó bởi chính An Dương Vương đã dùng bảo kiếm của mình chọc thủng mắt rồng để khắc phục bản tính hung dữ của nó.

Trong quá trình xây dựng, thành Cổ Loa thường bị sập, sau phải nhờ sức thần mới diệt được con tinh gà trống mới có thể xây thành. Đó chính là "Sự tích thành

Cổ Loa". Tiếp đó, truyền thuyết "My Châu – Trọng Thủy" là một trong những câu chuyện có sức hấp dẫn được lưu truyền trong dân gian từ ngàn xưa. Đây cũng là tác phẩm mang dấu ấn bi kịch sớm nhất trong văn chương dân tộc. Bên cạnh bài học về việc cần đề cao cảnh giác với kẻ thù, tấm oan tình còn để lại những bài học mang giá trị nhân văn sâu sắc.

Cuối cùng, dân gian có câu: "Thứ nhất lễ hội Cổ Loa - Thứ hai hội Gióng, thứ ba hội Chèm". Bắt đầu từ năm 1961, Lễ hội Cổ Loa được tổ chức vào ngày 6 tháng Giêng âm lịch, tương truyền là ngày An Dương Vương lên ngôi hoàng đế. Làng Cổ Loa gồm 12 xóm nhưng hội Cổ Loa là của chung một cụm tám làng (ngày trước gọi là Bát Xã) gồm: Đài Bi, Sàn Dã, Cầu Cả, Mạch Tràng, Văn Thượng, Thư Cưu, Cổ Loa, Xép. Cả tám làng này đều thờ Thục Phán nên đều tham gia tổ chức hội. Lễ hội là dịp để người dân địa phương nói riêng và người dân trên cả nước nói chung tưởng nhớ công lao của vị vua đầu tiên của nước Âu Lạc. Một khác, nước giếng Ngọc (tương truyền là nơi Trọng Thủy tự tử vì hối hận) nếu đem rửa ngọc trai thì ngọc sáng bội phần. Trong "Tang thương ngẫu lục" của Nguyễn Án và Phạm Đình Hổ thế kỷ XVIII có chép về việc Nguyễn Công Hãng sang Trung Quốc bị tướng nhà Thanh đòi nước giếng để rửa ngọc trai. Ông đã ứng đối giỏi mà phá được lệ đó. Nhân dân Cổ Loa hiện nay vẫn biết chuyện xưa kia chúng ta phải cống nước giếng Ngọc sang Trung Quốc để rửa ngọc trai.

Thông qua những luận điểm trên đây, chúng tôi mong muốn góp một phần lý giải thêm về một thời đại hết sức biến động và khát mơ hồ của dân tộc Việt Nam: thời đại An Dương Vương. ■



Ni lai

trong hành xứ của mình

TỊNH LẬP

Dức Phật khuyên nhắc các Tỳ-kheo nên sáng suốt đi lại trong hành xứ của mình để được an toàn mà thực hành đạo giải thoát, không nên mê lầm đi lại trong cảnh giới của người khác nhằm tránh cho mình khỏi các vướng lụy khổ đau. Đây hẳn là lời khuyên rất mực căn bản của Đức Thế Tôn dành cho các đệ tử xuất gia của Ngài, một lời khuyên tỏ rõ sự quan tâm lo lắng của bậc Đạo sư đối với hạnh phúc của các học trò mình. Thế nào là đi lại trong hành xứ của mình, không đi lại trong cảnh giới của người khác? Phật kể câu chuyện để minh họa:

"Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, một con chim ưng cái thỉnh linh vô xuống và chụp lấy một con chim cút. Rồi này các Tỳ-kheo, con chim cút bị con chim ưng cái bắt, than khóc như sau:

"Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi không phải chỗ hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác. Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thời con chim ưng này không thể hơn tôi, nếu phải đánh nhau".

"Này Chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của người, thế nào là cảnh giới của cha mẹ người?".

"Là vạt đất được luối cày xới lên".

Rồi này các Tỳ-kheo, con chim ưng cái không có siết mạnh sức mạnh của mình, không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói:

"Hãy đi, này Chim cút. Sau khi đi tại chỗ ấy, ta sẽ không thả cho ngươi".

Rồi này các Tỳ-kheo, con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng:

"Này, hãy đến ta, Chim ưng! Ngày, hãy đến ta, này Chim ưng!".

Rồi này các Tỳ-kheo, con chim ưng cái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cánh, thỉnh linh vô lấy con chim cút. Ngày các Tỳ-kheo, khi con chim cút biết được: 'Con chim ưng này đang vô mạnh xuống ta; liền nấp sau hòn đất ấy. Ngày các Tỳ-kheo, ở đây, con chim ưng bị bể ngực.

Cũng vậy, ngày các Tỳ-kheo, đối với ai đi tới chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy, ngày các Tỳ-kheo, chớ có đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Ngày các Tỳ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác, thời Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

Này các Tỳ-kheo, chỗ nào không phải hành xứ của Tỳ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là nắm dục công đức. Thế nào là nắm?

Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các hương do mũi nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các vị do lưỡi nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Ngày các Tỳ-kheo, đây không phải là chỗ hành xứ của Tỳ-kheo, là chỗ cảnh giới của người khác.

Này các Tỳ-kheo, hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình. Ngày các Tỳ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến cảnh giới của cha mẹ mình, thời Ác ma không nắm được cơ hội, không nắm được đối tượng.

Và ngày các Tỳ-kheo, chỗ nào là chỗ hành xứ của Tỳ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của cha mẹ? Chính là bốn mảnh xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, ngày các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nghiệp phục tham ưu ở đời. Ngày các Tỳ-kheo, đây là chỗ hành xứ của Tỳ-kheo, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình!"

Câu chuyện con chim ưng và con chim cút ở trên minh họa rõ ràng hành xứ yên ổn hay chỗ đi lại an toàn của người xuất gia. Đó là người xuất gia chỉ nên đi lại

trong giáo pháp giác ngộ hiền thiện của Phật, chuyên tâm thực hành bốn niêm xứ (quán thân, thọ, tâm, pháp) để đoạn tận các phiền não lậu hoặc, không nên đi lại trong thế giới dục lạc thuộc thế gian để tránh rơi vào hiểm họa khổ đau. Người xuất gia mà chánh niệm đi lại trong hành xứ của mình, nghĩa là tập trung tu tập giáo pháp giới-định-tuệ của Phật thì Ác ma có hung dữ đến đâu cũng không làm gì được vị ấy; giống như con chim cút đi lại trong vạt đất cày xới thì con chim ưng hung dữ không có cơ hội chộp bắt được. Trái lại, người xuất gia mà thiếu chánh niệm tinh giác, rời khỏi hành xứ giới-định-tuệ của mình, lang thang trong thế giới dục lạc thuộc thế gian thì Ác ma có cơ hội chi phối vị ấy ngay lập tức; tựa như con chim cút không thoát được móng vuốt của con chim ưng một khi nó rời khỏi hành xứ an toàn của nó là vạt đất cày xới.

Câu chuyện Phật kể thật nhẹ nhàng mà thâm thúy đối với các Tỳ-kheo bởi nó liên quan mật thiết đến ý nghĩa và mục đích của những người quyết chí tu học theo giáo pháp giác ngộ của Phật bằng con đường xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Theo quan điểm của đạo Phật thì người xuất gia quyết tâm rời bỏ đời sống gia đình để thực hành đạo giải thoát vì nhận thức được các trói buộc khổ não của đời sống dục lạc thế gian²: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cao bồi râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình"³ Vị ấy chọn lối sống viễn ly dục lạc, nghĩa là rời xa các ham muỗn đối với tài, danh, sắc, thực, thùy hay sắc, thanh, hương, vị, xúc, vì nhận thức được các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm càng nhiều hơn⁴. Do chấp nhận thực hành đời sống rời xa các dục, người xuất gia được xem là thoát ly các vướng lụy trần thế, không còn bận rộn với các ham muỗn thường tình của đời sống thế tục. Vị ấy không còn bị tiền tài vật chất (tài), danh vọng quyền lực (danh), sắc đẹp khác phái (sắc), cao lương mỹ vị (thực), chăn gối êm ái (thùy) hay sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu chi phối và trói buộc. Vì không còn bị dục vọng và trách vụ thế gian chi phối và ràng buộc nên vị ấy có đủ thì giờ và tâm sức tập trung vào việc tu học lời Phật dạy, thực nghiệm đầy đủ các phương diện lợi lạc của đời sống thanh tịnh về giới đức, thiền định và trí tuệ gọi chung là đời sống Phạm hạnh. Nói cách khác, người xuất gia có lý tưởng giải thoát cao quý để theo đuổi và có đời sống thanh tản an lạc do công phu thực hành giới-định-tuệ mang lại nên vị ấy sống ở thế gian mà không vướng lụy trần thế, sống giữa các dục mà không bị các dục làm cho say đắm và ô nhiễm. Đây gọi là người xuất gia đi lại trong hành xứ của mình, không đi lại trong

cảnh giới của người khác, khiến Ác ma (tham-sân-si) không có cơ hội xâm nhập, không nắm được đối tượng để chi phối.

Nhìn chung, người xuất gia tu học theo giáo pháp của Phật có lý tưởng, có đường hướng và có mục tiêu xác đáng để dẫn dắt đời sống tu hành của mình tiến triển một cách tốt đẹp. Vị ấy không còn ao ước, không còn ham thích, không còn dính dáng gì đến những thứ ràng buộc thường tình của thế gian như tài, danh, sắc, thực, thùy hay sắc, thanh, hương, vị, xúc, do nhận thức được sự vướng lụy khổ não của chúng và quyết tâm rời xa chúng. Vị ấy chọn lối sống từ bỏ các ham muốn thế tục hay các lạc thú thế gian và chuyên tâm tìm kiếm an lạc thông qua nếp sống nuôi dưỡng giới đức, tu tập thiền định và phát triển trí tuệ. Vị ấy thực thi nếp sống rời xa các ham muốn thế gian bằng cách chấp nhận lối sống thiểu dục tri túc, tuân thủ các cẩm giới, giữ thân, miệng, ý trong sạch, phòng hộ các giác quan, tiết độ việc ăn uống, chú tâm cảnh giác và chánh niệm tinh giác. Vị ấy chuyên tâm hành trì thiền định, dùng thiền lạc hóa giải lòng ham muốn dục lạc, lấy niềm vui của nội tâm an tịnh thay thế các lạc thú thế gian. Vị ấy học cách phát triển trí tuệ, vận dụng sự hiểu biết sáng suốt để theo đuổi đúng đắn con đường rời xa các dục, rời xa các trói buộc và vướng lụy của thế gian, để thực hành đạo xuất thế, bước đi trên con đường thanh tịnh an lạc, rời xa mọi phiền lụy khổ đau.

Nói cách khác, người xuất gia có cảnh giới an toàn để theo đuổi đời sống Phạm hạnh một cách thanh tản an lạc và có kết quả tốt đẹp. Đó là cảnh giới của Phật pháp mà chư Phật tổ đã dày công kiến tạo và trao

truyền lại cho hậu thế. Đó chính là giới đức, có công năng ngăn chặn mọi điều ác và khuyến khích các việc lành, giúp cho người xuất gia thể hiện một nếp sống đạo đức hiền thiện, thực nghiệm niềm hạnh phúc sâu lắng của một đời sống chân chánh thanh tịnh với một tâm tư thanh tản, không phiền muộn, không ăn năn, không hối tiếc. Đó chính là thiền định, có công năng làm lắng dịu và bùi mòn các cầu uế nội tâm, khiến cho tâm trí được trong sáng và thanh tản, đạt đến định tĩnh, không tán loạn, thuần tịnh, không uế nhiễm, an lạc, không phiền não. Đó chính là trí tuệ, có công năng xua tan mọi tập quán mê lầm, giúp cho người xuất gia thấy rõ và thực hành đúng đắn con đường rời xa mọi phiền não khổ đau, đạt đến cứu cánh giác ngộ, cứu cánh giải thoát, cứu cánh Niết-bàn. Người xuất gia càng chuyên tâm đi lại trong hành xứ của mình, đi lại trong giáo pháp giới-định-tuệ của Phật, thì giới đức, tâm đức, tuệ đức càng tỏa sáng, cùng lúc hạnh phúc Niết-bàn càng đổ đầy cuộc sống của vị ấy.

Chư Tăng sắp bước vào mùa cấm túc an cư theo đúng tinh thần lời Phật dạy. Đó là một tập tục sinh hoạt mang tính truyền thống của Tăng-già do bậc Giác ngộ thiết lập nhằm giúp cho người xuất gia có nhiều thời gian tập trung vào phận sự học tập và hành sâu đạo lý giác ngộ. Cấm túc an cư không gì khác là một biểu hiện cụ thể của lối sống chuyên tâm đi lại trong hành xứ của mình mà Đức Phật từng khuyến cáo các Tỳ-kheo. Vì trách nhiệm tinh thần đối với nhân quần mà trong đời sống sinh hoạt hàng ngày các Tỳ-kheo phải dấn thân vào các công việc xã hội, phải thường xuyên đi lại trong thế giới vui buồn của thế gian, không có nhiều thời gian dành cho việc tập trung hành sâu giáo pháp của giác ngộ của Phật. Chính vì vậy mà ba tháng cấm túc an cư là khoảng thời gian thuận lợi nhất cho người xuất gia chuyên tâm thực hành sâu giáo pháp giới-định-tuệ của Phật nhằm thăng tiến giới đức, tâm đức và tuệ đức của chính mình. Quần chúng Phật tử cũng ý thức rất rõ truyền thống tu học cao quý này của Tăng-già nên hết sức tôn trọng và sẵn sàng tạo mọi điều kiện thuận lợi để chư Tăng các địa phương thực hiện truyền thống cấm túc an cư của mình một cách đúng pháp và có được kết quả mỹ mãn. Vì hơn ai hết, quần chúng là người biết rõ rằng đạo hạnh của chư Tăng càng tỏa sáng và mang lại nhiều niềm tin yêu lợi lạc cho nhân thế sau ba tháng chư Tăng thực hành cấm túc an cư, chuyên tâm đi lại trong giáo pháp của Phật, đi lại trong hành xứ chính đáng của mình. ■

Chú thích:

1. Kinh Con chim ưng, *Tương Ưng Bộ*.
2. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
3. Tiểu kinh Ví dụ dấu chân voi, Kinh Kandaraka, Kinh Ratthapala, *Trung Bộ*.
4. Kinh Ví dụ con rắn, *Trung Bộ*.





Bốn tư tưởng chuyển hướng tâm

và lòng bi

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Bốn tư tưởng chuyển hướng tâm

Bốn tư tưởng chuyển hướng tâm có trong các kinh, về sau được các đại sư Ấn Độ đúc kết lại để thành một phần của những thực hành sơ bộ. Hiện giờ bốn tư tưởng này trong Phật giáo Tây Tạng là do Đại sư Ấn Độ Atisha (khoảng 982 – 1054) qua dạy ở Tây Tạng và được viết ra trong *Ngọn đèn của con đường giác ngộ* và các tác phẩm khác của ngài. Atisha là một trong những vị quan trọng nhất đã đem Phật giáo vào Tây Tạng. Từ phái Kadam do chính ngài lập ra, bốn tư tưởng chuyển hướng tâm được phổ biến trong tất cả bốn phái Tây Tạng hiện nay, là một phần trong những thực hành sơ bộ cho cả bốn phái.

Bốn tư tưởng chuyển hướng tâm là sự phản tỉnh, phản tư trên chính cuộc đời mình để xoay hướng nó đến mục tiêu đích thật của cuộc đời mỗi người, đồng thời là động lực để thúc đẩy con người đi đến đó. Mục tiêu này là sự giải quyết cho những câu hỏi muôn đời của nhân loại : Chúng ta từ đâu đến, chúng ta sống để làm gì, và chết chúng ta đi về đâu.

1. Vô thường và cái chết

Đây là điều chúng ta thấy hàng ngày, trước mắt, nhưng không muốn nhớ, thành thử luôn luôn quên.

Khi nghiêm túc suy nghĩ trở lại cuộc đời mình, ai cũng thấy mình có được nhiều thứ sở hữu. Chúng ở với



chúng ta một thời gian rồi đi hay hư hoại mất. Được để rồi mất, đó là số phận của mỗi người chúng ta. Như một sự thật mà đạo Phật đã nêu ra, cái gì có sanh thì cái ấy có diệt. Thành thử được nhiều bao nhiêu thì mất nhiều bấy nhiêu. Cho đến cuối cùng, cái chết là sự mất tất cả. Cuộc sống của chúng ta mong manh và ảo tưởng biết bao nhiêu: chúng ta chỉ nhớ cái đang được và quên cái đã mất.

Nhìn lại hôm qua, hôm kia, chúng ta thấy mình đã mất một số điều, của cải có, tình cảm có, sự vật cũng có. Mất vì chẳng có không gian nào thời gian nào lặp lại được. Những cái đó qua đi, không bao giờ trở lại như cũ được, bởi thế con người mới có danh từ "kỷ niệm".

Thời gian của con người là thời gian hướng về cái chết. Chẳng phải văn chương, triết học, tôn giáo của loài người đều nói đến những cảm xúc như vậy sao? Nhìn sâu xa, tất cả những việc làm của con người để tạo ra văn hóa và văn minh đều nhằm chống lại cái chết. Đó không phải là một quan niệm bi quan, mà là sự thật, một vấn đề lớn nhất mà con người phải đối mặt, dầu có muốn giả lơ, quên đi bằng những hoạt động hay giải trí để xao lảng.

Nhưng không thể nào bỏ qua được. Mỗi ngày xé đi một tờ lịch là mất đi một ngày, mà không có Thượng đế nào, thần linh nào lấy lại được cho chúng ta, dán lại tờ lịch đó cho chúng ta được. Mỗi giây phút qua đi, đối với đời người thì không thể nào lấy lại.

Khi thấy cuộc đời mình cứ trôi đi như một dòng sông không thể nào giữ lại, lúc ấy người ta có thái độ nghiêm túc với cuộc đời mình: chúng ta sinh ra để làm

gi, rồi sẽ đi về đâu. Khi ấy Phật pháp sẽ là câu trả lời cho vấn đề này, vì lý do tồn tại của đạo Phật là để giải quyết cho con người về vấn đề sanh tử này. Lúc đó, Phật pháp mới "thiết thực hiện tại", mới là sự thực hành, là sự sống trong mỗi hơi thở của chúng ta. Lúc đó cuộc đời vô thường này mới tìm lại được ý nghĩa thật sự của nó: nó là phương tiện duy nhất chúng ta đang có để đạt đến cái mà đạo Phật gọi là giải thoát khỏi sanh già bệnh chết, cái bất tử, cái không sanh không diệt.

Vô thường và cái chết là một động cơ lớn để giải thoát. Trong đạo Phật, nhớ nghĩ đến cái chết là một trong Sáu Niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm chư thiên và niệm cái chết.

2. Nhân quả nghiệp báo

Nói cuộc đời là vô thường nhưng trong tính chất vô thường đó, vẫn có định luật nhân quả vận hành đời sống. Đời sống là vô thường nhưng không phải vì thế mà ngẫu nhiên, may rủi, tùy tiện. Không có cái gì tự nhiên mà có, nó có đó là vì có những nhân đã tạo ra nó. Một cảm xúc vui buồn, thậm chí dai dẳng, không thể tự nhiên từ trên trời rớt xuống, nó có những nguyên nhân trước đó, nhiều khi xa xôi đến không thể nhớ lại được.

Nhân nào có sanh ra rồi cũng có lúc diệt, quả nào đã thành rồi cũng phải hoại. Bởi vì có sự sanh diệt của nhân quả mà có sự vô thường của cuộc đời. Cho nên, đời sống vô thường vì có định luật nhân quả, và vì có định luật nhân quả nên đời sống là vô thường.

Định luật nhân quả nghĩa là hành động nào dù tốt dù xấu cũng là một nhân, và nhân đó sẽ sinh ra quả,

dù sớm hay muộn. Thế nên, trong đời sống hàng ngày, chúng ta cần tránh tạo những nhân xấu và cố gắng tạo những nhân tốt, tức là hành động của thân, khẩu, ý tốt để cuộc đời chúng ta được thoải mái, như ý.

Nhưng nhân quả tốt đến đâu cũng chỉ đưa chúng ta đến cao nhất là hưởng những phước báo cao cấp của cõi người hay các cõi trời, mà những cõi này vẫn nằm trong sanh tử, nghĩa là trong vô thường và cái chết. Còn vì mê lầm, tham lam, oán giận, ghen ghét mà tạo ra những nhân xấu thì sẽ phải chịu những quả báo xấu trong những cõi thấp, tối tăm và khổ đau.

Nhân quả nghiệp báo đưa chúng ta đến một xác quyết: có đời trước và đời sau. Có những đời trước mới có quả xấu tốt hưởng trong đời này, và có những đời sau để cho những nhân đời này trả quả. Khi nhận định rằng có đời trước và đời sau, chúng ta thấy rằng mọi đời của chúng ta đều do sự chọn lựa của chúng ta. Chúng ta trách nhiệm về tất cả đời kiếp của mình.

Sự thực hành của đạo Phật, những tiến bộ tâm linh cũng dựa trên nhân quả. Đạo Phật là sự tích tập trí huệ và công đức, sự tích tập này dựa trên định luật nhân quả.

Định luật nhân quả nghiệp báo tạo ra ba cõi sinh tử. Cho nên còn sống trong ba cõi thì còn chịu sự thống trị của nhân quả, do đó mà vẫn chưa được tự do.

Như vậy mục đích của đời người là đạt đến tự do, giải thoát khỏi ba cõi. Nhưng không phải giải thoát khỏi ba cõi là hủy hoại ba cõi, như một số tôn giáo chờ đợi ngày tận thế. Cũng không phải ra là khỏi ba cõi theo nghĩa đen. Mà giải thoát thực sự khỏi ba cõi, theo đạo Phật, là thấy được bản chất của ba cõi là tánh Không, do đó ở ngay nơi ba cõi mà giải thoát khỏi, tự tại với ba cõi.

3. Những khuyết điểm và nguy hiểm của sanh tử luân hồi

Khuyết điểm của sanh tử mà ai cũng thấy là sanh già bệnh chết không thể tránh. Càng nguy hiểm hơn là chúng ta không ý thức về điều đó. Khuyết điểm của sanh tử là sự bất toại nguyện. Những niềm vui, hạnh phúc tạm thời rồi sẽ qua đi, chúng ta lại đi tìm niềm vui và hạnh phúc tạm thời khác. Như thế cho đến suốt đời. Nhưng tại sao chúng ta cứ đi tìm mãi hạnh phúc và cả khổ đau, tâm chúng ta cứ loạn lên chẳng bao giờ dừng nghỉ được? Bởi vì thật sự bên trong chúng ta là sự trống rỗng mà tất cả niềm vui nỗi khổ, công ăn việc làm của cả một đời cũng không thể lấp đầy. Bất toại nguyện lớn nhất của chúng ta là sự trống rỗng của chúng ta, trống rỗng đến độ cả thế gian này cũng chẳng thể lấp đầy nó.

Và nguy hiểm là chúng ta không hề biết điều đó, nhọc nhằn, vô ích cả một đời để mong lấp đầy được hụt khống. Trong quá trình tự lấp đầy này, chúng ta tạo ra bao nhiêu hành động, tốt có xấu có, nghĩa là bao nhiêu nghiệp. Chúng ta có thể nhọc nhằn vô vọng nhiều đời

mà không thể lấp đầy chính mình được, cho đến một ngày nào chúng ta bắt đầu nhận ra một sự thật mà đạo Phật đã nói từ hàng ngàn năm nay. Chúng ta không thể lấp đầy mình được, bởi vì chúng ta là trống rỗng, không có một cái tôi nào cả để có thể được lấp đầy. Đây là sự thật rằng không có một cái tôi, sự thật rằng tất cả chúng sanh đều vô ngã.

Cái nguy hiểm là chúng ta không biết sống như thế nào cả, không biết những định luật nào cai quản đời sống cả. Sự không biết này đạo Phật gọi là vô minh. Trong khi chỉ với Tám Chánh Đạo, bao gồm toàn bộ thân khẩu ý, nghĩa là bao gồm toàn bộ cuộc sống, người ta mới biết thế nào là sống đúng, sống đường chánh. Và nếu ứng dụng tám con đường chánh này đến mức tinh vi, thì đó cũng là những con đường đưa đến tự do, giác ngộ.

Thế nên có những khuyết điểm và những nguy hiểm bởi vì chúng ta không biết. Sự không biết này bao trùm toàn bộ cuộc sống của chúng ta, biến nó thành mê lầm, hư hỏng. Chúng ta mù lòa, không thấy gì, vì không có Chánh kiến; chúng ta không suy nghĩ đúng được vì chúng ta không có Chánh tư duy; chúng ta tạo ra những lỗi lầm vì không có Chánh hành động hay Chánh nghiệp... Nhờ có Pháp, là những lời dạy của bậc Giác ngộ, mà tạm thời chúng ta ít lỗi hơn, như người mù có cây gậy dò đường. Nhưng Pháp chỉ thực sự là Pháp khi nhờ nó mà chúng ta sáng mắt, khi nó trở thành chính mạng sống của chúng ta, chính đời sống của chúng ta. Lìa bỏ nó, chúng ta lại rớt vào bóng tối của vô minh, của cái chết.

4. Sự quý báu của đời người

Ở trên chỉ là những suy nghĩ ngắn gọn của chúng ta, bởi vì đời sống sẽ dạy và nhắc nhở cho ta mỗi ngày về ba điều ấy. Nhưng chỉ suy nghĩ bấy nhiêu cũng đủ thấy cuộc sống chúng ta đang sống đây là đáng quý, vì chính nhờ cuộc sống này mà chúng ta đối phó và giải quyết được ba vấn nạn ấy.

Con người được cho là có khả năng nhất để khắc phục, vượt qua những giới hạn, khổ đau của cuộc đời trong sanh tử. Con người có thể Nghe (Văn), Tư duy (Tư) và Thực hành (Tu) để vượt thoát những vấn nạn của sanh tử. So với những loài khác, như loài vật chẳng hạn, chúng không thể nghe và tư duy cái gì là sự thật chứ chưa nói đến thực hành. Với loài trời (chư thiên), vì quá nhiều hạnh phúc và sống rất lâu nên cũng khó phản ứng về những điều như vô thường, khổ, và cái chết. Cuộc sống con người ngắn hơn nhiều, biến đổi nhanh chóng hơn nhiều, nên vô thường, khổ và cái chết là chuyện có thể thấy hàng ngày.

Ngày nay, loài người đã tiến rất xa và rất nhanh so với cách đây mấy ngàn năm, với đủ loại môn nghiên cứu, đủ loại thành tựu, nhưng những vấn nạn của con người như khổ đau và cái chết vẫn chưa được giải

quyết. Và có lẽ mãi mãi không được giải quyết, vì đó là thân phận con người. Đã sanh làm người thì phải có và phải chịu những điều đó. Mọi nhu cầu của cuộc sống hiện nay đều có các chuyên gia đáp ứng và giải quyết, xây nhà thì có kiến trúc sư, tạo một khu vườn thì có người trang trí ngoại thất, bệnh tật thì có bác sĩ, đi du lịch thì có các hãng lữ hành lo cho, kiện tụng thì có luật sư... Mọi nhu cầu đều được đáp ứng, chỉ những điều trên là không có môn ngành nào giải quyết được. Chính vì lý do đó mà đạo Phật vẫn tồn tại trong một thế giới dư thừa sự đáp ứng, dư thừa các giải pháp cho cuộc sống con người.

Thế nên, được sanh làm người là điều quý báu để kinh nghiệm những khổ đau và biết được Pháp, con đường giải quyết mọi vấn nạn không thể giải quyết của số phận làm người.

Khi thấy những may mắn thuận lợi đó, con người không bỏ lỡ cơ hội nghe, tư duy và thực hành Pháp, để ít nhất, đời sau vẫn có cơ hội làm người với những hoàn cảnh thuận lợi, và hơn nữa, để tìm ra giải pháp tối hậu giải quyết cho mọi vấn nạn của sanh tử. Càng thấy rõ các vấn nạn trên, người ta càng quyết tâm biến cuộc đời mình thành có ích lợi nhất, vì Pháp là cách giải quyết duy nhất cho thân phận con người, như đã chứng tỏ suốt dòng lịch sử nhân loại.

Động lực thúc đẩy và tiêu trừ bệnh tật trong tâm

Bốn tư tưởng chuyển hướng tâm là động lực để người ta tinh tấn giải quyết số phận mình. Sự nỗ lực trong từng phút từng giây, như “cứu lửa cháy trên đầu”. Càng thấm nhuần bốn tư tưởng trên, người ta càng bám chặt vào Pháp, như chiếc phao duy nhất trên dòng nước xiết của cuộc đời sanh tử.

Bốn tư tưởng trên còn giữ gìn cho chúng ta khỏi những bệnh tật trong tâm khiến xao lâng, lạc khỏi con đường.

Như một điều dĩ nhiên, con người sinh ra ai cũng đi dưới sự thúc đẩy của tiền, tình, danh, lợi... Xã hội càng tuyên truyền khiến những cái quyền rủ của cuộc sống thế gian càng thêm ám ảnh. Khi thấy tất cả mọi thành công trong cuộc đời không thể nào giải quyết những vấn nạn trên, người ta nghiên cứu và thực hành Pháp. Nhưng người ta đi vào con đường đạo mà vẫn mang theo con người xưa cũ của mình, những khuyết điểm của mình, những bệnh tật trong tâm của mình. Thế nên thay vì cạnh tranh ở cuộc sống thế gian, người ta tiếp tục cạnh tranh trên con đường giải thoát: tôi phải thực hành nhiều hơn mấy người kia, tôi phải giỏi kinh điển, phải niệm Phật, trì chú, ngồi thiền... hơn những người khác.

Như trong một đoạn kinh Viên Giác, Đức Phật nói:

“Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt thế hy vọng thành đạo mà chẳng cầu ngộ Đạo, chỉ thêm học nhiều, khiến tăng trưởng thêm cái tôi. Phải tinh tấn hàng phục

phiền não, khởi dũng mãnh lớn, những pháp chưa đắc phải khiến cho đắc, những cái chưa đoạn trừ phải đoạn trừ. Tham, sân, si, yêu thích, kiêu căng, tà vạy, đố kỵ... đối cảnh không sanh, ta người, yêu ghét tất cả đều lặng dứt. Phật nói người này sẽ thứ lớp thành tựu. Hãy cầu thiện tri thức để chẳng rơi vào tà kiến. Còn nếu đối với đạo mà sanh yêu ghét riêng tư thì chẳng thể vào biển Giác thanh tịnh”. (chương Tịnh các nghiệp chướng).

Bốn tư tưởng chuyển hướng tâm làm cho người ta không rơi vào những khuyết điểm, bệnh tật trong tâm mình. Chúng làm chúng ta khỏi sa vào các bệnh mà kinh Viên Giác nói là “nhận giặc làm con”. Chúng khiến chúng ta chuyên tâm vào thực hành, không mắc kẹt, vướng bận trong tám mối bận tâm của thế gian hay tám ngọn gió thế gian: lợi, hao; vinh, nhục; khen, chê; sướng, khổ.

Lòng bi

Khi những tư tưởng trên đã thấm vào tâm thức, trở thành một phần của cuộc sống, giúp chúng ta tạm định hướng và có những chọn lựa đúng đắn cho cuộc đời mình, thì nhìn chung quanh, những người khác còn đang không biết sống thế nào, để làm gì, không tìm ra lối thoát, dễ dãi để cho những kẻ thù quyến rũ và thống trị. Nhìn cuộc đời họ, sống như những nạn nhân của sanh tử, tự nhiên chúng ta cảm thấy xót thương. Người khác đang tiêu phí cuộc đời họ một cách vô vọng, không biết làm gì khi đang trôi trên dòng nước đến bờ vực của cái chết. Họ không biết cái gì là những nguy hiểm của cuộc đời đang sống, đã vậy còn ngày thơ vui đùa, như kinh Pháp Hoa nói, “như những đứa trẻ vui chơi trong căn nhà lửa sắp sập”.

Khi đã có được sự phản tư để có chút sáng tỏ trong tâm, nhìn ra cuộc đời, mọi người đều không hay biết gì về bốn điều trên, người báo động cảnh tỉnh thì ít và cũng ít ai nghe trong cơn vui chơi tập thể này, tự nhiên chúng ta khởi sanh sự thương xót hay lòng bi. Khi nhìn thấy người khác đang trốn chạy một cách vô vọng, trong tình yêu, danh vọng, tiền bạc, quyền thế... nhưng tất cả đều không giải quyết được gì, bản án tử hình vẫn còn đó, bản án mất tất cả vẫn còn đó... người thực hành đạo Phật tự nhiên có lòng bi. Một lòng bi không thể chịu đựng được, không thể nào đè nén nổi. Người đó không còn biết làm gì hơn là sống trọn vẹn hơn theo Pháp và nỗ lực quảng bá con đường thoát thân cho tất cả mọi người. Người đó trở thành một chiến sĩ, nỗ lực giải thoát cho mình đồng thời tìm cách giải thoát cho người, giác ngộ cho mình đồng thời giác ngộ cho người.

Nhờ bốn tư tưởng chuyển hướng tâm và là động lực thực sự vì mình và vì người như thế, tâm người ta trở nên bao la trùm khắp, đến độ tấm lưới thời gian và cái chết không còn đủ rộng lớn để phủ chụp và bắt giữ một người như vậy nữa. ■



Phật giáo và đời sống thế tục

PHAN MINH HIỀN

Có nhiều bài kinh Đức Phật dạy cho hàng cư sĩ rất gần gũi và thiết thực, giúp cho người Phật tử tại gia tìm thấy an lạc, hạnh phúc ngay trong hiện tại; cũng có nghĩa là đóng góp cho sự hài hòa, ổn định của xã hội. Điều đó cho thấy Đức Phật không chỉ quan tâm đến đời sống xuất gia cầu giác ngộ, giải thoát, mà Ngài còn quan tâm đến đời sống thế tục của những ai còn vương vấn bụi trần, giúp cho những người có nhân duyên với Ngài, có nhân duyên với giáo pháp của Ngài đạt được sự thăng bằng vững chãi để sống cuộc sống hướng thượng.

Tăng Chi Bộ kinh (tập III), chương Tám pháp, phẩm Gotami, kinh Dighajanu, phần Người Koliya có thuật lại như sau:

Một hôm, có vị cư sĩ đệ tử Phật tên là Dighajanu đi đến đảnh lễ và bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, chúng con là những người gia chủ còn hưởng thụ các dục, sống

hạnh phúc với vợ con, dùng các thứ hương hoa, phấn sáp, thô lanh vàng bạc. Bạch Thế Tôn, xin hãy thuyết pháp cho những người như chúng con, thuyết những pháp đem đến cho chúng con hạnh phúc, an lạc ngay trong hiện tại và hạnh phúc, an lạc trong tương lai". Đức Phật đã dạy Dighajanu rằng: "Này cư sĩ, có bốn pháp này đưa đến an lạc, hạnh phúc ngay trong hiện tại và an lạc hạnh phúc trong tương lai cho người sống đời sống tại gia. Bốn pháp đó là: 1. Đầy đủ sự tháo vát; 2. Đầy đủ sự phòng hộ; 3. Làm bạn với thiện; 4. Sống thăng bằng, điều hòa".

Qua bài kinh, Đức Phật cho biết, người Phật tử tại gia là người sống đời sống thế tục còn các mối quan hệ gia đình, xã hội, vì thế không thể không có nghề nghiệp, công việc ổn định giúp nuôi sống bản thân và gia đình, đồng thời cống hiến phần nào cho xã hội. Và dù làm nghề nghiệp, công việc gì cũng cần phải tinh chuyên và thiện xảo (khéo, giỏi, có chuyên môn, trình độ kỹ thuật cao), cần phải nhiệt tình, siêng năng, tháo vát;

cần phải biết tính toán, có khả năng tự làm và hướng dẫn người khác làm. Nếu làm việc với quy mô lớn cần phải giỏi điều hành, quản lý. Như thế gọi là có đầy đủ sự tháo vát.

Khi đã có được tài sản của cải bằng sự nỗ lực trong công việc, trong nghề nghiệp chân chính, người cư sĩ cần phải biết giữ gìn tài sản, của cải đó, không để cho tiêu tán, mất mát do vua quan chiếm đoạt, do trộm cướp, do bị nước trôi, lửa cháy, do bị vợ con phá tán. Tạo ra tài sản đã khó, gìn giữ, bảo hộ tài sản đó lại càng khó hơn. Được như vậy gọi là có đầy đủ sự phòng hộ.

Kế đến là đời sống đạo đức. Đời sống đạo đức cũng là một trong những điều cần phải quan tâm hàng đầu, bởi đó là nguồn cội của an vui, hạnh phúc, là yếu tố tạo sự bền vững cho đời sống người Phật tử tại gia. Về phương diện này, Đức Phật dạy người Phật tử tại gia phải biết làm bạn với thiện. Người Phật tử tại gia cần phải có lòng tin chân chính, có giới (những phẩm chất đạo đức), có trí tuệ và biết bố thí, làm những việc có ích cho nhân quần, xã hội. Khi xây dựng các mối quan hệ, người Phật tử cần tiếp xúc, gần gũi, làm bạn và hợp tác với những người đáng tin cậy, có nhân phẩm, đạo đức tốt, nếu những người đó có đầy đủ tín, giới, trí tuệ và biết bố thí, làm những việc có ích cho đời như mình thì càng hay.

Sống thăng bằng, điêu hòa là một trong những yếu tố quan trọng để xây dựng đời sống an ổn, hạnh phúc lâu dài, bền vững. Về phương diện này Đức Phật dạy người Phật tử tại gia cần phải giữ cân bằng giữa đời sống vật chất và tinh thần. Sự nghèo nàn về vật chất hay tinh thần, hoặc mất cân đối giữa vật chất và tinh thần đều dẫn đến những bất ổn trong đời sống. Còn một lãnh vực nữa cần phải có sự cân bằng, điêu hòa, đó là các khoản thu và chi. Cần phải đảm bảo khoản thu lớn hơn khoản chi, cần phải tránh các khoản chi tiêu bừa bãi, vô tội vạ, không tiêu xài hoang phí nhưng cũng không keo kiết bón sén, sử dụng tài sản một cách hợp lý, có nghệ thuật.

Trong bài kinh trên, Đức Phật còn dạy thêm người cư sĩ Phật tử nên lưu ý “bốn cửa xuất” tài sản, khiến cho gia nghiệp sa sút, tiêu tán. Bốn cửa đó là: Đam mê đòn bà; đam mê rượu chè; đam mê cờ bạc; giao du với kẻ ác. “Bốn cửa xuất” tài sản này từ xưa đến nay người đời thường hay phạm phải.

Cũng kinh **Tăng Chi Bộ** ghi lại, trong một lần thuyết pháp cho cư sĩ Anàthapindika (Cấp Cô Độc), vị Phật tử thuần thành đồng thời là nhà ngoại hộ của Tăng đoàn, Đức Phật đã nói về bốn niềm vui của người cư sĩ. Những điều này hết sức gần gũi và thiết thực đối với những người sống đời sống thế tục. Đức Phật dạy:

“Có bốn niềm vui chính đáng mà người cư sĩ có thể tho hưởng, thỉnh thoảng và tùy cơ hội, đó là: niềm vui có được của cải, niềm vui được giàu có, niềm vui không nợ nần và niềm vui không bị chê trách.”

Thế nào là niềm vui có của cải? Ở đây, gia chủ có của cải nhờ phẩn đấu tích cực, góp gom được bằng sức của bàn tay, bằng mồ hôi, đúng pháp, tích lũy được một cách đúng pháp, và có ý nghĩ: ‘Của cải này của tôi có được nhờ phẩn đấu tích cực, tích lũy đúng pháp’. Do nghĩ thế, niềm vui và thỏa mãn đến với người đó. Đó là niềm vui có của cải.

Thế nào là niềm vui được giàu có? Ở đây, vị gia chủ được giàu có nhờ phẩn đấu tích cực, vui vẻ nhờ giàu có và làm nhiều việc lành. Vì có ý nghĩ: ‘Nhờ giàu có mà có thể hướng thụ sự giàu có và làm các việc lành’, cho nên niềm vui và sự thỏa mãn đến với người đó. Đó là niềm vui được giàu có.

Thế nào là niềm vui không có nợ nần? Ở đây, vị gia chủ không có nợ nần lớn hay nhỏ đối với bất cứ một ai. Vì có ý nghĩ: ‘Tôi không có nợ nần dù lớn hay nhỏ đối với bất cứ một ai’, cho nên niềm vui và sự thỏa mãn đến với người đó. Đó là niềm vui không có nợ nần.

Thế nào là niềm vui không bị chê trách? Ở đây, vị Thánh đệ tử có niềm vui vì các hành động của thân, miệng và ý đều không có gì đáng chê trách. Với ý nghĩ ‘Tôi không có gì đáng bị chê trách ở thân, miệng và ý’, cho nên niềm vui và sự thỏa mãn đến với người đó”.

Qua lời dạy của Đức Phật trong những bài kinh trên, người cư sĩ Phật tử thấy được đâu là nguồn gốc của những niềm vui mà người tại gia có thể có được, để từ đó khai thác và tạo dựng cho mình một đời sống hạnh phúc.

Về các mối tương quan với gia đình và xã hội, trong **Trường Bộ kinh** (tập II), kinh **Giáo thọ Thi-ca-la-việt**, Đức Phật dạy người Phật tử tại gia cần thiết lập tốt các mối quan hệ như: quan hệ cha mẹ với con cái, quan hệ vợ chồng, quan hệ thầy trò, quan hệ giữa người giúp việc và chủ v.v.. Các mối quan hệ đều đem lại những trách nhiệm, bổn phận mà người Phật tử phải giữ gìn. Về bổn phận con cái đối với cha mẹ, Đức Phật dạy: Con phải phụng dưỡng cha mẹ; săn sóc, bảo bọc cha mẹ lúc tuổi già; giữ gìn danh dự và truyền thống gia đình; đỡ đần các việc nặng nhẹ cho cha mẹ; giữ gìn tài sản thừa tự. Bổn phận cha mẹ đối với con cái cần gìn giữ năm điều: Ngăn chặn con làm điều ác, khuyến khích con làm điều thiện, dạy con nghề nghiệp, dựng vợ gả chồng cho con, trao của thừa tự cho con đúng thời.

Theo **Tương Ưng Bộ kinh** (tập V), **chương XI, phẩm Phước đức sung mãn**, Đức Phật dạy người Phật tử tại gia tuy sống đời sống thế tục nhưng tâm ý phải hướng thượng, bởi đó là nguồn cội của an vui, hạnh phúc trong đời này và đời sau. Phải là người quy y Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng), thọ trì năm giới (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh, không vọng ngữ, không dùng chất gây nghiện), có đầy đủ niềm tin chân chính, thanh tịnh, có trí tuệ và biết bố thí; đó mới thật sự là người cư sĩ Phật tử đúng nghĩa.

Với tâm từ bi vô lượng, Đức Phật đã tùy căn cơ trình độ của chúng sinh mà thuyết pháp giáo hóa; tùy nhu cầu, ước muốn mà giúp cho hàng xuất gia lẫn tại gia đều có được lợi lạc, tìm thấy nguồn an vui, hạnh phúc. ■



An trú

PHƯƠNG UYÊN

Khi bước chân ra khỏi tòa án, biết mình đã vĩnh viễn mất chồng, một nỗi buồn trĩu nặng đè trong tim tôi dù rằng tôi thắng kiện, được quyền nuôi con và chồng tôi phải chịu phí cấp dưỡng cho đến khi con tròn mười tám tuổi. Có lẽ trong những vụ kiện ly hôn, có thể nói chẳng ai thắng cả, đôi bên đều thua, và thua thiệt nhiều nhất vẫn là phận phụ nữ chân yếu tay mềm, vốn thường sống nương tựa vào người chồng trong nhiều

lãnh vực, dù cho người phụ nữ đó có nghề nghiệp, có thể độc lập về kinh tế đi nữa. Thoáng nhìn người đàn bà đã chiếm đoạt chồng mình đang vui vẻ nắm tay anh ấy đi đến chiếc xe taxi, có mẹ chồng tôi ấm đứa cháu nội chờ sẵn, lòng tôi chợt nhói lên một nỗi đau. Tôi lặng lẽ dắt đứa con trai vừa tròn chín tuổi đang đứng chờ với ông ngoại, nó vừa đi, vừa ngoảnh đầu nhìn, hỏi sao cha không đi với mình. Tôi căn mồi, cố kềm dòng lệ chực tràn ra khóc mắt...



Cuộc tình của chúng tôi đâu phải chỉ là mười năm ngắn ngủi nên nghĩa vợ chồng, mà đã kéo dài từ rất lâu. Là bạn học từ cấp hai, sớm chiều vẫn thường cùng nhau cắp sách đến trường; khi lên cấp ba, những lời trêu chọc, ghép đôi của bạn bè khiến chúng tôi để ý và đến với nhau. Cả hai cùng hẹn cố gắng học tập, kiềm một cái nghề để mưu sinh rồi mới tiến tới hôn nhân. Cuộc tình chúng tôi ngọt ngào, nhẹ nhàng và đẹp như những vần thơ của Xuân Diệu. Khi tốt nghiệp phổ thông, tôi thi vào sư phạm, anh ấy thi vào ngành xây dựng; tuy học khác trường, xa mặt nhưng không cách lòng, những ngày nghỉ, tôi với anh ấy vẫn đưa nhau đi chơi, bàn tính chuyên tương lai.

Rồi ngày chờ đợi đã đến. Tôi thẹn thùng trong trang phục cô dâu, anh ấy thật điển trai với bộ vét màu cà

phê sữa; cả hai đều rực rỡ trong ngày cưới, ai nấy đều khen chúng tôi thật xứng đôi vừa lứa.

Sau đám cưới, chúng tôi về sống chung với mẹ chồng vì anh ấy là con trai duy nhất của gia đình. Tôi công tác ở một ngôi trường gần nhà; anh ấy làm việc cho một công ty xây dựng cách nhà hơn năm chục cây số, mỗi tuần chỉ về nhà vào chiều thứ bảy, chiều chủ nhật phải trở lên chuẩn bị ngày sau làm việc. Đôi khi do phải thi công những công trình xa, có khi cả tháng anh ấy mới về nhà một lần. Vợ chồng mới cưới mà phải xa nhau như vậy tôi rất buồn, nhưng nhờ có mẹ chồng tốt bụng và rất tâm lý nên tôi cũng nguôi ngoai. Cha chồng tôi mất đã lâu nên mọi tình thương bà đều dồn cho chồng tôi; tôi về sống chung, bà thương yêu tôi hết mực chứ không có thái độ như những người mẹ

chồng thương con trai quá nên không ưa con dâu do ganh ghét vì bị chia sót tình cảm. Chồng tôi còn có một người chị ruột đã có chồng, sống cách nhà mẹ ruột không xa lăm, chị ấy hay về thăm mẹ chồng tôi; tình cảm chị em chúng tôi rất tốt, thường thì thầm kẽ lẻ chuyện đàn bà với nhau.

Đứa con trai ra đời là một món quà tuyệt diệu mà tạo hóa đã ban tặng cho chúng tôi. Anh ấy hay nhìn con rồi tự hào nói nó giống anh sẽ đẹp trai, nhiều cô mê cho mà xem; đối với tôi thì đứa con dĩ nhiên là báu vật trên đời không gì sánh bằng.

Con ngày càng lớn, lại thường xuyên chỉ có một mình quán xuyến trong ngoài nên tôi phải lo lắng, cực nhọc nhiều hơn; công việc ở nhà thường bế bountry, hết thi đua lại kiểm tra chéo, rồi phải dạy bổ sung kiến thức cho các học sinh kém, rồi học bổ sung nghiệp vụ; mẹ chồng lại đổ bệnh. Mỗi ngày tôi đều phải vật lộn với hàng đống công chuyện. Do đâu tắt mặt tối, việc chăm sóc nhan sắc cho bản thân tôi hầu như quên khuấy đi; ăn mặc qua loa, phấn son ít khi đụng tới. Mẹ ruột tôi và mấy đứa em gái mỗi lần gặp tôi là cứ quở tôi xuống dốc quá, và họ hăm rằng coi chừng bị mất chồng. Tôi thì chỉ cười, chống chế qua loa; bận quá mà. Vả lại, tôi tin tưởng tuyệt đối lời anh ấy hứa trong đêm tân hôn, không bao giờ bỏ tôi trong suốt cuộc đời này.

Sự bận bịu, bô bê chăm sóc nhan sắc và lòng tin khờ khạo đã khiến tôi phải trả giá đắt. Có hôm anh ấy nhìn tôi rồi hỏi mấy bộ đồ đẹp đâu mà em mặc mãi mấy bộ quần áo này hoài vậy; có hôm sửa soạn chờ tôi đi thăm bà con, tôi do bận lo nấu ăn cho con và mẹ chồng, xong công việc tôi vội thay quần áo, trang điểm qua quít, anh ấy lại kể cô vợ của người bạn đến ăn tiệc ăn mặc trang điểm thật đẹp, ai cũng trầm trồ khen thằng bạn đó có phước, lấy được cô vợ đẹp. Và dù nhiều lần anh ấy nhắc khéo tôi chuyện trang điểm nhưng tôi cứ vô tâm không để ý, cứ nghĩ có con có cái, đủ sức buộc ràng chân chồng, hơi đâu lo chuyện trang điểm giữ gìn nhan sắc cho nhọc. Ác thêm một nỗi, không hiểu sao dạo đó, tôi ăn rất ngon, ngủ lại mê mệt nên chẳng bao lâu đã phát phì, hông dây ra, cổ có thêm một ngấn, đi đứng thấy mệt mỏi nặng nề. Một hôm, vừa về tới nhà, thấy tôi đứng một mình, anh ấy lấy hai tay bấm vào hai bên hông tôi rồi bảo, mõi đóng nhiều dữ. Tôi chống chế, không hiểu sao lúc rày đói hoài, chắc tại làm nhiều việc; anh ấy không nói gì, lặng lẽ vào trong phòng nằm nghỉ. Và tôi lại tiếp tục vô tư ăn nhiều, ngủ nhiều sau khi làm hết các công chuyện nhà mà chẳng hề nhớ đến những lời chê của anh ấy.

Thời gian lặng lẽ trôi; về sau, những chuyến về nhà chiều thứ bảy của chồng tôi thưa dần, tiền lương hàng tháng, anh ấy cũng đưa ít đi, lấy cớ là công ty gặp khó khăn nên lương bổng eo hẹp. Trực giác của đàn bà đã báo cho tôi biết có một sự thay đổi lớn trong anh ấy. Không còn những phút giây ân ái mặn nồng như xưa;

có lần tôi choàng tay qua ngực anh ấy, anh gõ tay tôi xuống, gắt gỏng nói buồn ngủ. Tôi nằm bên chồng như nằm bên khúc gỗ, nhiều đêm nước mắt tôi chảy tràn ướt cả gối mà anh ấy ngủ rất say, chẳng chút phản ứng trước những tiếng thở dài, lăn tróc suốt đêm của tôi. Tôi không hiểu tại sao bấy giờ anh ấy lạnh nhạt ra mặt với tôi; những câu nói cộc lốc, gắt gỏng vô cớ khiến tôi giật mình ngạc nhiên không biết mình có lỗi gì. Do công ty anh làm việc phải di chuyển theo công trình, rày đây mai đó, tôi dù có nghi ngờ nhưng không biết phải làm sao để tìm ra nguyên nhân trở tánh, trở nết của anh ấy. Rồi lại phải lo cho con, lo cho mẹ chồng bệnh hoạn, cộng thêm công việc nhà trường, tất cả đã bó tôi vào tình thế quẫn bách khó thoát ra được. Một hôm mẹ ruột tôi nhắn tôi về gấp gấp. Khi tôi về đến nhà, mẹ tôi nét mặt trầm trọng bảo với tôi là bà biết chắc chắn rằng chồng tôi đã có vợ bé do mẹ tôi có người bạn ở gần nhà của người đàn bà đó, á đó đã có một đời chồng; mẹ tôi nói, chồng cô ta chết hơn tám năm, sống một mình, bán quán nước ven quốc lộ, đã ở với chồng tôi hơn một năm, mới sinh được một đứa con vài tháng tuổi. Tôi nghe mẹ nói mà tay chân bần rủn, đầu óc quay cuồng, nước mắt tuôn trào; điều lo lắng bấy lâu đã trở thành sự thực. Vì sao nỗi đau này lại đến với tôi, khi tôi đang là một người vợ tốt, một dâu thảo, một mẹ hiền. Tôi muốn thét to cho cả trái đất, cả loài người đang hiện hữu nghe câu hỏi của. Tôi suy sụp hoàn toàn, lặng lẽ trở về bên nhà chồng. Đêm đó tôi khóc rất nhiều với mẹ chồng, bà ấy hết lời an ủi tôi, nói tôi là người con dâu duy nhất mà bà chấp nhận, khi bà còn sống không ai có quyền bước vô nhà này thay thế tôi được. Tôi hiểu những lời nói của mẹ chồng tôi chỉ là lời vỗ về vì có ai bỏ con ruột mà bệnh con dâu bao giờ. Tôi thầm hiểu mình đã thua trắng tay trong cuộc tình tay ba này.

Bấy giờ tôi mới thấm lời dạy của mẹ ruột; bà hay rầy tôi ăn mặc xuề xòa, không chịu trang điểm, lại để phát phì. Mẹ tôi hay nói, đàn ông thường yêu cái đẹp, thích nghe lời dịu dàng, nếu người vợ cứ nghĩ chỉ cần lo săn sóc cho chồng con là đủ, không cần gìn giữ sắc đẹp là rất sai lầm, dễ đánh mất hạnh phúc có trong tay.

Chiều thứ bảy tuần đó, tôi và mẹ chồng nhắn anh ấy về nhà gấp. Khi gặp mặt, tôi cố giữ bình tĩnh mà nước mắt cứ tuôn trào làm cho tôi nghẹn lời; cố gắng lăm tôi mới có thể yêu cầu anh ấy nói sự thật về việc lấy vợ lẽ. Lúc đầu anh ấy làm bộ tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng chỉ một lát sau, anh bình thản xác nhận điều đó là sự thật. Anh ấy lại nói bây giờ không muốn sống chung với tôi nữa vì thấy không hợp với tánh tình, cách sống của tôi và yêu cầu tôi ly dị. Lúc đó không hiểu sao tôi lại bình tĩnh một cách lạ lùng, ngồi nhìn thẳng vào mắt người đàn ông mà mình bấy lâu yêu thương như nhìn một kẻ phản bội, mà trên đời này có hạng người phản bội nào được đáng coi trọng. Chồng

tôi cúi đầu, tránh ánh mắt của tôi. Mẹ chồng tôi vừa khóc vừa mắng anh ấy rất nhiều. Tôi nắm tay bà ngăn lại, tôi không muốn bà khổ vì bệnh vực tôi nhưng bà không nghe, vừa khóc, vừa lớn tiếng la rầy; bà bảo khi bà còn sống, ngoài tôi ra, đừng hòng có con nào bước vào nhà này được. Bị mẹ mắng chửi hoài, chồng tôi bức bối lên xe bỏ về cơ quan. Chiều đó, tôi bỏ không ăn cơm, nầm khóc, đưa con tôi cứ nắm tay tôi hỏi sao mẹ khóc hoài, tôi càng khóc nhiều hơn khi nghĩ đến cảnh con mình mất cha, nghĩ đến ngày tôi phải xa rời mái nhà ấm êm này mà bấy lâu tôi học nhẫn vun vén trong ngoài.

Từ hôm đó, chồng tôi bỏ nhà gần hai tháng không về. Một hôm anh ấy lặng lẽ về, tìm mẹ chồng tôi nói gì đó rồi vội vã đi, không buồn nhìn đến mặt tôi. Tôi thấy thật tủi thân; không tình thì cũng nghĩa, sao lại đối xử với tôi lạnh lùng như người dừng nước lânh như vậy. Hai ngày sau, mẹ chồng tôi sửa soạn đồ đạc định đi đâu đó; tôi gặng hỏi, bà lúng túng trả lời định đến nhà người bà con chơi, sáng mai về. Nghe mẹ chồng bảo vậy nhưng tôi thấy ánh mắt bà như đang giấu điều gì đó; tuy nhiên, tôi làm thính không nói gì nữa. Đến chiều đó, mẹ ruột tôi gọi điện thoại qua nói cho tôi biết bạn của mẹ tôi báo hôm nay là đám thôi nội con của chồng tôi với người đàn bà đó, có cả mẹ chồng tôi tham dự. Tôi nghe xong, lúc đầu hết sức giận mẹ chồng, bà ấy nói với tôi những lời tốt đẹp, sao bây giờ... nhưng khi bình tĩnh trở lại, tôi thông cảm cho hoàn cảnh của mẹ chồng tôi; con của tôi và con của người đàn bà kia đều là cháu nội của bà nên bà đâu thể bỏ đứa nào. Và tôi hiểu thế là hết, chồng không còn thương yêu, mẹ chồng không còn giữ lời hứa thì tôi còn lưu luyến gì căn nhà này nữa. Thế là tôi quyết định dứt khoát ly hôn. Tôi gọi điện thoại yêu cầu anh ấy về làm thủ tục, đưa nhau ra tòa giải quyết chuyện chia tài sản và ai sẽ được quyền nuôi đứa con.

Sau khi ly hôn, hai mẹ con tôi dọn về ở trong một căn nhà trọ gần trường tôi dạy. Ngày tôi rời khỏi nhà chồng, mẹ chồng tôi khóc rầm rít, bà cúi mặt như do tự thấy lỗi của mình; chồng tôi thì chẳng hề léo hành về, chỉ nhẫn bảo tài sản chung tôi muốn lấy gì thì cứ lấy để sau này cho con tôi dùng được thoải mái. Sau đó với số tiền dành dụm do chơi hụi và đóng góp giúp đỡ của dòng họ nội ngoại, tôi đã mua một miếng đất nhỏ, cất một căn nhà vừa đủ ở cho hai mẹ con tôi. Hàng ngày tôi chở con đi học và đến ngôi trường gần đó để dạy. Mẹ chồng tôi bấy giờ phải ở một mình nên chị chồng tôi phải chạy tới chạy lui để săn sóc bà. Do cực nhọc, chị ấy thường đến nhà tôi than thở, tỏ ý oán ghét người đàn bà kia vô cùng. Nghe chị ấy nói, chồng tôi thỉnh thoảng đưa người đàn bà đó về nhà nhưng không ai nói đến nên chỉ ở vài tiếng đồng hồ rồi trở về nhà riêng; thương là thương đứa cháu mà thôi, chứ ai cần cái thứ ấy, chị chồng tôi bảo.

Tuy đã rời khỏi nhà chồng một cách tức tưởi, không còn quan hệ gì với nhau nhưng tôi vẫn để mẹ chồng tôi đến thăm cháu, chồng tôi trật chử bà ấy đâu có lỗi gì. Về phần chồng tôi, sau ly hôn tôi vẫn để con mình liên hệ với cha nó; tôi không hề có ý định chia cắt tình phụ tử nên cả hai thường liên lạc với nhau qua điện thoại, nhưng có một lần con tôi gọi cha nó, người đàn bà kia bắt máy; từ đó về sau nó cắt hẳn liên lạc với cha nó dù tôi vẫn nhắc nhở con mình nên liên lạc với cha thường xuyên. Do muốn con không mất nguồn cội, những ngày giỗ ông nội nó tôi lại đưa con về dự. Họ hàng bên chồng thấy hai mẹ con tôi về đều rất mừng, xúm nhau lại thăm hỏi. Chúng tôi vừa phụ làm công chuyện vừa nói chuyện rôm rả như chẳng hề có chuyện ly hôn. Chồng tôi khi gặp mặt cũng chào hỏi tôi như bao người khách khác; còn người đàn bà đó cũng về dự đám giỗ nhưng chẳng ai nói đến, phụ làm công việc một chút thì ẵm con qua cǎn chòi giữ vường nằm tối chờ tới giờ ăn, ăn qua quýt xong thì bỏ về trước. Ai nấy nhìn cô ta với đôi mắt không ưa, họ thì thầm nói to, nói nhỏ...

Bây giờ khi viết những dòng chữ này, lòng tôi đã nguội lạnh, không còn như những ngày đầu đau đớn, tuyệt vọng, cô đơn, oán hận nữa. Nhờ duyên lành đưa đến, biết tôi khủng hoảng tinh thần vì chuyện ly hôn, một bạn đồng nghiệp đã khuyên và dắt tôi đến một ngôi chùa ở gần nơi tôi cư ngụ; ngôi chùa mà hàng ngày lúc trước tôi vẫn qua lại nhưng không hề để ý đến. Từ ngày đầu bước chân đến ngôi chùa đó, tôi đã cảm nhận được sự bình yên trong tâm hồn khi quay trước tượng chư Phật, cảm nhận lòng từ bi vô lượng của Bồ-tát Quán Thế Âm qua ánh mắt dịu dàng của pho tượng Ngài, cùng sự ấm áp với lời khuyên nhủ nhẹ nhàng, đầy yêu thương của sư cô trụ trì và những cái chắp tay, những nụ cười thân thiện của Phật tử trong chùa. Từ đó, tôi thường xuyên dắt con đi chùa vào những ngày được nghỉ và ngày rằm. Dần dần, tôi đã thấm nhuần lời dạy của Phật pháp sau những năm tháng đi chùa và học giáo lý. Mọi chuyện trên đời này, kể cả chuyện tình cảm, tình yêu, tất cả đều do duyên hợp mà thành, hết duyên thì tan rã có chi mà buồn, mà tiếc. Tôi dồn tất cả tình cảm của mình dành cho con và công việc. Con tôi học rất tốt, thoáng một cái đã lên lớp mười, càng ngày nó càng giống cha, cầu mong nó đừng giống anh ấy cái tính trăng hoa, ăn ở bạc tình. Về công tác ở cơ quan, nhờ dồn sức vào nhiệm vụ, năm nào học sinh lớp tôi phụ trách cũng đạt thành tích học tập giỏi hơn chín mươi lăm phần trăm, tôi rất được sự tín nhiệm của Ban Giám hiệu.

Khi viết những dòng chữ này, về chuyện ly hôn với chồng, đối với tôi bây giờ nó chỉ là một vết sẹo đang mờ dần theo năm tháng. Tôi đã có chỗ dựa là Phật pháp và đưa con ngoan hiền bên cạnh. Tâm hồn tôi đã an trú nơi chốn thường hằng ở cõi vô thường này. ■



Cứu khổ ban vui

HƯƠNG ĐỨC

Cách nay hơn hai tháng, chương trình của đài truyền hình VTC có chạy một dòng tin ngắn: Một ông lão chín mươi tuổi đã tử vong tại chỗ sau khi nhổ chiếc răng sâu tại một phòng khám răng tư nhân. Đọc dòng tin trên, tôi thấy xót xa và thương tiếc cho ông lão đó quá. Có lẽ nếu không nhổ chiếc răng, ông cụ chắc chưa chết. Thật tội cho ông cụ, đã sống quá cái tuổi "xưa nay hiếm" lại ra đi vì một tai biến y khoa. Từ chuyện của ông cụ, tôi lại nhớ đến trường hợp của một người bạn đã mất, cũng vì tai biến lúc nhổ răng. Ông này do bị thiếu máu cơ tim nặng, đã phải đặt ba chiếc "sten" vào hệ thống mạch vành tim và hàng ngày phải uống thuốc chống đông máu ngừa bị huyết khối do đặt "sten". Một hôm ông ta đi khám răng. Dù đã cẩn thận đem đủ hồ sơ bệnh lý nhưng không hiểu sao tại phòng khám răng, người ta vẫn nhổ chiếc răng bị sâu; kết quả là sau khi nhổ răng, máu chảy dữ dội không cầm được; phải sau một thời gian cấp cứu máu mới ngớt chảy. Về nhà, máu vẫn chảy rỉ rả; và chỉ hai tháng sau ông ấy qua đời. Việc chảy máu nhiều sau nhổ răng là do ông ấy phải uống thuốc chống đông máu; cho nên khi có vết thương thì

máu chảy rất khó cầm. Nhổ răng chỉ là một thủ thuật nhẹ nhàng đối với người trẻ tuổi, nhưng lại là một can thiệp y khoa có xâm lấn nặng đối với cơ thể đã bị lão hóa của người lớn tuổi vốn thường mang nhiều bệnh nhất là về bệnh tim mạch, huyết áp cao. Đáng tiếc là nhiều khi những người hoạt động trong lĩnh vực nha khoa lại không quan tâm đến điều này.

Trông người mà nhớ đến mình. Chính bản thân tôi cũng bị biến chứng trầm trọng sau khi nhổ răng. Và thật là may mắn, một cách kỳ diệu, tôi đã thoát khỏi nạn do bệnh tật gây ra chỉ nhờ vào thần lực tâm thanh cứu khổ của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Chuyện xảy ra cách đây hơn năm năm. Lúc đó tôi có một chiếc răng hàm trên bị sâu, nó hành đau nhức, rất khó chịu. Tôi đã đi khám và điều trị tại cơ sở chuyên khoa Răng Hàm Mặt. Sau nhiều lần cố điều trị bảo tồn nhưng thất bại, bác sĩ khuyên tôi nên nhổ bỏ chiếc răng đó. Do lớn tuổi, lại mắc bệnh cao huyết áp, và thiểu năng mạch vành nên tôi đã uống thuốc điều trị thật tốt bệnh của mình để chuẩn bị nhổ chiếc răng sâu. Không ngờ, sau khi nhổ xong chiếc răng đó tại cơ sở y tế công lập, dù uống thuốc nghiêm chỉnh theo toa

chỉ định của bác sĩ nhưng một tuần sau tôi vẫn bị biến chứng, hai chân run rẩy, đi đứng loạng choạng, chục ngã, cứ như bộ óc không thể điều khiển chính xác hai chi dưới. Hồi trước, tôi có đọc một bài viết trên một tạp chí y khoa Việt Nam, bài ấy có tựa đề rất lạ là: "Đau cái răng mà nhức cái chân". Sao chuyện nhức răng mà anh hưởng đến cái chân? Tôi đã ngạc nhiên tự hỏi lúc mới đọc tựa bài. Sau khi đọc hết bài viết, tôi mới hiểu ra; và khi chính mình lâm vào tình thế sau khi nhổ răng thì gần như không điều khiển nổi hai chi dưới, tôi mới thật sự thấm thía lý giải của tác giả đó về tác động toàn thân khi một bộ phận cơ thể bị tổn thương. Sự thương tổn của một bộ phận cơ thể không chỉ ảnh hưởng tại chỗ mà nó còn gây rối loạn những hoạt động của các cơ quan khác, thậm chí đưa đến tử vong nếu một trong những cơ quan sinh tồn ngừng hoạt động do cú sốc quá lớn. Ngoài bị ảnh hưởng thần kinh vận động, tôi còn bị biến chứng trên tim mạch; huyết áp tăng cao liên tục, tim thường xuyên đập nhanh trên một trăm hai chục lần một phút, tôi đã phải nhập viện trên TP.HCM để điều trị gần một tháng trời mới ổn. Bây giờ nhớ lại chuyện đã xảy ra, tôi vẫn còn sợ hãi.

Khi nỗi ám ảnh về những biến chứng trong đợt nhổ răng vừa trải qua chưa kịp phai nhạt thì một chiếc răng hàm trên thứ hai lại bị sâu và hư bể, nó gây đau nhức rất nhiều. Tôi đi khám, uống thuốc vài lần thì bác sĩ nha khoa lại khuyên tôi nên nhổ bỏ chiếc răng. Dù còn sợ hãi nhưng vì đau nhức khó chịu quá, tôi vẫn quyết định tuân theo sự chỉ dẫn của bác sĩ. Sau mấy ngày uống thuốc theo toa, đến ngày hẹn nhổ răng thì huyết áp tôi đột ngột tăng cao nên không nhổ răng được và... cái điệp khúc nhức răng, uống thuốc, đến ngày hẹn thì bị tăng huyết áp cứ diễn ra, lặp đi lặp lại. Do uống thuốc nhiều, chức năng gan và thận tôi bị ảnh hưởng, vùng gan thường xuyên bị đau tức, người nặng nề do phù nhẹ toàn thân. Cứ như thế mà sự đau đớn khó chịu kéo đến hơn nửa năm, tôi thật sự bối rối chẳng biết phải làm sao.

Một đêm, sau thời công phu, lạy Phật, trì chú, tôi nằm ôm một bên mặt, nghe cái đau chạy rần rật theo từng nhịp đập của mạch máu mà thấm thía lời than của một vị cổ đức: "Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân", ta có cái nỗi khổ lớn này chỉ vì ta có cái thân này. Bỗng nhiên tôi lại nhớ đến lời dạy của Đức Phật Thích-ca trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa về năng lực tâm thanh cứu khổ của Bồ-tát Quán Thế Âm, tôi như bừng tỉnh. Hơn hai mươi năm nay, mỗi đêm ngoài lẽ Phật, tọa thiền, tôi đều tụng bảy biến chú Đại Bi và niệm nhiều lần danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, tôi nghĩ chắc Ngài cũng thấu thành tâm của mình, thế là tôi bèn bắt đầu thầm niệm danh hiệu Ngài liên tục, cầu Ngài đến giúp thoát bệnh khổ. Và tôi dần thiếp đi lúc nào không hay.

Đêm đó, tôi ngủ rất say và có nằm mơ. Trong giấc mơ, tôi thấy có một người bộ đội đến tìm, đưa cho tôi

một gói nhỏ rồi bảo hãy uống đi sẽ hết bệnh. Chừng tỉnh dậy, cái răng vẫn hành tội ê ẩm cả nửa bên đầu. Sáng hôm sau, tôi nằm co trên võng vì mệt mỏi, cơ đau cứ giòn giụt trong xương, trong óc, tôi cảm thấy chán nản vô cùng. Đang buồn bã, bỗng có một người bạn là bộ đội phục viên đã lâu không gặp đến thăm, vừa nhìn tôi, anh ta liền nói "Sao cái mặt ông bí xị vậy, bộ đau răng hả?". Như mở trung đài, tôi kể lể, than thở với anh ta về nỗi khổ của mình. Anh ta vừa uống trà, vừa nói" Lúc còn ở bên Campuchia, tôi đánh răng toàn bằng muối bột, răng rất chắc, chẳng hề bị sâu răng; mấy năm nay, chỉ dùng kem đánh răng, răng cứ bị nhức hoài, tôi bèn thêm muối vào lúc đánh răng, thấy đỡ lắm, chẳng còn nhức đau gì nữa. Đâu, ông dùng thêm muối đánh răng xem sao".

Chuyện vẫn một lúc, anh ta già từ ra về. Còn lại một mình, tôi thầm nghĩ, bao nhiêu thuốc men, gel bôi tại chỗ, nước súc miệng, kem đánh răng tốt mà không giải quyết được, một chút muối mà làm được gì. Nghĩ tới đó, tôi chợt giật mình khi nhớ tới hình ảnh người bộ đội trong giấc mơ và người bạn là bộ đội phục viên vừa đến thăm, phải chăng, Bồ-tát Quán Thế Âm đã nghe lời kêu cứu thống thiết của tôi đêm qua mà xui khiến bạn tôi tới chỉ cho một phương cách thoát bệnh khổ. Thế là tôi nhanh chóng thực hiện theo lời chỉ dẫn của bạn mình, ngoài kem đánh răng, tôi thêm một chút muối iod vào, ngày đánh răng ba lần. Không ngờ, với phương cách đơn giản đó, tôi đã chung sống hòa bình với chiếc răng hàm bị sâu bể mà chẳng hề đau nhức, cho đến sáu tháng sau, với hai ngón tay, tôi đã nhổ nó ra khỏi hàm một cách dễ dàng và chẳng có biến chứng nào cả.

Tôi nhớ đến một đoạn trong kinh Phổ Môn, rằng "... cần là tể quan sẽ hóa hiện thành tể quan, cần trưởng giả sẽ hóa hiện thành trưởng giả, cần là tu sĩ sẽ hóa hiện thành tu sĩ...", đó là lời giới thiệu của Đức Phật Thích-ca khi nói về năng lực tâm thanh cứu khổ của Bồ-tát Quán Thế Âm, Ngài luôn hóa hiện thành nhiều dạng người, thuộc các tầng lớp khác nhau trong thế giới Ta-bà này để tìm phương cứu giúp chúng sanh gặp khổ nạn. Tôi nghĩ rằng việc bạn tôi tình cờ đến, giúp cho tôi một phương cách điều trị bệnh dân gian có hiệu quả sau những lời khấn nguyện chân thành của tôi với Bồ-tát Quán Thế Âm, chính là một thể hiện kỳ diệu năng lực đó.

Lại nhớ đến câu nói đầu môi của Bồ-tát Thường Bất Khinh: "Tôi không dám khinh chê các ngài vì các ngài đều là Phật sẽ thành", tôi lại nghĩ, những người ta đã, đang và sẽ gặp, không chỉ là những vị Phật sẽ thành, mà đôi khi chính họ là những vị Phật đã thành, là hóa hiện của Bồ-tát Quán Thế Âm, đang từng giây, từng phút thực hành tâm nguyện cứu độ chúng sanh.

Hãy sống, tu tập theo lời Phật dạy, thường xuyên niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, chắc chắn bạn sẽ được Ngài đến giúp khi gặp khổ nạn. Năng lực tâm thanh cứu khổ của Bồ-tát Quán Thế Âm là không thể nghĩ bàn. ■



Học để sống và hiểu bản thân

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Có người cho rằng con người là một động vật kỳ lạ vì phải dành đến hàng chục năm để học mới có thể lo cho cuộc sống của mình ở mức trung bình. Điều này hoàn toàn khác với động vật khác khi hầu hết đều có thể tự lo cho cuộc sống của mình gần như ngay khi mới ra đời. Theo tôi, chính việc học là một phần của cuộc sống, để giúp con người chính là “người” khi xóa bỏ dần tàn dư “con” đeo bám suốt đời vào việc học. Ngẫm lại riêng cuộc đời mình đã trải qua 65 năm, tôi thấy mình đã dành phần lớn cho việc học, nhưng gần như rất hiếm khi tự hỏi: “Học để làm gì, vì sao phải học?”. Thời gian học tiểu học với tuổi đời còn quá nhỏ, học mà không biết để làm gì là chuyện thường tình. Nhưng suốt thời gian học trung học, tôi chỉ biết học vì mẹ tôi bảo phải thế và vì thấy bạn bè mình ai cũng phải học. Đến khi học đại học, nhờ thi đậu vào trường đại học dược khoa, tôi tự mình hình dung học để trở thành dược sĩ. Nghĩa là học để biết, để làm một nghề nuôi sống mình suốt cuộc đời sau này.

Nhìn lại nền giáo dục của nước Việt Nam trong thời gian qua ta thấy nhiều yếu kém. Đến độ phải đặt vấn đề là phải “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”. Suy đi ngẫm lại muốn đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục, trước hết phải trả lời câu hỏi rất hiếm người tự hỏi: “Học để làm gì, vì sao phải học?”. Như tôi, sau 65 năm sống trên đời dành phần lớn cho việc học, nhờ đọc bài báo nói về bốn trụ cột của việc học, khi đó mới đặt ra câu hỏi cho riêng mình “Thật sự mình đã học để làm gì?”.

Khi chuẩn bị bước vào thiên nhiên kỷ mới, thấy rằng học để làm gì thật sự là vấn đề rất lớn của mọi hoạt động giáo dục, cho nên Ủy ban Quốc tế về Giáo dục của Cơ quan Giáo dục, Khoa học và Văn hóa thuộc Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã công bố bốn trụ cột cho việc học dựa vào trả lời cho câu hỏi: “Học để làm gì?”. Theo UNESCO, học là làm bốn việc sau, tức bốn trụ cột của giáo dục theo tiếng Anh là: “learning to know, learning to do, learning to live together and learning to be”. Dịch sang tiếng Việt, ba việc đầu là: *học để biết, học để làm,*

và học để chung sống với người khác, nhưng việc thứ ba thì ôi thôi, tiếng Việt mình phong phú quá, được dịch thành hàng lô việc như sau: học để xác lập mình, học để hoàn thiện mình, học để sống cho mình, học để khẳng định bản thân. Riêng “học để khẳng định bản thân” có vẻ được chuộng nhất vì đã có một số trường học trương bảng hoành tráng hoặc sơn chữ to trước mặt tiền trường nêu bốn trụ cột: “Học để biết, học để làm, học để chung sống và học để khẳng định bản thân”. Khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn”, trước đây đã được trang trọng phô trương ở các trường, nay vẫn giữ lại nhưng xem có vẻ khép nép nếu đứng cạnh bốn trụ cột đó. Nói là khép nép vì tính chất quá xưa cũ so với hiện đại nhưng “Tiên học lễ, hậu học văn” vẫn còn lý do tồn tại vì tình trạng xuống cấp của đạo đức xã hội vẫn nhanh chóng trong cuộc sống.

“Học để biết, học để làm, học để chung sống với người khác” dịch từ ba trụ cột việc học của UNESCO có thể xem tạm ổn. Ngẫm lại từ cuộc đời mình, suốt thời gian đi học, tuy không đặt ra câu hỏi học để làm gì nhưng tôi thật sự mường tượng học để biết. Tôi đã học nhiều môn học để có kiến thức về thế giới, hiểu biết về cuộc sống xung quanh, nhận thức được đất nước dân tộc mình ngày càng tăng trưởng. Về học để làm và học để chung sống với người khác, phải đợi đến lúc bước chân vào đại học; và cũng thế, tức cũng không đặt ra câu hỏi để tìm cách trả lời, tôi cũng mường tượng việc học ở giai đoạn này trước hết cũng là để biết, biết những điều mà một dược sĩ phải biết; sau đó là học để làm, làm những việc của một dược sĩ hành nghề sau này; và tiếp đến là học để chung sống với người bệnh cần dùng đến thuốc, với các đồng nghiệp tiếp xúc hằng ngày và với cả xã hội cần khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần.

Còn việc sau cùng nếu gọi là học để khẳng định bản thân hay học để xác lập mình, học để sống cho mình dịch từ trụ cột thứ tư việc học của UNESCO thì tôi thấy không ổn. Vì sao như vậy? Chính các từ như “khẳng định”, “xác lập”, “sống cho mình” rất dễ tôn sùng “cái tôi” đưa đến bóp méo, làm sai lệch mục đích của việc học. Trên con đường phát triển, con người luôn luôn hiện hữu với “cái tôi” xấu xí. Thoát thai từ một động vật, con người dính liền với bản năng luôn luôn phóng chiếu đủ loại dục vọng. Đơn cử, một nhu cầu động vật trong con người là luôn mong muốn an toàn, an toàn về thể chất và an toàn về tinh thần - tâm lý và thường vì sự an toàn đó mà bất kể lợi ích của tha nhân. Từ đó con người sinh ra tham lam, đố kỵ, tị hiềm... trong quan hệ với nhau. Suốt quá trình tồn tại và phát triển, con người gây ra biết bao tàn nhẫn, khổ đau cho mình và cho người xuất phát từ “cái tôi” luôn muôn được bành trướng phóng hiện, cái “bản ngã” chứa quá nhiều dục vọng. Có người nói: “Con người tự do phải là đích đến của giáo dục”. Thật ra, con người tự do không phải là con người sống bất kể các quy luật hài hòa của cuộc sống

và các định chế cần thiết của xã hội, mà là con người tự do giải thoát khỏi những dục vọng thấp hèn, giải thoát khỏi “cái tôi” gắn với “con” thay vì “người”. Chính vì vậy, một mục tiêu của việc học phải là làm cho con người trở thành “vô ngã” tức làm chủ được mình, giải phóng mình khỏi tham sân si, kiểm soát mình để không nô lệ vào “cái tôi” thấp hèn nhưng ma mãnh, quỷ quyết. Điều kiện tiên quyết để con người “vô ngã” là con người phải thấu hiểu “cái tôi” ma mãnh quỷ quyết, cái “bản ngã” do nhu cầu động vật cứ hướng về sự thấp hèn. Từ cột trụ “learning to be” có nghĩa là “học để sống” mà dịch thành “học để khẳng định bản thân”, “học để xác lập mình” hay “học để sống cho mình” dễ đi đến học để khẳng định, xác lập “cái tôi” ma mãnh, “cái tôi” bao hàm “con” hơn “người”. Có người dịch “học để hoàn thiện mình” chính là để không nhập nhằng với cái tôi đáng ghét mà hướng đến sự hoàn thiện nhờ giáo dục. Tuy nhiên, như thế lại không lột tả được nghĩa của “to be”.

Sau khi phân tích như trên, tôi mạo muội đề nghị cột trụ thứ tư của việc học là “học để sống và hiểu bản thân”. Toàn bộ bốn cột trụ việc học theo UNESCO theo tôi là: “Học để biết, học để làm, học để chung sống và học để sống và hiểu bản thân”. Chính cột “học để sống và hiểu bản thân” sẽ làm cho ba trụ cột kia càng rõ nghĩa.

Ở nước ta, mục đích học để làm quan đã ăn sâu vào tâm não dân ta rất lâu rồi, cho nên cho đến nay “học để biết, học để làm” vẫn là tập trung học để nhồi nhét thật nhiều kiến thức và làm thì qua loa và cũng chỉ để thi (để được làm quan mà). Học để biết để làm xem kỹ lại chính là “học để thi”. Rõ ràng, nếu mọi người – từ người dạy đến người học – đều thấm nhuần tinh thần “học để sống và hiểu bản thân” thì sẽ ý thức rằng sự biến dạng học để biết để làm thành học để thi thật ra chỉ vì “cái tôi” tham lam, chạy theo mong cầu không chính đáng. Khi quan hệ mình với bản thân mình được thấu hiểu để có sự phản ứng, khi đó bản thân được tĩnh ngộ. Thế là người ta sẽ chuyển hóa để việc học là học để biết để làm thật sự chứ không phải chỉ để thi.

Còn “học để chung sống với người khác” ở nước ta thì như thế nào? Trong thời gian dài, ở ta chính khẩu hiệu “Mình vì mọi người, mọi người vì mình” đã trở thành nền tảng cho việc học để chung sống với người khác. Mình vì mọi người nhưng bản thân mình không hiểu chính mình. Mình không hiểu là mình luôn luôn bị “cái tôi” thiêng về phần “con” thô thiúc, kèm chế, kiểm soát để luôn xảy ra cảnh trạng “mình vì mọi người một cách ma mãnh đối trá, ngược lại, mọi người vì mình với bản thân mình luôn tìm cách phóng đại, bành trướng”. Chính “học để sống và hiểu bản thân” sẽ là tiền đề vững chắc để “học để chung sống với người khác” chính là “mình vì mọi người, mọi người vì mình” thực hiện một cách hoàn thiện. Chỉ khi đó, việc học để chung sống với người khác mang tính chất “vô ngã” tức sống chung với người khác mà bị “cái tôi” xấu xí chen vô quấy rầy. ■

Soạn thảo giáo trình Giáo dục học

ĐẶNG ĐỨC TRỌNG

Lời tòa soạn: Giáo sư Tiến sĩ Đặng Đức Trọng là một trong những cộng tác viên thân thiết của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã đóng góp từ những ngày đầu với những bài viết mang tính giáo dục dựa trên tinh thần giáo lý của Đức Phật. Ông vừa gửi tặng VHPG hai tập giáo trình, Lý luận dạy học, soạn chung với Đỗ Thị Bích Trâm, và Giáo dục học, soạn riêng, do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM ấn hành, phục vụ việc đào tạo chuyên ngành sư phạm Toán-Tin. Chúng tôi xin đăng Lời nói đầu của giáo trình Giáo dục học để trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả. Tựa bài do chúng tôi tạm đặt.

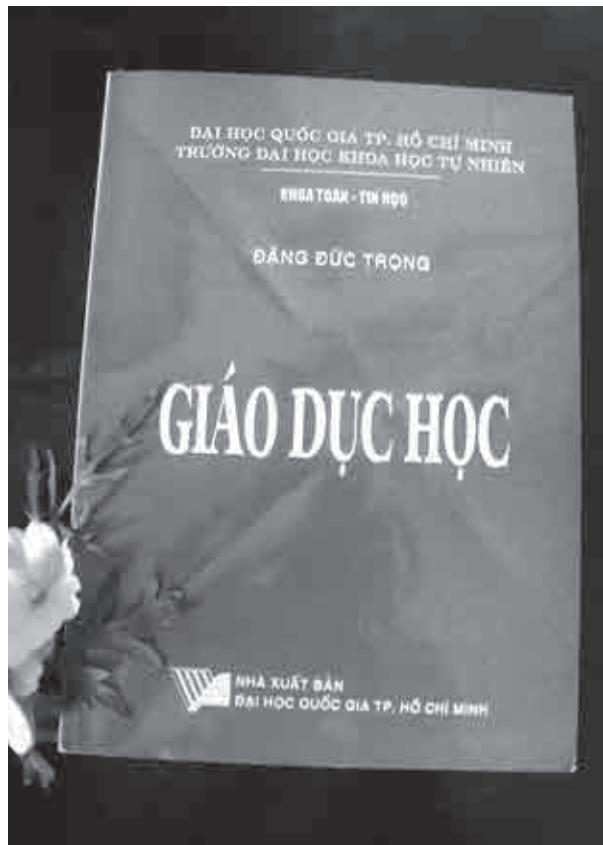
Văn Hóa Phật Giáo

Từ khóa 2008, Khoa Toán-Tin học Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM bắt đầu định hướng đào tạo chuyên ngành sư phạm Toán-Tin. Đến nay khoa đã xét tốt nghiệp chuyên ngành sư phạm cho hai khóa 2008 và 2009.

Trong các môn nghiệp vụ sư phạm, môn Giáo dục học là môn bắt buộc của sinh viên chuyên ngành sư phạm Toán-Tin. Do đó, chúng tôi bắt đầu biên soạn giáo trình này vào mùa hè năm 2010 từ bản thảo môn Giáo dục học của chương trình hướng sư phạm, khoa Toán-Tin học ĐHKHTN TP.HCM.

Trong quá trình soạn thảo, chúng tôi đã tham khảo giáo trình của các tác giả Nguyễn Thị Bích Hồng, Võ Văn Nam (2004), Trần Thị Hương và các đồng tác giả (2009), Nguyễn Hữu Châu (2005) và của nhiều tác giả khác. Nội dung của môn Giáo dục học thường bao gồm các phần giới thiệu về giáo dục; giáo dục học; giáo dục và sự phát triển nhân cách; việc xác định mục đích, mục tiêu giáo dục; các con đường giáo dục. Trong một số tài liệu giảng dạy thì phần lý luận giáo dục (giảng dạy về đạo đức) cũng được đưa vào. Một số giáo trình thêm phần công tác chủ nhiệm; quản lý giáo dục. Một số giáo trình đưa thêm các phương pháp giảng dạy mới vào. Giáo trình của Khoa Toán-Tin học cũng dựa trên các nội dung tương tự. Nó bao gồm ba phần lớn: tổng quan về giáo dục và giáo dục học; các đầu ra học tập về thái độ và phần lý luận giáo dục.

Trong phần thứ nhất, giáo trình trình bày khái quát về hiện tượng giáo dục. Để làm cơ sở cho quan điểm giảng dạy "lấy người học làm trung tâm" và "giảng dạy tích cực", ngoài các chức năng của giáo dục đã được liệt kê (kinh tế-sản xuất, chính trị-xã hội, tư tưởng-văn hóa) chúng tôi bổ sung thêm chức năng điều chỉnh cá nhân. Cung vậy, về phần tính chất của giáo dục, chúng tôi trình bày các tính chất phổ biến và vĩnh hằng, tính xã hội lịch sử. Tuy nhiên, dựa theo gợi ý của nhà giáo dục Mỹ John Dewey và nhà giáo dục Nhật Bản Makiguchi, chúng tôi đưa thêm tính



chất định hướng tới hạnh phúc và tính chất định hướng tới lợi ích của giáo dục. Trong phần xác định các nhiệm vụ giáo dục cụ thể, chúng tôi trình bày rõ phương pháp luận thiết kế chương trình đào tạo theo quá trình mục đích-mục tiêu-hành động (purpose-target-action) trong thiết kế dự án. Để xác định cụ thể các mục tiêu, chúng tôi đã bổ sung thêm phần kiến thức về đầu ra học tập (learning outcomes) và việc tích hợp các đầu ra học tập dựa trên các tài liệu mới nhất của chương trình CDIO hiện đang được triển khai ở một số trường đại học ở Việt Nam. Ngoài ra, giáo trình cũng cố gắng giúp sinh viên có một số hiểu biết về việc xác định đầu ra của một bài học nhằm thiết kế các giáo án về sau.

Phần thứ hai thảo luận về vấn đề nhân cách một cách chi tiết. Hiện tại đây là mảng bị thiếu hụt trong chương trình nghiệp vụ của các trường sư phạm. Chúng tôi có thảo luận sơ qua các quan điểm khác nhau về vấn đề nhân cách, các độc giả muốn tìm hiểu thêm về vấn đề này có thể đọc trong tài liệu của Đào Thị Oanh (2007), Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (2004). Để không đi lạc vào các tranh luận, chúng tôi chọn cách xác định nhân cách theo kiểu liệt kê: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Sau đó, để xác định cụ thể hơn các nhóm thái độ, chúng tôi theo phân loại truyền thống của người Việt Nam: chia sẻ, thích nghi, nỗ lực, phòng vệ, ổn định, trí tuệ. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng bổ sung nhiều kết quả

của tâm lý học hiện đại về các vấn đề hình thành thái độ, bất hòa về thái độ, nhân cách, sự tự giới hạn quyền tự do của mình để tự bảo vệ bản thân (xem [S]...)... Chúng tôi cũng xây dựng một số bài tập đánh giá thái độ để các giáo viên có thể áp dụng trong các trường học nhằm đánh giá học sinh và có biện pháp sư phạm thích hợp.

Phần thứ ba trình bày về lý luận giáo dục. Trong phần này chúng tôi cố gắng nêu ra các nguyên tắc giáo dục cụ thể, có thể áp dụng trong lớp học như nguyên tắc thiết lập quy tắc ứng xử, nguyên tắc "hành vi là chính", nguyên tắc điều chỉnh từ từ... Chúng tôi cũng cung cấp một số mẫu nội quy giúp cho giáo viên có thể vận dụng trong điều kiện giáo dục cụ thể của mình. Ngoài ra, các phương pháp điều chỉnh hành vi cụ thể trong nhiều trường hợp đối với giáo viên lão hóa sinh cũng được nêu ra.

Phần bài tập trong giáo trình được rút ra từ tiểu luận tốt nghiệp của Lê Thị Yến Nhi và Huỳnh Ánh Nguyệt khóa 2009-2013. Tôi xin cảm ơn sự đóng góp quý giá của hai bạn. Tôi cũng xin cảm ơn PGS.TS Lê Thị Hoài Châu đã đọc và cho những ý kiến phản biện rất quý báu, giúp cho giáo trình này hoàn thiện hơn. Tôi xin cảm ơn PGS.TS Đinh Ngọc Thanh, người đã dàn trang cho bản thảo này. Xin cảm ơn quý thầy cô, các bạn sinh viên, các bạn bè thân thiết đã hỗ trợ cho công việc này. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyên đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thàn hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ	CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ	CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 41 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Thiện Thành , Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giầy	: 38 cuốn/kỳ	Cô Tú Oanh , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ	Ô. Lê Hưng Khanh , Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ	Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn , USA	: 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ	Ô. Lê Xuân Triều , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Kim Sơn , Q. 2	: 5 cuốn/kỳ	Cô Diệp Anh và Chị Ngàn	: 1 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,		Cô Nguyễn Thị Ngọc , Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ	Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ	Lakin.com	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyên Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Thị Ninh , USA	: 4 cuốn/kỳ	Thầy Hạnh Thông , TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ	Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ	CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc , Q. BT	: 10 cuốn/kỳ	Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ	Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	PT. Nguyen Thuan	
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ	(namgio1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh , Q. 5		Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ	Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	446 cuốn
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ	Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ		
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ	BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ		
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ	Chị Tuyên ,			
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ	CT TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ		
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ	Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ		
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ	Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ		
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 6 cuốn/kỳ	BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ		
Bà Tân Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ	CT Nến Hạnh Phúc , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ		
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng ,		Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ		

Mọi thông tin về chương trình tặng báo
đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm
xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, Phòng Phát
hành VHPG : (08) 3 8484 335.
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc
toasoanvhpg@gmail.com

Ban Biên tập



Thăm Hội quán người Hoa, nghe 优 ám Hải tặc thời Tự Đức

Bài và ảnh: TRẦN CHI LĂNG

Năm phía Đông nam kinh thành Huế, con đường Chi Lăng thuộc khu phố cổ Gia Hội xưa kia là nơi tập trung nhiều hội quán người Hoa. Đến với nơi đây, du khách sẽ tìm lại được sự thanh thản, sự tĩnh lặng cần thiết để quên đi phần nào những xô bồ của cuộc sống hiện đại.

Hội quán người Hoa – một phần của Huế xưa

Về mặt lịch sử, từ thế kỷ XVII, nhiều người Hoa ở Trung Quốc không chịu sống dưới chế độ ngoại tộc Mãn Thanh cai trị đã di trú sang nước ta, xin chính quyền sở tại cho xây dựng những làng “Minh Hương” và con cháu họ dần dần trở thành thần dân của nước Việt. Họ cũng có công khai phá những vùng đất mới như Hà Tiên và sau đó đã đem đất ấy dâng cho chúa Nguyễn để xin thần phục triều đình nước Nam.

Đến đầu thế kỷ XIX, khi Huế trở thành kinh đô của nước Việt thống nhất dưới thời Nguyễn, người Hoa đã tập trung đến khu phố Đông kinh thành ăn sinh sống. Người Hoa rất giỏi kinh doanh buôn bán, lại có nguồn hàng trao đổi phong phú từ Trung Quốc cộng

thêm chính sách “bế quan tỏa cảng” của triều Nguyễn (cấm buôn bán với phương Tây nhưng lại ưu tiên buôn bán với Trung Quốc) nên số thương nhân Hoa kiều đến Huế ngày một đông. Cho đến ngày nay, mặc dù có giảm sút vì nhiều lý do lịch sử, các dòng họ có gốc gác người Hoa vẫn còn khá nhiều ở các tuyến phố như Trần Hưng Đạo, Phan Đăng Lưu, Chi Lăng... Đặc biệt, người Hoa cũng đã xây dựng những hội quán để phục vụ cho tín ngưỡng và làm nơi tụ họp.

Đó là Hội quán của người Hải Nam thờ Bà Mã Châu, nằm ở góc đường Hồ Xuân Hương và đường Chi Lăng. Lúc mới đến Thuận Hóa, người Minh Hương làm chùa Bà (Thiên Hậu Cung) tại làng Minh Hương, xã Hương Vinh, huyện Hương Trà. Sau lên khu Gia Hội, người Minh Hương làm ăn phát đạt làm thêm hội quán này.

Đó là Hội quán Triều Châu thờ những vong linh phiêu bạt của bang Triều Châu. Đây là ngôi hội quán lớn nhất và giàu có nhất so với các hội quán khác ở khu phố cổ Gia Hội.

Tiếp đó là Hội quán Quảng Đông của bang Quảng Đông, ra đời từ cuối thế kỷ XIX, thờ Quan Công; Hội quán Phúc Kiến xây dựng vào năm Tự Đức thứ 7 (1854),



thờ “Tam vị, ngũ vị”. Bên cạnh đó, cách đây mấy năm, gần Hội quán Quảng Đông, Hội quán Quảng Triệu cũng được xây dựng, có mỏ lớp dạy Hoa ngữ.

Các hội quán người Hoa ở Huế được bảo tồn rất tốt nên vẫn giữ được vẻ đẹp như xưa. Đến tham quan những hội quán người Hoa trên con đường Chi Lăng, du khách sẽ có một cảm giác thú vị đến lạ lùng. Bởi không cần phải đến phố cổ Hội An, mà ngay tại Huế du khách cũng đã có dịp ngắm nhìn những hội quán bê tông đậm dấu ấn văn hóa – lịch sử của người Hoa. Đáng tiếc là ngành du lịch Huế vẫn chưa tiếp cận được cụm địa điểm văn hóa độc đáo này để xây dựng tuyến du lịch nên khu phố cổ Gia Hội vẫn thua rất xa phố cổ Hội An về mặt bảo tồn cũng như lượng du khách đến tham quan và du lịch. Tuy nhiên, do thị hiếu, nhiều du khách nước ngoài vẫn tự mình đi bộ hoặc đi xe máy đến tham quan. Tất nhiên là chỉ tiếp cận được “vòng ngoài” vì không có hướng dẫn viên du lịch người Việt thì khó có thể vào bên trong các hội quán để biết hết được giá trị văn hóa – lịch sử.

Vụ án oan “Hải tặc” dưới thời vua Tự Đức

Ở đường Chi Lăng còn có Chiêu Ứng từ, nằm đối diện chợ Cồn Phú Cát hiện nay. Ngôi đền do Hoa thương phố Gia Hội xưa quyên góp sửa ngôi chùa cổ đã sụp đổ vào năm 1887. Năm 1908, ngôi đền được trùng tu và có tầm vóc như ngày nay. Đây là ngôi đền ghi dấu một vụ án vào đời Tự Đức.

Vụ án diễn ra vào mùa hè năm Tân Hợi (1851), khi vua Tự Đức đọc được tờ tấu do Bộ Bình chuyển lên trình bày việc Chưởng vệ Phạm Xích và Thị lang Tôn Thất Thiều tâu trình đã đánh đuổi ba tàu hải tặc ở vùng biển Quảng Nam - Quảng Ngãi, rằng quan binh đã bắn chìm một chiếc, một chiếc bị quan binh áp sát, giết được rất nhiều hải tặc, thu tàu giải về neo tại vịnh Chiêm Dữ, một chiếc bỏ chạy về phía Đông, xin báo công để triều đình ban thưởng. Vua Tự Đức xem xong tờ tâu liền sinh nghi vì đánh nhau với hải tặc mà lính tráng chẳng ai bị thương tích gì, còn phía bên kia thì chết sạch không một người bị bắt làm tù binh. Vụ việc nghiêm trọng nên vua Tự Đức nhắc bút châu phê vào tờ tấu: “Giao qua Bộ Bình điều tra cho rõ sự tình”.

Lиên sau đó quan Thượng thư Bộ Bình phái thuộc cấp đi khám xét. Vài ngày sau, thuộc cấp đi về phúc trình rằng chiếc tàu giặc biến giống thuyền buôn hơn là tàu giặc. Ngay lúc ấy, một phụ nữ Hoa kiều đến nha môn xin cáo giác. Nguyên bà là Hoa kiều, làm nghề tiệm ăn ở phố Gia Hội, thấy chồng cũng là Hoa kiều về nước bắt tin đã lâu. Nhưng khi viên đội trưởng trong vệ Tuyển Phong tên Trần Hựu đem bạn bè về chiêu đãi tại quán bà mà không đủ tiền trả lại rút chiếc nhẫn cầm tạm bảo thối tiền mặt; bà chủ thấy nhẫn ngờ ngợ, xem kỹ nhận ra bảo vật của chồng liền vặn hỏi. Trần Hựu lúc đầu tìm cách chối, sau chịu theo bà đến nha môn trình việc. Hóa ra y là thủ hạ của Tôn Thất Thiều.

Trước mặt quan Bộ Bình, Trần Hựu cung khai rằng ngày 17/6/1851, thuyền quan đậu ở cửa Thi Nại, được tin có ba chiếc thuyền lạ đậu ngoài hải phận đảo Thanh Dư. Chưởng vệ Phạm Xích và Thị lang Tôn Thất Thiều lập tức đuổi theo bắn và áp sát để bắt. Mặc dù đã trình thẻ nhà buôn nhưng 108 người Hoa trên tàu bắt được đều bị chém chết rồi đem quăng xuống biển mất xác. Ngoài ra sau đó còn tìm thấy một người khác trốn dưới đáy khoang. Bị phát giác, người này chạy thoát lên boong, phóng xuống biển mất tích. Toàn bộ hàng hóa trên chiếc tàu buôn của người Hoa được chuyển sang chiếc Bằng Đoàn của quan binh rồi chiếc thuyền buôn được sơn lại toàn màu đen để trông như tàu hải tặc và dẫn về vịnh Chiêm Dữ.

Trước công đường, bà chủ quán ở phố Gia Hội kêu oan rằng chồng bà cùng nhiều bạn khác thuộc các bang ở Huế và Quảng Nam, Quảng Ngãi nhân về nước thăm quê nhà ở Hải Nam đã kết hợp đi buôn, có giấy phép của trên cấp. Vậy mà nay lại bị chết oan mà còn mang tiếng là hải tặc. Quan Thượng thư Bộ Bình sau khi gọi thêm nhân chứng điều tra, làm tờ tâu, nói bọn Xích giết càn và mạo xưng công lại. Vua Tự Đức thịnh nộ, phê giao Ty tam pháp xét xử. Thiều chủ mưu, bị đổi theo họ mẹ (Đặng), cùng Xích đều bị xử tội lăng trì, vợ con phải phát phổi; Dương Cù đồng lõa, xử tội trảm quyết; Trần Hựu biết thú nhận khi chưa tra khảo nên được tha. Bản án dâng lên, vua Tự Đức chầu phê chuẩn ngay, còn xuống chỉ truy thu tang vật trả lại thân nhân những người bị hại. Do đó, hằng năm vào độ rằm tháng Sáu âm lịch, kể từ khi Chiêu Ứng từ xông, thân nhân các nạn nhân Hoa kiều sống tại Việt Nam hay từ Hải Nam, cũng như người Hoa từ các nơi quy tụ về đây để làm lễ tưởng niệm, thường thường lễ kéo dài đến ba ngày. Truyền thống đó vẫn còn lưu giữ đến ngày nay.

Có thể nói rằng, bản án của vua Tự Đức phê chuẩn không những đã minh oan cho nạn nhân của vụ án “Hải tặc” mà còn cho thấy pháp luật Việt Nam nghiêm minh, không phân biệt một ai. Bản án còn thể hiện được sự sáng suốt của vua Tự Đức trong bang giao với Trung Quốc, nhất là trong chính sách bảo vệ ngoại kiều đến làm ăn, buôn bán với nước ta, làm cho nước ta không bị Trung Quốc có cơ gây khó dễ về mặt chính trị. ■



Tín ngưỡng thờ linh thú của người Việt

tại các cơ sở đình, đền, miếu ở Bình Phước

Bài & ảnh: VŨ ĐÌNH TÂM

Bình Phước có diện tích khoảng 6.874,62 km² (trị số đo đạc năm 2007) với số dân 873.598 người¹, là địa bàn cộng cư và sinh sống của 41 thành phần dân tộc. Các cộng đồng cư dân sinh sống trên mảnh đất Bình Phước hiện nay có thể chia thành hai lớp khác nhau: những cư dân sinh sống lâu đời bao gồm các tộc người S'Tiêng, M'Nông, Khơme..., các cư dân đến cư trú sau bao gồm các tộc người di cư từ miền Bắc tới như Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường và ở các khu vực miền Trung, miền Đông và Tây Nam Bộ vào như Chăm, Hoa...

Theo sử liệu, người Việt bắt đầu đến Bình Phước lập nghiệp vào khoảng giữa thế kỷ XVII; sau đó là những đợt di cư rải rác trong các thế kỷ XVIII, XIX và nhiều nhất là vào thời gian thực dân Pháp bắt đầu khai thác các đồn điền cây công nghiệp đầu thế kỷ XX. Hầu hết những người Việt đến mưu sinh ở Bình Phước vào lúc ban đầu đều là nông dân nghèo, những người chống đối bọn cường hào, địa chủ ở nông thôn Bắc Bộ, những nông dân miền Trung mất đất canh tác vì không chịu nổi sưu thuế nặng nề của triều đình. Quá trình khai hoang, mở ấp, lập làng của họ diễn ra trong hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt. Họ phải đổi mới với nhiều nguy hiểm "rừng thiêng nước độc", phải băng rừng lội suối vạch lau sậy. Nhiều người đã phải bỏ nơi này về quê cha đất tổ để làm ăn sinh sống... còn những người ở lại cố gắng vượt qua, tạo ra các niềm tin bằng việc lập ra đền, chùa, đình, miếu để cầu được sự che chở; đi kèm theo đó là tục thờ các linh thú để có được sự an tâm trong cuộc sống buồm đầu đến đây khơi dựng cơ nghiệp.

Tục thờ thần hổ

Xưa kia vùng đất Bình Phước còn hoang vu, rừng rậm có nhiều thú dữ; đặc biệt là cọp, chúng thường xuyên xâm phạm đến con người và phá hoại vật nuôi của cư dân trong xóm làng. Từ đó, tín ngưỡng thờ thần hổ xuất hiện, nhằm tạo niềm tin bình an yên ổn cho cư dân buổi đầu khai hoang lập ấp. Chính từ tín ngưỡng đó mà tập tục xưa đã để lại trong làng xã rằng hội đồng kỳ mục chỉ được cử đến chức hương chủ, còn chức hương cả là chức vụ cao nhất đứng đầu của làng phải dành cho cọp. Trước đây, hàng năm trong các dịp lễ, người dân trong làng đều phải biện vật phẩm cúng thần hổ gồm trà, rượu, nhang đèn, thịt heo sống, trứng gà, vịt sống; người ta cho rằng nếu ai vi phạm lệ tục này thì bị cọp về móc họng chết; không những thế, dân làng phải làm lễ bầu Ông rồi cúng cho ông Cả Cọp một cái thủ vị và dâng tờ cử chức hương cả. Mãi đến khoảng gần cuối thế kỷ XIX, tục lệ này mới được bãi bỏ.

Việc thờ thần hổ cũng dựa trên truyền thuyết dân gian rằng ở mỗi cụm rừng đều có một vị chúa tể chốn sơn lâm, được coi là thần hổ. Vị thần hổ này thống lĩnh các loài thú trong rừng, góp phần giúp đỡ và bảo vệ mùa màng cho dân làng có được cuộc sống ấm no hạnh phúc, nhà nhà yên ổn người người an vui, và cũng còn có chức năng hộ vệ cho vị Thành hoàng Bổn cảnh.

Ngày nay, tại nhiều đền, đình, miếu ở Bình Phước vẫn còn có chỗ để thờ ông Cả Cọp. Nhiều nơi đặt bức bình phong một mặt có khắc hình Cả Cọp, thường được dựng ở trước cửa vào gian chính điện theo quan niệm phong

thủy, vừa che chắn những điều không hay, vừa tạo sự kín đáo cho công trình phía trong; cũng có khi bức bình phong này được riêng ra đặt trước sân. Một số nơi còn lập riêng một miếu nhỏ với hoa văn trang trí, bát hương, và bài vị đặt bên, ghi “Sơn Quân chi thần”, “Lý Nhị Đại tướng quân”, “Sơn lâm Hổ lang chi thần”, “Mãnh hổ Đại tướng quân”, “Ngũ Hổ Đại tướng quân”. Những hình thức thờ tự này vẫn còn thấy tại nhiều nơi trong tỉnh Bình Phước như đình thần Hưng Long huyện Chơn Thành, đình Tân Lập Phú phường Phú Thịnh, huyện Bình Long, đình Thành Hoàng thị trấn Đức Phong huyện Bù Đăng, đình Tân Khai huyện Hớn Quản, đình Thành An xã Thành An huyện Hớn Quản, đền thờ Trần Hưng Đạo xã Thành Phú huyện Bình Long, đền Đức Thánh Trần phường Hưng Chiểu Bình Long, các miếu Ông Hổ ở phường Phú Đức huyện Bình Long và ở xã Tân Hưng huyện Hớn Quản...

Tục thờ rồng

Theo sách *Thuyết văn giải tự*, trong 389 loài bò sát có vảy thì rồng là loài đứng đầu và có sức mạnh vô song. Rồng tượng trưng cho sự sinh sôi mạnh mẽ, là biểu tượng của phương Đông (tả Thanh long) và của mùa xuân. Rồng được miêu tả với nhiều dáng vẻ, tùy thuộc vào sự tưởng tượng phong phú của từng cộng đồng, từng dân tộc và luôn biến đổi theo thời đại hoặc không gian cư trú. Rồng là con vật có sự kết hợp của chín loài vật khác: đầu lạc đà, sừng hươu, mắt thỏ, tai bò, cổ rắn, bụng ếch, vây cá chép, móng chim ưng, bàn chân của hổ.

Trong tâm thức của người Việt, rồng không hẳn là linh vật dành riêng cho nhà vua hay hoàng gia. Con rồng Việt đã vượt khỏi chốn cung cấm, xuất hiện ở hầu khắp đình chùa, miếu... trong dân gian. Ngày trước, nhà nước phong kiến vẫn có những quy định khắt chẽ trong việc sử dụng hình tượng con rồng. Chẳng hạn, từ thời Lê - Trịnh đến thời Nguyễn, chỉ có vua và thái tử mới được sử dụng hình ảnh rồng năm móng; các hoàng tử thứ hai, thứ ba và thứ tư chỉ được dùng hình ảnh rồng bốn móng; từ hoàng tử thứ năm trở xuống chỉ được dùng hình ảnh rồng ba móng hay các biểu tượng gần gũi của rồng như con giao, con cù. Con rồng trang trí trong các đình chùa của dân gian cũng chỉ có bốn hoặc ba móng.

Rồng cũng xuất hiện trong các đình đền, chùa, miếu ở Bình Phước như đình Tân Lập Phú, đình Tân Khai, đình thần Hưng Long, đình Thành Hoàng ở huyện Bù Đăng... Rồng được thể hiện nơi ngai điện, trên bức liền hoặc bức bình phong thể hiện sức mạnh của thần linh, là chủ của nguồn nước, mang lại sức sống mãnh liệt, làm cho mùa màng tốt tươi.

Tục thờ hạc và rùa

Hạc và rùa cũng xuất hiện nhiều trong các ngôi đình, đền miếu ở Bình Phước. Theo truyền thuyết thì rùa và hạc là đôi bạn thân thiết. Rùa vốn là con vật sống dưới nước và có thể bò trên mặt đất; hạc là sinh vật sống trên cạn nhưng

lại biết bay. Khi trời làm mưa lũ gây ngập úng cả một vùng rộng lớn, hạc không thể sống dưới nước nên rùa giúp hạc vượt vùng nước ngập úng đến nơi khô ráo. Ngược lại, khi trời hạn hán, rùa đã được hạc giúp đưa đến vùng có nước. Những hình ảnh này tượng trưng cho lòng chung thủy và sự giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn hoạn nạn giữa những người bạn tốt. Cũng theo truyền thuyết thì rùa và hạc đều là những sinh vật có tuổi thọ và là những hình ảnh tượng trưng cho sự thanh cao thoát tục.

Rùa là con vật đứng hàng thứ ba trong tứ linh “long, lân, quy, phụng” của người Việt Nam từ xa xưa. Theo truyền thuyết trong lịch sử dân tộc ta, rùa đã có nhiều thành tích trong việc dựng nước và giữ nước, như truyền thuyết Thần rùa Kim Quy giúp An Dương Vương làm nô thần đánh thắng kẻ thù Triệu Đà và xây dựng thành Cố Loa hay chuyện rùa thần đã giúp Lê Lợi đánh thắng quân Minh... Những truyền thuyết đó đã nhắc nhở những người dân từ Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Thanh-Nghệ-Tĩnh đi khai phá vùng đất Bình Phước mang theo tín ngưỡng thờ thần rùa. Hiện nay, hình ảnh hạc đứng trên lưng rùa cũng được thấy ở các ngôi đình như đình thần Hưng Long, đình Tân Lập Phú, đình Tân Khai... như thể hiện khát vọng trường tồn và những ước muôn thanh cao của người dân Bình Phước.

Tín ngưỡng thờ linh thú trong các đình đền miếu là một trong những nét đẹp mang tính nhân văn của người Việt có mặt ở mọi nơi trên đất nước Việt Nam. Người dân tỉnh Bình Phước cũng duy trì nét tín ngưỡng đó như một sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử văn hóa; hơn nữa, còn là sản phẩm tinh thần gắn liền với sức sống và sự phát triển của một vùng đất, tiết ra từ quá trình định cư và cộng cư. Ở một phạm vi nào đó, hình thức tín ngưỡng này còn thể hiện lòng biết ơn của cộng đồng cư dân trước việc thiên nhiên đã dung chứa con người từ những ngày đầu mở đất, xét về việc các linh thú luôn được phổi hưởng vật phẩm thờ tự mỗi khi có các buổi lễ được tổ chức để nhớ đến công lao các bậc tiên hiền, “tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ”. ■

(1) Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2009
Cục Thống kê Bình Phước

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Bạch Đằng (1991), *Địa chí tỉnh Sông Bé*, Nhà xuất bản Tổng hợp Sông Bé.
2. Sơn Nam (2006), *Đình miếu lề hội dân gian miền Nam*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Trương Văn Khôi (2013), *Tín ngưỡng thờ linh thú của người Việt tại các cơ sở tín ngưỡng ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Giáo dục và Truyền thông với việc phát huy văn hóa dân gian Nam Bộ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai – Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai, Chi hội Văn nghệ dân dân Đồng Nai, tr.75-76.
4. Trần Đức Anh Sơn (2011), *Những linh thú đất Việt*, đăng trên báo baothuathienhue ngày 24 tháng 3 năm 2011.
5. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1999), *Đình Nam Bộ xưa và nay*, Nhà xuất bản Đồng Nai.



Ảnh hưởng Phật giáo

trong trò chơi và Diễn xướng Dù-kê của người Khmer Tây Nam Bộ

Bài & ảnh: THẠCH BA XUYÊN

Người Khmer được coi là những cư dân đầu tiên có mặt ở vùng đất hoang hóa “muỗi kêu như sáo thổi, đỉa lội tự bánh canh” này. Các nhà sử học và dân tộc học đã đồng thuận cho rằng người Khmer thực thụ định cư ở Nam Bộ từ đầu thế kỷ XVI, tức sau khi vương quốc Chân Lạp bị người Xiêm đánh bại, phải dời đô đến Phnom Penh ngày nay vào năm 1434 và chuyển trọng tâm đất nước từ Tây bắc xuống Đông nam Biển Hồ. Theo tập quán, người Khmer thường chọn các vùng đất giống cao để làm nơi định cư; họ tập trung ở Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang và rải rác ở các nơi khác. Bộ máy hành chánh được thiết lập đến cấp srok (xứ) và được nối dài với bộ máy tự quản ở cấp khum (xã), phum (buôn) cùng với một mạng lưới chùa chiền dày đặc.

Người Khmer Nam Bộ theo đạo Phật Tiểu thừa Theravada, một tôn giáo mới du nhập từ thế kỷ XIII nhưng đã thay thế đạo Bà-la-môn, chi phối rất sâu sắc đời sống của người Khmer. Đối với người Khmer, Phật là chỗ dựa

tinh thần vững chắc, là đấng thiêng liêng; còn sư sai là những người thay Đức Phật để hoằng hóa độ sinh, vì vậy rất được mọi người tôn kính. Nam giới Khmer đều được trải qua một thời kỳ tu tập tại chùa để trở thành một con người hoàn thiện về nhân cách, phẩm chất, khả năng.

Các lễ hội của người Khmer bao gồm hai loại chính là lễ hội nông nghiệp - ngư nghiệp và lễ hội tín ngưỡng - tôn giáo. Theo truyền thống, người Khmer phân chia lễ hội của mình thành hai loại là lễ hội văn hóa - lịch sử (pithi) và lễ hội có màu sắc Phật giáo (beân). Các lễ hội văn hóa - lịch sử bao gồm lễ Tết (pithi Chôl Chnam Thmây, 14-15-16 tháng 4 dương lịch, gồm nghi lễ đắp các núi cát và tắm Phật, tảo mộ ông bà, vui chơi), lễ cúng tổ tiên (pithi Sen Đonta, 29 tháng 8 đến 1 tháng 9 âm lịch Khmer), lễ cúng trăng (pithi Sâm Peak Preach Khe, còn gọi là lễ đút cốm dẹp – Oc-om-bok, 15 tháng 10 âm lịch, gồm nghi lễ cảm tạ thần Mặt Trăng bảo hộ mùa màng, điều hòa thời tiết, đem lại ấm no, tổ chức đua ghe ngo - Um tuk ngo)... Các lễ hội có màu sắc Phật giáo bao gồm lễ Phật đản

(beân Pisakh Bâuchea), lễ nhập hạ (beân Chuôl Vâssa), lễ cầu phước (beân Đa), lễ hội linh (beân Pchum Bôn),... Ngoài ra, người Khmer còn có các nghi lễ vòng đời như lễ cắt tóc (đầu tháng), lễ giáp tuổi (12 tuổi), lễ đi tu báo hiếu (Neak), lễ cưới (Pithi Apea Pipea), lễ chúc thọ, và lễ tang (beân Sôp), ...

Có một điều đáng chú ý là gần như các hình thức sinh hoạt của đồng bào Khmer đều chịu ảnh hưởng Phật giáo; từ các lễ hội liên quan đến Đức Phật cho đến các hoạt động mang tính dân gian. Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu những yếu tố Phật giáo chi phối các trò chơi và nghệ thuật diễn xướng của người Khmer.

Ở trò chơi dân gian, hình thức đi mê cung (đơ pum pol) thường được tổ chức mỗi khi có lễ tết hay khánh thành chùa. Trò chơi này được xây dựng từ câu chuyện Đức Phật thu phục tướng cướp Angulimala trong Phật thoại. Tương truyền, Angulimala đã giết 999 người, mỗi lần giết người, ông ta chặt một ngón tay của nạn nhân rồi xỏ xâu lại; về sau, ông ta được Đức Phật hóa độ, trở thành một vị sa-môn thực hành hạnh nhẫn nhục. Dựa theo truyền thuyết đó, các nhà sư dùng tre, sậy cắm thành 999 cây tượng trưng cho 999 ngón tay rồi buộc dây chằng chặt tạo thành một mê cung. Người đi chùa thường cùng nhau vào chơi trong mê cung ấy. Người chơi, khi đi vào mê cung không được bước ngang dọc. Cả đoàn mấy chục người ai muốn chơi thì tham gia. Trò chơi dùng để thử trí người đến chùa. Có người đi mãi cứ quẩn quanh mà không sao ra được. Người ta cho rằng những người ấy lối lâm chưa rửa sạch...

Lại có trò chơi loy protip là hình thức thả đèn nước. Trò chơi này gắn liền với lễ Loy protip, tổ chức vào ngày rằm tháng 9 âm lịch Khmer, sau ngày các sư xuất hạ (chênh vô sa). Loy protip là một lễ nghi có xuất xứ từ truyền thuyết Phật giáo, theo đó, người ta thể hiện sự tôn kính với xá-lợi răng nanh của Phật Thích-ca được rắn thần Naga cất giữ nơi Long cung; ngoài ra đèn nước cũng tượng trưng cho hàm răng dưới của Đức Phật để lại hạch giới độ trì chúng sinh. Lễ hội còn mang ý nghĩa là để tạ ơn thần mặt đất (pres thôrni) và thần nước (pres kôong kea).

Đèn nước "protip" thường là một chiếc bè làm từ cây chuối hoặc tre được lắp ghép thành chiếc thuyền theo mô hình chùa tháp và các loại thú vật với nhiều hoa văn trang trí lộng lẫy bên trong tháp nhiều đèn cầy. Lễ vật cúng là gạo, muối và các loại sản vật và trái cây. Sau khi bày biện các thứ lễ vật người ta tiến hành làm lễ, các vị sư tụng kinh tưởng nhớ đến Đức Phật, xong vị Acha chủ lễ đốt nhang, đèn cầy rồi nói lên lòng biết ơn của đồng bào đối với vị thần Koong Kea (thần nước) đã đem lại mưa thuận gió hòa và mong thần ban cho mọi người sức khỏe dồi dào, thời tiết thuận lợi để đồng bào hưởng một mùa bội thu trong năm tới, đoạn người ta khiêng Protip thả trôi theo dòng nước. Nơi để Loy protip thường là đoạn sông hay kênh rạch nơi cộng đồng cư trú, trong quá trình Loy protip còn có sự biểu diễn của dàn nhạc ngũ âm plêng pin peth và đội trống Chhayăm phụ họa và tổng tiễn làm cho không khí buổi lễ thêm trang trọng.

Về loại hình diễn xướng Dù-kê, ngoài những vở diễn quen thuộc có nội dung là những truyện cổ dân gian với chủ đề tư tưởng ở hiền gặp lành và những truyền thuyết được trích đoạn từ *Trường ca Reamker*, một tác phẩm có giá trị và ảnh hưởng lớn trong nền văn hóa Khmer, còn có những vở diễn khai thác các giai thoại liên quan đến Đức Phật Thích-ca như chuyện Đức Phật hàng phục voi dữ chẳng hạn. Ngay cả những vở diễn có nội dung lấy từ truyện cổ dân gian thì chủ đề quán xuyến của chúng cũng mang đậm ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo qua hình ảnh những con người bất hạnh, nhờ được Đức Phật khai thị hay giúp đỡ mà tìm được hạnh phúc, như các vở *Neang Mô-rô-năc Mê-da; Chạp tế; Chau Thông – Chau Sanh...*

Cũng xin nói thêm, *Reamker* vốn là một bản trường ca dân gian của người Campuchia, có nội dung vay mượn sử thi *Ramayana* của nền văn hóa Bà-la-môn Ấn Độ. Tuy quá trình xuất hiện của *Reamker* trên đất nước Campuchia như thế nào thì đến nay nguồn tài liệu còn lại không rõ, nhưng rõ ràng nội dung của *Reamker* là một thành tựu của văn học dân gian Campuchia mang tính nhân bản, chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng Phật giáo đã được người Khmer Tây Nam Bộ khai thác trong hầu hết các sinh hoạt tập thể của họ.

Từ các đề tài trên, những nhân vật được xây dựng trong các vở diễn Dù-kê cũng hình thành hai tuyến thiện – ác rõ rệt. Khi kết thúc, thiện luôn thắng, luôn tồn tại; cái ác hoặc bị loại trừ khỏi đời sống hoặc phải quy phục cái thiện.

Qua những nét sơ lược nêu trên, có thể thấy trò chơi dân gian và nghệ thuật diễn xướng Dù-kê phản ánh được nhiều khía cạnh đời sống tinh thần của người Khmer ở miền Tây Nam Bộ. Tư duy, chuẩn mực và cách ứng xử của đồng bào Khmer miền Tây Nam Bộ đối với thiên nhiên, xã hội và con người đều ít nhiều được gửi gắm, truyền tải trong đó. Một điều có thể thấy, ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo luôn đậm nét. ■



Losar, Tết Tây Tạng

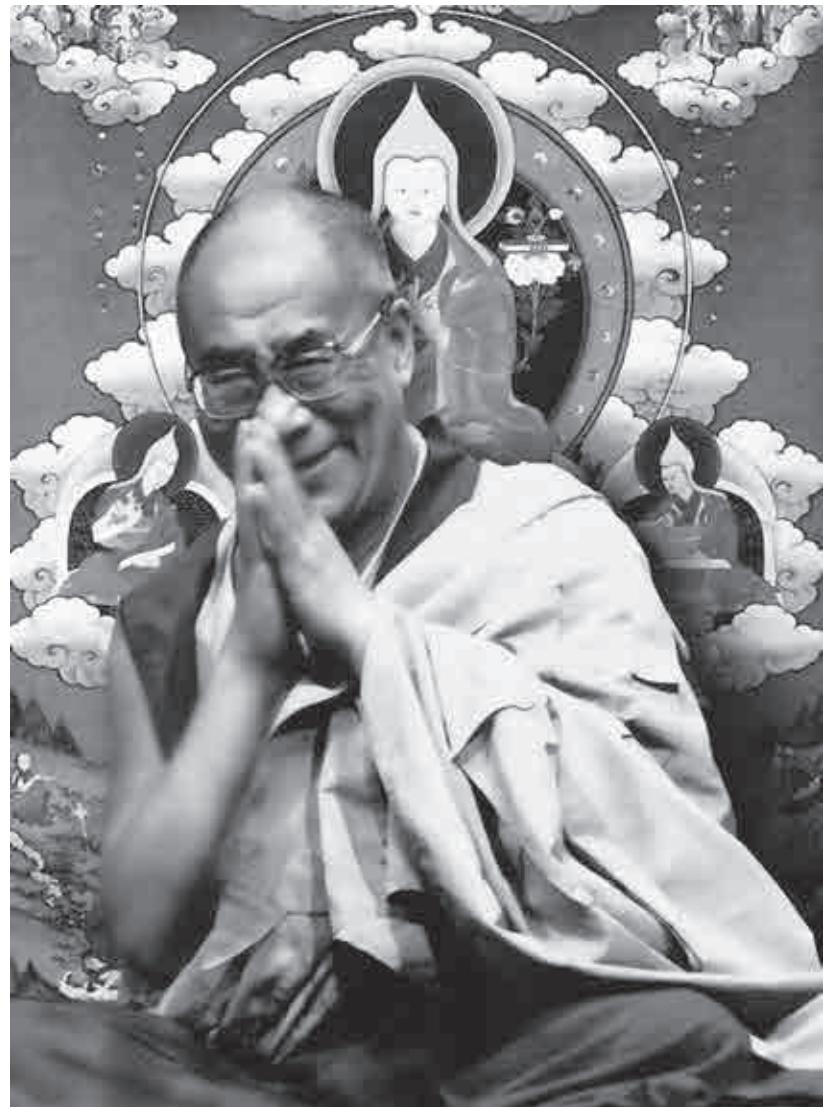
DIỆU NGỌ

Năm nay tôi ăn Tết đến ba lần: ngoài Tết tây và Tết ta, lại được hân hạnh dự ngày Tết Losar của người dân Tây Tạng. Nhân dịp này xin ghi lại một vài nét chính trong nghi lễ để thấy những nét đặc thù của Phật giáo Kim Cang thừa có mặt hàng ngàn năm nay trên nóc nhà thế giới, quê hương của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14. Tết Losar được các dân tộc Nepal, Bhutan và Tây Tạng ăn mừng theo lịch Tây Tạng, năm nay nhằm vào đầu tháng Ba dương lịch. Tôi đến tu viện Gaden Samten Ling để cùng Phật tử đón mừng năm mới Tây Tạng trong thời tiết giá lạnh của xứ Canada.

Tu viện Gaden Samten Ling

Mặc dù ở đây rất ít người gốc Tây Tạng cư ngụ nhưng vẫn có ngôi già-lam do một nhà sư Tây Tạng thành lập nhằm giới thiệu văn hóa Phật giáo đến người bản xứ và hướng dẫn họ tu tập theo pháp môn Mật tông truyền thống của dân tộc vùng tuyết trắng trên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn. Tu viện Gaden Samten Ling được thành lập vào năm 1986 khi thầy Geshe Ngawang Kalden từ Ấn Độ đến định cư tại thành phố Edmonton, Canada. Geshe là học vị tiến sĩ Phật giáo Tây Tạng. Thời gian đầu Phật tử cùng thầy Kalden sinh hoạt và tu học trong những căn nhà thuê lụp xụp cho đến năm 1997 mới mua một căn nhà nhỏ, nơi mà ngôi chùa hiện tại được xây dựng vào năm 2012.

Thầy Kalden viên tịch vào năm 1998 trong tư thế ngồi kiết già chắp hai tay mặt hướng về chân dung Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14. Thầy đi rồi, Phật tử cảm thấy trống vắng bơ vơ nên ban trị sự đã cung thỉnh thầy Kusho Lobsang Dhamchoe từ Ấn Độ sang để tiếp tục duy trì mạng mạch Phật pháp tại địa phương. Kusho là danh xưng của một vị cao tăng đã từng tu học dưới sự hướng dẫn trực tiếp bởi Đức Đạt-lai Lạt-ma. Phật tử ở



đây gọi một cách thân mật là Kusho-la (tiếng đậm “la” để tỏ vẻ tôn kính). Thầy Kusho là một vị sư trẻ đầy nhiệt huyết, đã nhanh chóng tổ chức chương trình tu học cho Phật tử, hướng dẫn các khóa thiền căn bản cho sinh viên, nhân viên chính phủ và các công ty tư nhân, đặt kế hoạch xây dựng trung tâm theo kiến trúc Tây Tạng mà hôm nay lễ Tết Losar lần thứ hai được tổ chức trong ngôi chùa trang nghiêm ấm cúng này.

Khăn lụa cát tường

Buổi sáng Tết Losar khi tôi đến tu viện, mặc dù thời tiết lạnh dưới 15 độ âm nhưng tất cả Phật tử đã có mặt đông đủ ngồi trên các tọa cụ chật hết chánh điện. Đa số là người da trắng, chỉ có vài gia đình người Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa và duy nhất một gia đình người Việt. Mọi người chắp tay búp sen miệng nở nụ cười chào nhau bằng lời chúc sức khỏe “Tashi Delek” theo tiếng Tây Tạng và chúc mừng năm mới “Happy Losar”. Đến giờ hành lễ Phật tử đứng nghiêm chỉnh chắp tay cung thỉnh thầy Kusho bước vào chánh điện, một hình ảnh quen thuộc ở các chùa Việt Nam khi cung thỉnh chư Tăng Ni quang lâm bảo điện. Với khuôn mặt sáng ngời niềm vui đạo vị, thầy chắp tay chào mọi người và đảnh lễ Đức Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật. Trước tượng Phật Bổn Sư mạ vàng là bức hình lớn của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 đặt trên pháp tòa. Thầy cung kính dâng khăn lụa cát tường khata màu trắng và bột lúa mạch cúng dường Đức Đạt-lai Lạt-ma. Theo tập tục dân gian của người Việt thì màu trắng là màu của tang chế nhưng đối với người Tây Tạng, khăn lụa trắng tượng trưng cho tâm thanh tịnh tinh khiết như tuyết trắng vùng núi cao Hy Mã Lạp Sơn. Ta thường thấy mỗi khi gặp một vị sư Tây Tạng, Phật tử nâng khăn khata trên hai tay cúi đầu cung kính xá thầy và được thầy tiếp nhận khăn để choàng lên cổ người Phật tử như một lời chúc lành trong sự che chở của mười phương chư Phật.

Sau khi dâng khăn lụa khata lên Đức Đạt-lai Lạt-ma, thầy Kusho ngồi trên pháp tòa để Phật tử thay phiên nhau tiến lên dâng hai chiếc khăn lụa khata, một cho Đức Đạt-lai Lạt-ma và một cho thầy để thầy choàng vào cổ và đọc câu thần chú “Om Mani Padme Hum”, tức thần chú lục tự đại minh Án Ma Ni Bát Di Hồng mà ta thường tụng trong các khóa lễ để tịnh hóa thân tâm.

Điểm khác biệt với Phật giáo Việt Nam là trong nghi lễ Phật giáo Tây Tạng, thầy trụ trì luôn ngồi trên pháp tòa quay mặt về phía Phật tử để thuyết pháp hay hướng dẫn tụng kinh, đọc thần chú cho suốt buổi lễ. Nhiều người từng quen thuộc với hình ảnh Đức Đạt-lai Lạt-ma ngồi trên pháp tòa cao trong những buổi giảng pháp cho hàng chục ngàn Tăng Ni Phật tử khắp nơi trên thế giới. Tại buổi lễ Losar, một tấm hình lớn của ngài cũng được đặt trọng trang trọng trên pháp tòa ngay phía trước tượng Phật Thích-ca. Pháp tòa của thầy Kusho đặt ở vị trí thấp hơn bên phải, bên trái là một mạn-đà-la cát rất

đẹp. Mạn-đà-la này do các vị cao tăng Tây Tạng từ Ấn Độ trên đường hoằng pháp làm nên.

Sau khi thầy Kusho đọc thần chú cúng dường tam bảo, mọi người được thưởng thức hương vị Tết với một ít xôi ngọt Desi và trà sữa Chai. Thầy Kusho và vị trưởng ban trị sự ngỏ lời chào mừng Phật tử đến tham dự và nghỉ lễ mừng Xuân Losar theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng chính thức bắt đầu.

Quy kính Tam bảo

Namo Gurubhya, Namo Budhhaya, Namo Dharmaya, Namo Sanghaya...

Chí tâm đảnh lễ thầy, đảnh lễ Phật, đảnh lễ Pháp, đảnh lễ Tăng,

*Với tâm thành quy kính ba ngôi Tam bảo,
Con nguyện suốt đời hành hạnh từ bi và trí huệ,
Cho đến ngày đạt thành chánh quả,
Để cứu giúp muôn loài chúng sanh.*

Ở đây ta thấy đầu tiên là đảnh lễ thầy, một nét đặc thù của Mật tông Tây Tạng, bởi vì thầy bốn sư là sứ giả của Như Lai trực tiếp hướng dẫn Phật tử trên đường tu học. Như ông bà ta thường nói “không thầy đố mà làm nên”; tùy theo căn cơ mỗi người, chúng ta cần một vị thầy nhắc nhở và truyền dạy phương pháp tu tập thì mới mong đạt được kết quả viên mãn. Phật Thích-ca và các vị Tổ đã để lại cho chúng ta ba tang kinh điển với tám vạn bốn ngàn pháp môn, mấy ai có đủ thì giờ đọc hết và nếu có đọc nhiều thì tự mình cũng không biết phải bắt đầu từ đâu và tu theo pháp môn nào để đi trọn con đường giải thoát. Vì thế vai trò của thầy bốn sư thật sự quan trọng cho việc tu tập. Thật may mắn ở địa phương nơi đây, tu viện Gaden Santem Ling có thầy Kusho, tu viện Trúc Lâm có thầy Pháp Hòa, chùa Phật Quang có thầy Đặng Nhật, các chùa Hoa, Thái, Lào, Campuchia v.v... đều có vị bốn sư. Lành thay Phật tử có được vị thầy hướng dẫn trên đường tu tập đạo giải thoát!

Tại tu viện Gaden Santem Ling, tụng kinh bằng tiếng Tây Tạng chuyển âm qua chữ La-tinh và sau đó đọc nghĩa bằng tiếng Anh. Phần trí chú thì đọc theo âm của tiếng Sanskrit. Tiếng tụng kinh trầm bổng cũng giống các chùa Việt Nam, chỉ khác là không có chuông mõ dấn nhịp nên lời tụng của mọi người so le không đều nghe như âm vang vọng lại từ các dãy núi cao trùng điệp trên vùng Hymalaya đầy huyền bí. Thầy Kusho giảng Pháp bằng tiếng Anh, tôi rất khâm phục khả năng Anh ngữ của thầy đủ để chuyển tải những lời Phật dạy và tặng luận Mật tông mặc dù thời gian định cư không lâu. Điểm đặc biệt của quý thầy Tây Tạng khi định cư ở các nước Tây phương là nhanh chóng học sinh ngữ để có thể truyền dạy Phật pháp cho Phật tử người bản xứ. Phải chăng đây cũng là một phương tiện thiện xảo để xiển dương Chánh pháp và cứu độ chúng sanh! Viết đến đây tôi lại nghĩ đến sinh hoạt tại các



chùa Việt Nam hải ngoại hiện nay vẫn sử dụng tiếng Việt với đa số Phật tử thuộc lớp người lớn tuổi. Không biết trong vài thập niên tới khi mà các thế hệ tiếp theo chỉ dùng ngôn ngữ bản địa thì các chùa Việt có kịp thích ứng hay không, mong rằng sẽ có nhiều vị sư trẻ tiếp nối công tác truyền thừa Phật pháp tại xứ người.

Tâm Đấng Thiện Thệ

Trở lại với lễ Tết Losar, sau phần đảnh lễ, Phật tử cùng đọc bài nguyện Tâm Đấng Thiện Thệ cho việc tu tập được thành tựu. Trong bài nguyện này Phật tử đọc tụng hồng danh và đại nguyện của tám vị Phật và tám vị Bồ-tát cùng chư thiên nữ và hộ pháp. Phật tử đem hết tâm thành tha thiết dâng lời cầu nguyện đến Phật Pháp Tăng và các đạo tràng trang nghiêm của chư Phật.

*Con xin đảnh lễ Phật, Pháp và Tăng đoàn cao quý,
Mong tất cả mọi việc đều tốt lành với chúng con!
Con xin đảnh lễ Tâm đấng Thiện Thệ,
Chỉ cần nghe hồng danh của các Ngài,
Cũng giúp chúng con tăng trưởng sự cát tường và
thành tựu!*

*Con xin đảnh lễ Tám vị Đại Bồ-tát siêu việt,
Ban cho sự cát tường và thành tựu!
Con xin đảnh lễ Tám vị Thiên nữ Cát tường,
Chỉ nghĩ tới những phẩm chất cao quý của các Ngài,
Là đủ để sự thành tựu càng lúc càng tăng trưởng!
Con xin đảnh lễ Tám vị Hộ trì thế giới,
Những bậc làm cho sự an vui và thịnh vượng tăng
trưởng trong ba cõi!*

*Với tất cả chướng ngại và phiền não đã được tẩy sạch,
Cầu mong các công việc chúng con đang sắp bắt đầu,*

*Sẽ không ngừng phát triển đến thành tựu viên mãn,
Và mang đến phước báu, thịnh vượng, hạnh phúc và
an bình cho tất cả mọi loài chúng sanh!*

Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14

Sau đó Phật tử đọc bài cầu an cho Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14, một nghi lễ không thể thiếu trong các ngày lễ truyền thống. Đây là những lời cầu nguyện cho Ngài được mạnh khỏe sống lâu để dẫn dắt nhân dân Tây Tạng và truyền bá Phật pháp đến mọi sắc dân trên toàn thế giới. Đối với các nước Tây phương, người ta không lạ gì khi nghe đến tên Ngài với lòng kính phục vô biên về hạnh nhẫn nhục và lòng từ bi thể hiện trong các chuyến hoằng hóa độ sinh của Ngài.

Tôi nhớ lại phim *Kundun* do Công ty Phim ảnh Disney phát hành mà tôi đã xem cách nay khá lâu. Phim diễn tả lại cuộc đời của ngài từ khi còn là chú bé quê mùa trong tỉnh Amdo giáp giới với Trung Hoa cho đến lúc ngài vượt dãy Himalayas phủ đầy tuyết trắng để đào thoát ty nạn ở Ấn Độ. Lúc đó Đạt-lai Lạt-ma mới được 18 tuổi. Hành trình ty nạn gian nan của ngài đã khiến nhiều khán giả sụt sùi rơi lệ, tôi nghe có vài tiếng nấc vang lên đâu đó trong bóng tối rạp chiếu phim mà không cầm được nổi xúc động trong lòng. Khi đến biên giới Ấn Độ, ngài đã ngất xỉu trên lưng ngựa, được đoàn hộ tống dìu đi bộ qua biên giới. Quay nhìn lại quê hương lần cuối, ngài thấy rõ một viễn ảnh đèn tối đầy chết chóc và đau thương sẽ xảy ra cho dân tộc thân yêu của mình. Người lính biên phòng Ấn Độ đứng nghiêm kín chào và nghiêng mình hỏi:

- *Thưa ngài, xin ngài cho biết ngài là ai?*
- *Anh bạn thấy đó, tôi chỉ là một nhà tu bình thường.*

- Cố phải ngài là Phật sống?
- Tôi nghĩ tôi chỉ là một ảnh hiện, như bóng trăng dưới nước. Khi bạn nhìn tôi, và tôi là một người tốt lành thì bạn đã thấy chính bạn rồi đấy.

Phim dài hơn hai giờ kết thúc với hàng chữ trên màn ảnh: "Đạt-lai Lạt-ma chưa lần nào được trở về Tây Tạng, hy vọng sẽ có một ngày". Người đóng vai chính trong phim là một người cháu của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14. Trong khi xem phim tôi có một niềm vui nho nhỏ là biết được rằng thầy Kalden, người sáng lập tu viện Gaden Samten Ling ở đây, được đạo diễn Martin Scorsese mời đóng vai một bộ trưởng trong nội các chính phủ Tây Tạng. Những hình ảnh bi thương trong cuộc hành trình tìm tự do vẫn mãi ghi trong ký ức tôi.

Om Mani Padme Hum

Phần cuối của khóa tụng niệm là Chenrezig Sadhana, tức là quán tưởng Bồ-tát Quán Thế Âm và tụng thần chú lục tự đại minh. Thầy Kusho hướng dẫn Phật tử ngồi theo dõi hơi thở và quán tưởng trên đỉnh đầu có vầng trăng giữa tòa sen trắng, theo Mật tông thì chữ Hri diễn tả pháp tòa này. Bồ-tát Quán Thế Âm với đôi mắt từ bi được cung thỉnh về ngự trên pháp tòa, Ngài chiếu tỏa ánh sáng năm màu đến khắp mươi phương để cung thỉnh Đức Phật A-di-dà và chư Phật, Bồ-tát cùng chư thiên vân tập thành lập mạn-đà-la đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh trên đỉnh đầu hành giả. Nhờ thần lực Bồ-tát và chư Phật, tất cả nghiệp chướng được tiêu trừ và hành giả thể nhập vào chân tâm thanh tịnh trong khi tụng câu thần chú sáu chữ "Om Mani Pedme Hum" nhiều lần.

Hồi hướng

Sau khi xả thiền, hành giả đọc bài hồi hướng thiện lành đến tất cả chúng sanh tương tự với bài tụng hồi hướng tại các chùa Việt Nam.

Dee tar gom day jee pay so nam jee...
Với công đức thiền quán và tụng chú này,
Tất cả chúng con với thân khẩu ý thanh tịnh,
Nguyện được sanh về cõi Cực Lạc,
Để cứu độ chúng sanh khắp cả mươi phương...

Lamrim

Mọi sinh hoạt tại tu viện Gaden Samten Ling đều bằng Anh ngữ với các thời khóa tụng kinh trì chú bằng song ngữ Tang-Anh. Nơi đây thầy Kusho hướng dẫn Phật tử tu tập theo trường phái Gelugpa còn gọi là phái Mũ Vàng, một trong bốn trường phái chính của Phật giáo Tây Tạng: Nyingmapa, Gakyupa, Sagyapa và Gelugpa. Chương trình sinh hoạt hằng tuần vào ba ngày: tối thứ Ba có lớp giáo lý căn bản, tối thứ Tư học và thực tập thiền Lamrim và trưa Chủ nhật có lễ cầu nguyện Puja. Ngoài ra, hằng năm có hai khóa tịnh tu vào tháng Ba và tháng Bảy trên núi Rocky Mountain. Nhìn chung, ta thấy chương trình sinh hoạt dày đặc của tu viện chứng tỏ giới

Phật tử da trắng tu hành thật miên mật, họ không quản ngại thì giờ eo hẹp trong cuộc sống hằng ngày để thu xếp tham dự đông đủ các khóa tu. Lành thay đạo pháp được thắp sáng và lưu truyền trong một xã hội đầy đủ vật chất nhưng vẫn không làm cho con người cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc.

Lamrim là gì? Theo thuật ngữ Phật giáo Tây Tạng, "Lam" có nghĩa là "đạo", "Rim" có nghĩa là "hệ thống". Lamrim có nghĩa là hệ thống con đường dẫn đến giác ngộ mà Tổ Atisha (A-Đề Sa) đã tổng hợp và biên soạn lại từ những lời dạy của Đức Phật. Con đường giải thoát được hệ thống hóa trong Lamrim bao gồm sáu phần chính yếu:

1. Như Lai tạng, tất cả chúng sanh đều có Phật tính,
2. Kiếp người là cơ hội lớn nhất để đạt đạo Bồ-đề,
3. Điều kiện cần yếu cho hành giả là được hướng dẫn bởi một thiện tri thức hay một vị thầy,
4. Phương tiện đưa đến Phật quả là những bài pháp do thầy bổn sư chỉ dạy,
5. Hành giả tiếp thu và thực hành giáo pháp để đạt đến từng cấp bậc trên đường giải thoát,
6. Ý nghĩa cao cả nhất sau khi chứng ngộ là để xả thân cứu độ chúng sanh.

Puja

Khóa lễ Puja vào mỗi sáng Chủ nhật cũng tương tự như khóa lễ cầu nguyện tại các chùa Việt Nam, Phật tử dâng phẩm vật cúng dường chư Phật, Bồ-tát để cầu nguyện các ngài hộ trì cho chúng sanh được an lành và vững tin trên đường tu học. Tùy theo chương trình mỗi tuần, Phật tử ngồi tay bắt ấn miệng đồng niệm các bài thần chú như chú Dược Sư, chú Đại Bi, chú Kim Cang v.v... trong không khí trang nghiêm thanh tịnh.

Bài ca chiến thắng

Trước khi thọ trai, thầy Kusho hướng dẫn Phật tử ra ngoài trời để cùng nhau tung hô bài ca Chiến Thắng theo phong tục ngày Tết Tây Tạng để cầu nguyện chư Phật, Bồ-tát và các vị thần linh chiến thắng ác ma đem đến an bình hạnh phúc trong năm mới. Phật tử đứng vòng quanh một lò lửa đặt trước sân tu viện. Các nhánh thông được đốt lên và Phật tử cùng hát bài ca chiến thắng ba lần trong mùi thơm của gỗ thông:

So... so... so... ke ke so so hla gyalo!
So... so... so... ke ke so so hla gyalo!
So... so... so... ke ke so so hla gyalo!

(Chiến thắng... chiến thắng... chiến thắng... Cầu mong chư Phật, Bồ-tát và các vị thần linh luôn chiến thắng!).

Mọi người đều hớn hở vui cười như không màng đến thời tiết giá lạnh ngoài trời.

Thân chúc tất cả độc giả và nhân viên tòa soạn Báo Văn Hóa Phật Giáo trọn một năm được bình an và hạnh phúc. ■



Tưởng chừng đã quên

HẢI TRÌNH

Dang lơ mơ ngủ, bỗng tiếng khóc của đứa trẻ phát ra từ hàng ghế trước mặt làm tôi giật mình tỉnh giấc. Lúc mới lên tàu ở ga Sài Gòn, chỗ này là của một đôi vợ chồng trẻ. Có lẽ họ đã vừa xuống tàu ở một ga nào gần đây mà tôi không để ý. Vả lại, không hiểu đội quản lý tàu làm ăn thế nào mà để hệ thống loa phóng thanh hầu như vô dụng. Âm thanh phát ra cứ như đài bị nhiễu sóng; lao xao tiếng được, tiếng mất. Nhiều hành khách đã than phiền thẳng với đội ngũ nhân viên, nhưng xem ra họ nghe xong rồi bỏ qua; hầu như họ chỉ lo đẩy xe bán hàng “phục vụ” hơn là lo khắc phục sự cố. Trời đã về khuya. Con tàu lao vun vút xuyên qua khu rừng lá âm u, tĩnh mịch. Toa tàu kín mít, nhưng cũng không ngăn nổi những tiếng xoàn xoạt của hơi gió lướt qua, hòa lẫn với âm thanh chát chúa của bánh xe rít trên mặt đường sắt. Chốc chốc tiếng còi lại thét lên từng hồi, lạc lõng giữa chốn hoang vu.

Bây giờ, trên hàng ghế trước mặt tôi là hai người lớn tuổi và đứa nhỏ vừa khóc. Tôi để ý, mỗi lần đứa bé

khóc ré lên, liền sau đó nó lại làm nhảm mấy tiếng gì mà tôi nghe không rõ. Người đàn bà đứng tuổi bế nó, nói giọng Nam Trung Bộ đặc sệt, lại quát nạt, răn đe nhưng thằng bé chẳng chịu nín. Người đàn ông ngồi bên cạnh vẫn im như hến, thỉnh thoảng ông ta lại cất tiếng thở dài mỏi mệt, rồi lại cầm gói thuốc lá bước ra khỏi hàng ghế, hướng về phía cuối toa, có lẽ lão đi tìm chỗ để giải quyết cơn ghiền. Mà cũng lạ, thằng bé cứ khóc lên như theo một chu kỳ và mỗi lần như thế nó đều làm nhảm mấy tiếng rồi lại lịm đi. Có lẽ chịu không nổi sự quấy rầy của thằng bé, người đàn bà trông có vẻ bệnh hoạn ngồi bên cạnh đã năn nỉ tôi đổi chỗ. Thế là tôi có dịp làm quen với hai vợ chồng ông lão.

Được biết đứa bé là cháu nội của hai người. Để cho cuộc trò chuyện được tự nhiên, tôi tự giới thiệu tôi là thầy giáo, quê tôi cũng ở miền Trung. Sau ngày hòa bình, cuộc sống quá khó khăn; vợ chồng tôi phải xin chuyển vào miền Nam công tác. Nghe đến đây, bỗng nhiên người đàn ông ấy trở nên cởi mở, hoạt bát đến bất ngờ. Ông ta đứng dậy, xoay người qua thân mật



bắt tay tôi. Tôi rút thuốc mời, ông cám ơn và cầm lấy, nhưng không đốt. Bề ngoài mang dáng dấp một nông dân; nhưng xem ra ông rất lịch lãm trong giao tiếp. Đáp lại sự chân tình của tôi, ông ta tỏ ra cởi mở trong lúc trò chuyện. Ông tâm sự, trước đây ông cũng làm nghề giáo, dạy học ngay tại quê nhà, nhưng cũng đành phải bỏ nghề nữa chừng vì đồng lương không đủ sống. Ấy vậy mà sau này thằng con cả của ông lại năn nặc xin vợ chồng ông cho nó vào ngành sư phạm. Ngặt nỗi là nó lại thi vào một trường ở tận Sài Gòn khiến vợ chồng ông phải nghiên răng mà bán đi hai cái nền nhà trên đất hương hỏa để chu cấp cho nó ròng rã bốn năm trời. Nay giờ nó đang công tác tận trên cao nguyên. Để đáp lại, tôi cho rằng đó là một sự lựa chọn sáng suốt của cháu. Thích chí, nét mặt của ông hầu như càng rạng rỡ thêm lên trong lúc trò chuyện. Ông cho biết hiện vợ chồng ông đang sống chung với thằng con trai út, cha của thằng bé. Cuộc sống nông thôn ngày càng khó khăn. Tuổi già, chẳng làm gì ra tiền, nên phải cưu mang đứa cháu nhỏ để vợ chồng nó vào Khánh Hòa làm nghề đập đá. Hàng tháng tụi nó ki cóp được chút đỉnh gửi ra để nuôi con. Bỗng dừng giọng ông trở nên trầm buồn: "Nói chung nghe mà thương thằng nhỏ. Tết này, mẹ con nó hẩm hút với nhau được mươi ngày, rồi mẹ nó cũng phải trở lại sở làm. Tôi nghiệp

thằng nhỏ, đêm nằm ngủ thỉnh thoảng nó xoay qua ôm lấy tôi mà gọi 'Mẹ'. Chừng biết không phải, nó lại ấm ức khóc, nhìn cháu mà tôi thắt ruột". Nghe qua, tôi chắc lưỡi mà họa vào: "Cơm với cá như má với con' mà". Như xúc động, lão đưa tay lên dụi mắt mấy cái rồi tiếp: "Chính vì vậy mà vợ chồng tôi phải thu xếp việc nhà, mang cháu vào tận Nha Trang cho mẹ con nó thăm nhau cả tuần nay mới về. Nay giờ nó cứ khóc và đòi tìm mẹ, tôi mới khổ chứ". Và hầu như lại đến "cũ", lão xin lỗi tôi, bước ra khỏi hàng ghế, rồi lại đi về phía cuối toa xe. Bà lão lại liếc xéo ông, rồi càu nhau mấy tiếng ý chừng như bà ta than phiền về cái tật nghiền thuốc của chồng. Già vờ như không nghe những lời trách cứ vu vơ ấy, tôi tìm cách bắt chuyện với bà. Bà ta có nước da rám nắng của người nhà quê, tóc trán đã lốm đốm đổi màu. Xem ra gương mặt bà quắc thước hơn hẳn người chồng. Thấy tôi mãi chăm chăm nhìn thằng bé, bà ấy như hiểu được ý tôi, giọng buồn buồn: "Tôi nghiệp nó quá chú ơi. Vừa mới lên hai mà phải xa mẹ". Tôi an ủi: "Thời buổi bây giờ là phải thế đó chị ạ, ở nhà thì biết lấy gì mà nuôi con. Vả lại, con trẻ bây giờ không còn phải chịu cảnh thiếu thốn như lứa tuổi của tụi mình ngày xưa nên cũng đỡ khổ". Bà nhìn sang tôi ra chiều ái ngại, rồi lại nói băng qua: "Nghĩ chuyện đời cũng lạ. Ngày xưa cha mẹ mình sinh năm đẻ bảy,



mà vẫn nuôi nấng vuông tròn. Bây giờ tui trẻ mới chỉ sinh có một, hai con mà cũng chẳng chu toàn. Như vợ chồng tôi đây đã khổ vì con, nay đến tuổi già lại phải cưu mang cháu dại". Tôi lại phải nói đỡ: "Thế gian đã nói: 'Nước mắt chảy xuống' mà". Vừa nói tôi vừa với tay sang kéo chiếc khăn đắp lại cho thằng bé.

Dưới ánh sáng tù mù của đèn khuya, trông thằng nhỏ không đến nỗi gầy gò lấm, nhưng gương mặt nó lộ rõ vẻ xanh xao. Thỉnh thoảng nó lại cưa mình, và mấp máy đôi môi; những lúc ấy bà nội nó lại vỗ vỗ nhẹ vào lưng thằng bé và đưa trẻ lại ngủ yên. Bỗng nhiên, bà xoay người về phía tôi, ra vẻ thân mật và chân tình. Bà nói khẽ chỉ vừa đủ hai người nghe: "Biết chú cũng là dân miền Trung nên tôi mới nói thật với chú điều này. Dân xứ mình từ xưa vốn đã khổ rồi, đến khi đất nước đổi thay, phải làm ăn tập thể thì lại càng khổ hơn. Xin lỗi chú, cũng có lẽ vì vậy mà chú mới bỏ xứ mà đi. Hồi đó vợ chồng tôi cũng có ý định rời quê vào Nam để sống, nhưng hoàn cảnh không cho phép. Lúc đó cháu lớn còn đang học hành dang dở. Vả lại dòng họ bên chồng tôi cũng chẳng được đồng đúc, nhà tôi lại là trưởng tử đích tôn nên vợ chồng tôi phải cảng đáng việc thờ tự, thế nên không thể nào bỏ phế mà ra đi được. Nhưng cũng may, nhờ vậy mà đến nay vợ chồng tôi vẫn còn giữ được phần đất ông bà để lại, làm nơi

nương tựa cho con cháu tới lui". Đang say sưa chuyện trò thì thằng bé lại khóc ré lên, rồi lại lảm nhảm. Được dịp tôi hỏi bà: "Thằng bé nói gì vậy?". Bà lão chép miệng trả lời: "Nó nói 'Về Ngân', Ngân là tên của mẹ nó. Nó đòi về với mẹ nó đó! Khổ quá, tôi đã bảo thằng bé quên rồi, đừng có ôm ấp nhiều mà khen xa nó nhớ. Thế mà trước giờ ra về, mẹ nó cứ ẵm vào, ẵm ra nâng niu mơn trớn, 'mẹ mẹ, con con', hôn hồn hít hít. Để giờ đây nó làm khổ vợ chồng tôi. Mai đây, suốt ngày làm lụng vất vả mà đêm về e chẳng được yên giấc". Tôi an ủi và nói như để phân trần: "Chị nên thông cảm cho con đâu. Con mình rút ruột đẻ ra, ai mà chẳng nhớ thương, bịn rịn". Thằng bé vẫn khóc và chỉ tay về phía sau mà ré lên 'Về Ngân, về Ngân...'. Nghe tiếng ré của đứa trẻ lòng tôi quặn thắt. Sực nhớ, tôi liền mở túi xách, lấy cho nó bọc kẹo chocolat. Ra chừng thằng bé lại khoái khẩu cái món quà hấp dẫn này. Gương mặt nó tươi tinh hơn lên. Tay cầm chặt túi kẹo, miệng nhai liên hồi. Ông lão lại trở về. Hầu như để chữa thưen, ông nhìn tôi rồi bả lá: "Tệ quá chú ơi, cái gì mà bỏ hoài chẳng được. Nhà tôi cứ càu nhau mãi cái chuyện hút hít này. Mà tôi khen chú chịu nhịn giỏi thiệt". Tôi lại xuể xòa: "Tôi cũng chẳng hơn gì anh đâu, nhưng nay tôi đã ráng chịu được; mà trước sau gì mình cũng nên bỏ thôi anhạ. Nghĩ ra hút xách chẳng lợi lộc gì mà còn nhiều hệ lụy không hay". Lão đáp lại bằng nụ cười khó hiểu. Thằng bé lại cưa mình và thét lên, giọng nó nghe ra như đã khàn đục. Lần này lão chìa tay sang ôm chầm lấy thằng bé, rồi kẽ miệng vào tai nó mà nói nhỏ câu gì tôi chẳng nghe rõ, thế là thằng bé nín khóc mà lại bi bô với lão mấy tiếng, lão lại "ờ ờ" và mỉm cười đắc chí. Hình như thằng bé biết nghe theo những lời nhỏ nhẹ của ông hơn những lời quát nạt của bà nội nó.

Tôi đang cố chợp mắt đôi chút cho đỡ mệt, nhưng hai gã đàn ông ngồi ở hàng ghế bên kia cứ mãi kè kè bên chai rượu thuốc. Cách vài hàng ghế sau, mấy cô cậu choai choai đang cãi vã, cười nói đánh bài tiến lên. Nhìn qua khung cửa kính, hai dãy nhà phố đèn điện sáng trưng; có lẽ con tàu đang ngang qua một thị trấn. Chiếc loa phía trên trần lại phát lên cái giọng rè rè, tiếng được tiếng mất. Bỗng có người khách bên cạnh nói vọng sang: "Đến ga Bồng Sơn rồi đó". Hai vợ chồng lão lại lảng xảng với mấy cái túi xách, khiến thằng bé tỉnh giấc. Nó vừa khóc, vừa trườn người về phía sau, khiến người đàn ông ẵm nó suýt ngã. Nó lại gào lên thống thiết: "Về Ngân, về Ngân...", lần này tôi nghe rõ như in. Tôi uể oải đứng dậy, cố tiếp hai người đưa hành lý xuống tàu. Người đàn bà đến tiếp tay ôm chặt thằng bé, nhưng nó càng vùng vẫy mạnh hơn, nó lại tiếp tục gào lên, giọng nó chùng như tắc nghẹn. Sân ga về khuya buồn hiu hắt. Lố nhố trong đám hành khách tất bật; tôi vẫn thấy rõ đôi bàn tay nhỏ xíu của thằng bé đang vẫy vẫy một cách vô vọng về phía chân trời mờ mịt khói sương. ■



Laõ Tö Keò

MANG VIÊN LONG

Tên "Tư Kéo" có lẽ do người nào đó đã đặt cho lão, nhiều người nghe và gọi theo rồi trở thành "tên tục" của lão chăng? Thực ra, không ai chịu bỏ thời gian để dài dòng hỏi thêm "tên chữ" của lão là gì, người làng nào, bao nhiêu tuổi, gia đình vợ con ra sao... bởi lão chỉ tạt qua, dừng lại mươi lăm hai chục phút để mài giúp con dao chiếc kéo thôi, không ai "ngó" đến lão kỹ. Ngó vào đời mình còn chưa có thời gian, huống hồ ngó vào người khác, mà đó lại là một lão già lang bạt, vô danh? Về phần mình, lão Tư Kéo chỉ im lặng, cầm cúi làm việc, hay cười khà khà khi có ai bất chợt gắp lão đang hành nghề bên vỉa hè cất tiếng hỏi. Hắn lão nghĩ rằng ai gọi

lão là gì cũng được cả. Đẹp xấu gì ở cái tên, mạng sống đây còn chưa ra gi! Và lão cứ thản nhiên sống thấp thoáng, lẻ loi, như một cái bóng bên cạnh dòng đời phố chợ xô bồ...

Người ta chỉ biết rằng lão từ phương xa trôi dạt đến đây, là một tay mài dao kéo thuộc loại siêu đẳng; con dao cây kéo nào qua đôi bàn tay lão đều trở nên sắc bén, cắt thái ngọt lim. Hàng ngày, cứ sáng sớm là lão quay đồ nghề ra đi; đồ nghề của lão một bên là cái xô nhựa cũ bên trong là hòn đá mài, bên kia là chiếc thùng đan đã hoen rỉ chứa các cuộn dây da, vải lau, các loại dũa, và một chai nước uống; lão đúng đinh đi dọc các dãy phố chợ của thị trấn Hưng Định. Có khách gọi thì ghé vào,

lặng lẽ mài dưa. Lúc đầu, người ta lấy làm khó chịu, và cả khó hiểu; nhưng sau thì dần quen đi, và cho đó là cái tật của lão, không ai thèm để ý đến nữa. Đó là sau khi làm việc xong, ai đưa bao nhiêu lão cúng nhận, không nói giá. Lão thường cười, đáp: "Bà con cho bao nhiêu cũng được, tui chỉ biết làm, đâu biết giá cả gì mà hỏi..."

Có nhiều hôm ở thị trấn vắng khách, đi cả buổi không nghe ai gọi nhắc đến tên, lão Tư Kéo lại tiếp tục quảy gánh đúng đinh đi về các vùng quê ngoại ô... Trong lúc mải miết đi, lâm lũi bước, hễ gặp nhà nào có đám cưới, đám nhà mới, tiệc mừng con thi đỗ, hay vừa trúng vé số... lão đều đặt gánh xuống sửa lại áo quần, vào nhà đòi gấp cho được gia chủ. Gặp chủ nhà, lão mừng rỡ nói: "Xin chúc mừng bác, chúc mừng gia đình!" rồi lặng lẽ đi ra, tiếp tục quảy gánh lên đường, không kịp uống một hớp nước.

Có gia đình đồng ý gặp lão, cũng có nhiều gia đình từ chối, tỏ ý khinh rẻ không cho vào nhà, ngại sẽ bị rầy rà. Những lần chưa nói được câu "Xin chúc mừng bác, chúc mừng gia đình", lão Tư Kéo tỏ ra buồn bã lắm, có khi dồn vặt cả ngày! Lão có cảm nghĩ là ngày hôm ấy lão không được gặp may...

Gặp nhà nào có đám tang, cờ xí kèn trống rập rình, dù trong túi không còn đủ tiền ăn bữa trưa, lão Tư Kéo vẫn vội vã đặt gánh, chạy tìm mua cho được bó nhang, cặp đèn sáp. Cũng vậy, có gia đình cho lão vào thắp nén hương, nói được câu: "Xin chia buồn với bác, chia buồn với gia đình!". Lại cũng có nhiều gia đình từ chối, dường như là xua đuổi lão để tránh đi một điều gì xấu, một điều gì xúc phạm. Những bận như vậy, lão Tư Kéo rầu rĩ giắt bó nhang vào xô nhựa, cất cặp đèn vào thùng đạn rỉ sét; tiếp tục rảo bước, thơ thẩn đi như kẻ mất hồn. Nhang đèn đã mua không trả lại được, lại không thể mang về nhà người bạn cho ngủ nhờ - lão thường ghé vào một ngôi chùa nào đó gấp trên đường, thắp hết trên bàn thờ Phật ...

Một buổi sáng giữa mùa thu, tin lão Tư Kéo chết được mấy bà trong khu chợ cạnh nhà người bạn già kéo ba gác cho lão ngủ nhờ loan đi nhanh chóng. Mấy dãy phố dọc khu chợ, rồi cả cái thị trấn bé nhỏ này đều hay tin về cái chết mà nhiều người cho là "có vấn đề", vì sự ra đi quá đột ngột của lão.

Bà Sáu chủ quán nước đầu đường kề lại. Như mọi ngày, chiều hôm trước lão vẫn đến ngồi tại góc bàn đây, uống hết hai ngàn đồng rượu thuốc, rồi lững thững đi vào. Vợ chồng người bán quán cơm ngay trước mặt nhà cũng bảo lão vừa trả hết chỗ tiền còn nợ ngày hôm trước; lại còn cười nói với vợ chồng họ: "Cả đời, người ta đều mắc nợ nhau nhiều thứ, làm sao trả hết được; phải không cháu?"

Người ta bu lại trước sân nhà người kéo ba gác mỗi lúc một đông: Trên chiếc ghế xếp đặt giữa sân, lão Tư Kéo nằm thẳng đơ, người phủ kín tấm drap nhầu cũ màu xanh nhạt, như đang im lìm trong giấc ngủ. Người

thì cho là lão đã tự vẫn, uống độc dược, chứ làm thế nào mà ngủ luôn một giấc êm ru như vậy. Kẻ khác nghi ngờ có kẻ ám hại lão. Mà người khác ám hại lão để mà được gì? Ở đời, người ta thường giết hại nhau chỉ vì ba thứ: tiền, tình và danh vọng. Còn ở Lão Tư mài dao kéo này, đâu có thứ gì để chiếm đoạt? Ba thứ ma chướng dù dỗ người si mê tham đắm ấy, lão Tư Kéo không có thứ gì cả! Lão sống như một thân cây bên đường, bên lề cuộc sống của tất cả kia mà. Lại có người tin rằng, hiền lành, tốt bụng, ngay thẳng như lão Tư, cái chết thường đến nhẹ nhàng, êm ru như thế. Suốt đời lão không thù ghét ai, nên không ai thù oán lão. Lão sống không chút oán giận, không mảy may tham lam, thì ai dì ghét lão làm gì?

Nói gì thì nói, đó là do suy cảm của người hiểu kỹ ngoài cuộc; người đàn ông góa vợ, lại chẳng có con cháu gì, cho lão Tư ngủ nhờ bấy lâu trong căn chòi tranh vách ván cũng được Công an Hưng Định mời lên xét hỏi. Chính quyền buộc làm tờ tự khai, cam kết, và sau cùng là chịu trách nhiệm mai táng lão Tư vào ngày hôm sau khi toán Công an khám nghiệm tử thi có kết luận lão Tư đã chết không vì một lý do bi ám muội nào.

Nghe chuyện, bà con trong khu chợ, đọc dãy phố thị trấn đã quyên góp hơn hai triệu đồng để mua quan tài, lo việc tẩm liệm, chôn cất, đắp mộ. Lúc người bạn kéo ba gác và bà con chòm xóm bên cạnh lén nghĩa trang đào huyệt, thì bị người quản lý nghĩa trang ngăn cản, đuổi về. Ông cho biết, nghĩa trang này chỉ dành cho dân có hộ khẩu trong thị trấn mà thôi. Người chết ở ngoài thị trấn, muốn vào "nằm" ở đây, đều phải làm đơn, được Ban quản lý và chính quyền xét, sau đó mới được cấp phép... Gã kéo ba gác trở về, nhờ người viết giúp lá đơn trình bày rành rọt đầu đuôi, cầm lên Ủy ban Nhân dân thị trấn Hưng Định... Tại đây, gã được trả lời, muốn chôn cất ở trong nghĩa trang, thân nhân phải "tự nguyện" nộp một khoản tiền gọi là "quỹ xây dựng nghĩa trang". Hỏi thăm, gã được biết, phần đóng góp có thể từ hai triệu đến bốn triệu đồng! Nếu bán chiếc xe ba gác cà tàng của gã, cũng chưa chắc đủ! Gã phân vân: "Nếu bán xe đi, sau đó mình sống bằng cái gì?"

Không rõ đã có ai đến thưa chuyện với Thầy Huyền Minh - đang trụ trì một ngôi chùa nhỏ ở khu bến xe cũ; đích thân thầy và hai đệ tử đến tận nhà gã kéo ba gác giúp đỡ khoản đóng góp "Quỹ xây dựng nghĩa trang" tối thiểu và tiến hành lễ tung niêm, cầu siêu cho lão Tư Kéo. Thầy đứng ra sắp xếp, lo liệu việc chôn cất lão Tư như với một người thân.

Buổi chiều lẽ di quan, người ta thấy một chiếc xe lam ba bánh, chiếc xe vẫn thường chở trái cây cho bạn hàng ở khu chợ về vùng quê, chở quan tài lão Tư Kéo và ba thầy trò Thầy Huyền Minh. Tiếp theo sau, là một đoàn xe ba gác, có cả hơn mười chiếc, lặng lẽ tiến về phía nghĩa trang thị trấn, trong sắc nắng hanh vàng, hiu hắt... ■

Gói lạnh

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Chị tôi ở miền Trung gọi vào hỏi: "Ở trảng có nóng lắm không em?". Tôi trả lời: "Đã! không... Đà Lạt mát mẻ lắm chị ạ!" – "Vậy thì gói cho chị một ít lạnh đi!". Rồi chị cười giòn tan. Tôi vẫn cứ ngây thơ cụ: "Làm sao gói được hờ chị?". "Thì gói lại, gói vé!". Đơn giản là "gói lại" trong khi tôi lại hình dung ra cảnh cả nhà cầm quạt mo phe phẩy mà thương. Chị tôi kể hết sông cạn đến rừng cháy, nào là nhiệt độ 39 - 40 độ C. Trời đang quơ chiếc đũa cá rang con người trong cái chảo... miền Trung! Nghĩa là chị tôi thèm một chút lạnh để xua tan "cái nóng nung người nóng nồng ghê". Thèm những cơn mưa ướt sũng để vùng "đất cày lên sỏi đá" có bát cơm nuôi đòn con bé dại. Thèm một chút xanh mướt núi đồi để hy vọng cho tương lai các con. Còn tôi thì ngược lại, tôi đang thèm quê mà hoàn cảnh hiện tại không cho phép. Đáng sợ hơn là nắng cháy lại đồng nghĩa với khao khát. Dù nghèo đói bao nhiêu vẫn cứ muốn về. Dù nơi đất cày lên sỏi đá vẫn đẹp hơn bất cứ nơi nào!

Thế rồi vài hôm sau chị tôi xuất hiện với cả "bầu đoàn thê tử". Chúng tôi vui mừng hưởng không khí đoàn tụ mà lâu rồi ai cũng lần lữa vì mọi thứ hoàn cảnh trên đời. Mẹ tôi gạt nước mắt, buông một câu thở... mừng: "May, có nắng hạn chị em bay mới có hồi gặp mặt!". Thằng con tôi reo lên: "Bà nội có câu nói hay nhất tuần". Cả nhà cười chan nước mắt. Mùi lòng. Trong bụng ai cũng thầm hiểu câu nói tưởng bỗng quơ mà thật chí lý. Bởi có câu ngạn ngữ rằng: "Ngọc ba năm không dưa thành sỏi đá, bà con ba năm không thăm hỏi thành người dung". Biết là biết vậy, nhưng thời buổi này "gạo chau củi que" ít có thì giờ quây quần bên nhau hỏi han cảnh "tối lửa tắt đèn". "May" có dịp này chị em tôi mới ngồi hâm nóng lại tình cảm ruột thịt. Tôi có dịp gỡ rối chút hiếu lầm với người anh rể có cơ địa bất ổn. Mẹ

tôi mới có dịp thấu hiểu nàng dâu. Thằng con tôi mới có dịp nghe chuyện cổ tích... hiện đại do bà nội kể. Tất cả là những cái may. Nhưng có cái may nào được trọn vẹn đâu. Nhìn thấy cảnh cà-phê nhà tôi không có nước tưới, tiền thuê công đất đỗ, lại bị ve sầu cắn rễ, cà-phê mất giá, mẹ tôi lại đau lòng. Thấu cái cảnh vợ tôi chạy chợ sớm hôm, vai gầy gánh sương khuya chợ đêm Đà Lạt (chợ Âm phủ) chị tôi lại chắc lưỡi. Mấy đứa cháu thấy con tôi đóng tiền học thêm ba, bốn triệu đồng đều lắc đầu than "mắc quá!". Nghĩa là không có cảnh nào giống cảnh nào. Đã vậy, bụng bão dạ chẳng đành, cả đại gia đình chúng tôi lại chuẩn bị kéo nhau về Sài Gòn để thăm luôn thằng em út đang tất bật vì thời tiết đã đành, nhưng cái nóng cơm áo gạo tiền còn "nóng" hơn. Thế là cả gia đình lại chen chúc cả "trong Nam ngoài Bắc". Nóng mà vui! Đứa em út tôi mừng quá nói rằng cả gia đình lâu lắm mới được sum họp như thế này, em thấy mát mẻ trong lòng. Tôi mới vỡ lẽ ra từ "gói" của chị tôi sao mà đúng quá: "Gói lạnh!". Gói lạnh hay gói lòng, chị ơi!

Thế mới biết lâu nay chúng ta xa cách nhau là "thiệt hại". Xã hội thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng vì hạn hán, vì mất điện. Gia đình chúng ta "thiệt hại" hàng ngàn tỷ "tế bào tình cảm" cho những cách ngăn. Nhà nước, Quốc hội họp đã đề xuất rót hàng ngàn tỷ đồng để chống hạn, cứu cây trồng vật nuôi vv... liệu có đến kịp, đem chia sẻ, đem cảm thông xuống đến tay nhân dân? Trong khi đó có dấu hiệu học phí tăng gấp đôi, giá xăng, giá điện sẽ tăng cao trong thời gian tới. Ngẫm trong tiếng Việt chữ "lý" luôn đi đôi với chữ "tình". Cũng như đất luôn đi đôi với nước. Đất nước chúng ta đang thiếu nước. "Cây thiếu nước cây sống với ai?". Đêm, gã say rượu nào đó hát vu vơ mà sao cảm thấy hay quá chừng, thấy thấm thía hơn bao giờ hết... ■



Có một loài rau “vua”

KHẢI THƯ

Rau dón là nguồn thực phẩm dồi dào mà thiên nhiên hào phóng tặng riêng cho người miền ngược. Người dưới xuôi lên, một lần ăn qua rồi “lỡ” ghiền rau dón, thế nào khi về cũng kiếm vài bó để chia sẻ món ngon với gia đình, bạn bè. Một đồn mười, mươi đồn trăm. Các nhà hàng ở phố cũng tìm mọi cách đưa rau dón vào thực đơn. Cứ thế, hương vị rau dón giờ đã bước ra khỏi núi rừng.

1. Đồng bào miền núi gần như được ăn rau dón quanh năm, nhưng ngọt ngon nhất là từ mùa mưa vắt sang xuân - mùa vươn chồi nảy nở, non tươi của rau dón. Cứ như người bạn thân thuộc, kề cận với đồng bào và cách không xa những mái nhà sàn, rau dón thật dễ tìm, dễ hái. Rau mọc rải rác, xen kẽ với các loài cây cỏ khác dọc ven hai bên bờ sông, suối, quanh vách đá. Đồng bào lèn rẫy về, trong chiếc gùi trên vai, thế nào cũng có mớ rau dón tươi non.

Rau dón có đặc điểm dễ úa, mất đi cái ngọt. Rau có ở quanh mình, người miền núi ăn rau rất sành, hái đâu ăn đó, cần ăn mới hái. Tim ở những bụi dón mà có vài chiếc vòi dài, lá đang xoắn chưa kịp bung, chính đầy, và ngọt ngang đót non tầm gang tay! Cứ thế, đến khi đủ dùng cho món luộc hay canh, xào, bóp gỏi. Một buổi trưa nắng dịu, tôi theo chị Đinh Thị Thanh, người thôn Năm xã An Vinh huyện An Lão, ra con suối Nước Đinh gần nhà chị hái rau dón. Vo gạo, cắm nồi cơm điện, xong chị mang gùi thong thả ra suối tìm rau.

“Trong thời gian chờ... điện nấu cơm, mình đi hái rau về rồi rửa sạch, đem luộc, xào hoặc nấu canh, thức ăn mặn đã có sẵn chỉ cần hâm nóng lại. Mới qua đợt lũ, dón bị trôi gốc, trôi đi nhiều, một hai tháng nữa, đất rùng lại cho rau dón mọc lên tua tủa, xanh um thôi”, chị Thanh vừa đi vừa nói.

Đi bộ chừng năm phút, con suối Nước Đinh hiện ra trước mắt chúng tôi, nước mát rượi, trong veo. Lẩn trong vạt cây hai bên bờ, những vòi dón non vươn thẳng, lá xoắn lại, xa trông như những chú sâu rau lười biếng cuộn mình. Sát mặt đất, có những ngọn dón mới lú đợt chừng nửa gang tay, non nhoèo, giòn rụm, đầy nhựa. Dọc theo bờ suối, vừa đi chậm vừa tìm hái, rau đầy nắm tay thì cho vào gùi sau lưng, chỉ khoảng trăm bước chân và cũng chừng ấy quãng đường ở vòng về bờ bên kia; chỉ mươi

mười lăm phút, chị Thanh đã có đủ lượng rau dùng cho cả nhà sáu người ăn.

2. Lòng sục mài, cuối cùng tôi cũng tìm ra được một địa chỉ ăn uống (có lẽ là duy nhất) ở Quy Nhơn mà trong thực đơn có các món từ rau dón: nhà hàng cơm niêu Hội An - Quy Nhơn (đường Nguyễn Tất Thành nối dài). Anh Võ Vinh Ca, chủ nhà hàng, cho biết, các món rau rừng, rau tự nhiên là thực đơn “độc” và chủ lực của nhà hàng. “Riêng rau dón, mỗi ngày nhà hàng tiêu thụ khoảng trên dưới 10kg, người nhà có xe chạy tuyến An Lão - Quy Nhơn mỗi ngày nên nhà hàng có nguồn rau khá ổn định”, anh Ca cho biết.

Về cách chế biến, rau dón đi vào nhà hàng cũng tương tự như cách chế biến của đồng bào: rau dón luộc, rau dón xào tỏi và xào với thịt bò, thịt nai. Nhưng ngọt nhất không gì bằng rau dón đem trưng sơ, bóp gỏi với cá niên nướng. Người Hre gọi cá niên - rau dón là cặp uyên ương! Cá niên mỗi ngày mỗi hiếm, ngày nay đồng bào còn “phǎng” thêm món rau dón bóp gỏi với thịt ba chỉ luộc, bao tử heo luộc...

3. Rau dón là món ăn truyền thống, quen thuộc và phổ biến bậc nhất của đồng bào thiểu số ở An Lão và Vĩnh Thạnh, đặc biệt là đồng bào Hre An Lão. Không chỉ có mặt trong bữa cơm hằng ngày, đây là món không thể thiếu khi người Hre đón khách quý, khi cưới hỏi, ma chay, lễ hội... Tại các ngày hội văn hóa - thể thao miền núi toàn tỉnh, phần thi ẩm thực của huyện An Lão không bao giờ thiếu rau dón, cá niên.

Từ ý nghĩa vật chất, rau dón trở thành biểu trưng của văn hóa, hiện hữu đầy thiêng liêng trong đời sống tâm linh của đồng bào Hre An Lão. Rau dón là đối tượng được miêu tả, khắc họa trong nghệ thuật tạo hình và trang trí. Tôi đã thấy, hình ảnh đót rau dón cong cong, mềm mại đầy duyên dáng tại cầu thang bắc lên nhà, cửa ra vào, mái nhà sàn, nhà mồ, cột đầm trâu, cây nêu ngày hội... trong khắp các thôn, làng Bana, Hre ở Vĩnh Thạnh, An Lão.

Nói về rau dón, một viên chức xã An Vinh tự hào: “Ở đây, đứa trẻ lên ba cũng biết rau dón là thức ăn, không phải loài “chết dại”, người già trước khi về với trời, tổ tông cũng muốn thêm lần nữa được ăn gỏi rau dón bóp với cá niên nướng. Rau dón là thức ăn thay cơm khi khó khăn, giáp hạt.... Với đồng bào Hre, đây là món ăn “thiêng!””. ■



Troà veàbieň lôù

ELENA PUCILLO TRUONG
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch

Mệt lắm rồi! Còn vài ngày nữa nhưng tôi đã phình rộng và bắt đầu nghe được vị mặn của muối. Thuở còn trai tráng, tôi chỉ là một khe nước trong xanh; những cơn mưa liên tục đã giúp tôi lớn dần, rồi từng giọt từng giọt, năm này qua năm khác, đã biến tôi thành một dòng nước chảy xiết và ở một vài nơi còn có cả vũng xoáy nguy hiểm.

Ngày xưa, ngang dọc trên mình tôi thường có những chiếc thuyền độc mộc hay những chiếc bè nhỏ của ngư dân. Họ mưu sinh bằng cách dạy những con chim cốc, một loài chim nhanh nhẹn có chiếc cổ cong. Thấy bóng cá, những chú chim lao mình xuống nước. Khi được kéo lên, trong mỏ chú bao giờ cũng ngậm một con cá nhưng không ăn được vì có một sợi dây quấn chặm quanh chiếc cổ dài.

Những tiếng cười rộn rã của bọn trẻ thường làm

bạn với tôi. Bọn chúng cởi quần áo, trần truồng đứng trên bờ phóng xuống làm nước văng tung tóe. Chúng vui đùa hồn nhiên, vùng vẫy năm này qua năm nọ rồi dần dần cũng học được cách bơi ngang qua mình tôi. Có lúc chúng tập trung ở khúc cong để chọn những mảnh sành đã được nước mài nhẵn và bằng phẳng để ném trượt lên mặt nước, nhảy tung tung vài lần rồi cuối cùng mới rơi xuống cụm rừng nằm ở phía bên kia.

Lúc đầu tôi cũng hơi sợ những cành cây vươn dài trên thân mình, về đêm xõa bóng xuống như thể đang quan sát và kiểm tra mọi sinh hoạt của tôi. Nhưng rồi một đêm tôi nhận ra bóng tối không còn nữa, một quầng sáng trắng xung quanh làm nổi bật một con mắt đang tỏa sáng và phản chiếu lên thân thể, biến tôi thành một con rắn bạc thật dài. Theo từng chu kỳ, trên đó xuất hiện một mảnh sáng, mới đầu nhỏ như dải lụa nhưng sau đó lớn dần, lớn dần cho đến khi trở thành một khói cầu rực sáng giữa bầu trời đầy sao. Tôi bắt đầu



thích thú vì sự hiện diện im lặng đó; nó làm cho dòng chảy của tôi thật bình yên và huyền bí. Chỉ thỉnh thoảng sự im lặng đó mới bị phá vỡ bởi vài con chim đêm, vài con cú, những bước nhảy của loài ếch, nhái, tiếng dế kêu hay vài hòn đá lăn từ bờ rồi rơi xuống nước.

Đôi khi tôi còn nghe thấy tiếng vọng của những hồi chuông từ một ngôi chùa nhỏ xen lẫn với tiếng tụng kinh thì thầm.

Đó là về đêm. Còn ban ngày thì đã có những chú ve làm bạn với tôi. Tiếng kêu rả rích và liên tục, kêu thật to vào mùa hè khi tôi trôi đi với dòng nước bị hâm nóng dưới ánh mặt trời; hay những con cò trắng lả lướt bay, dang đôi cánh mở thật dài hay tiếng hót của những loài chim sắc màu sắc sỡ, thường là đà bay vào sáng sớm, lướt nhẹ trên mình tôi... để uống một ngụm nước mát hay ngậm chặt để đem về móm cho lũ con còn nằm trong tổ.

Tháng ngày trôi qua và tôi nhận ra mình thay đổi. Tôi lan rộng ra, tôi phân chia thành nhiều nhánh như thể không gian không còn đủ cho tôi nữa, như thể tôi còn muốn biết thêm những vùng đất mới, đi đến tận những thôn xóm nhỏ, những căn nhà sàn dựng bằng những trụ cột ven sông. Trên những căn nhà tuềnh toàng và lụp xụp đó, tôi thường nhìn thấy những chậu hoa nhiều màu, xanh vàng, tím, đỏ... có những nhánh hoa nhô ra, phản chiếu bóng mình trên mặt nước, càng về sau càng ngầu đục vì phù sa và đất đỏ từ những

đồn điền trồng trà và cà phê trôi về. Những hạt đất thật phì nhiêu mà tôi đã băng qua và cuộn theo lòng mình để mang ra biển.

Rộng lớn và khúc khuỷu, tôi như con rồng có ngàn chân vĩ đại, trên mình tôi lúc nào cũng nhộn nhịp thuyền bè, từ những thuyền lớn chở đủ thứ hàng hóa, trái cây, rau củ đến những chiếc tam bản chèo bằng hai mái nhịp nhàng. Tôi hay mỉm cười khi nhìn thấy người đàn ông hay một phụ nữ nhỏ bé, hai cánh tay chắc đã mỏi nhừ, chuyển từ chèo bằng tay sang đạp bằng chân, vừa đạp nhịp nhàng vừa trò chuyện, tiện tay múc nước hay tranh thủ giặt vài chiếc quần, manh áo.

Cứ thế tôi lớn dần, rộng dần và sâu thẳm... rồi khi bắt đầu quanh co chảy qua thành phố thì tôi nhìn thấy những căn nhà to lớn vừa được dựng lên hai bên bờ và thân mình tôi bị rẽ nước bởi những con tàu to lớn và nặng nề, chất đầy gỗ, than hay cát. Trên những chiếc phà khác chất đầy khách, còn có cả xe hơi và xe máy... và da thịt tôi như đang sôi lên vì chuyển động rì rầm của những cánh quạt. Chắc tôi cần phải nghỉ ngơi thôi, nhưng dù mệt mỏi tôi vẫn mỉm cười khi trông thấy hai bên bờ những cụ già và những nhóm thanh niên đi bộ vào sáng sớm hay lúc chiều tà, hoặc những buổi tối thấy những cặp tình nhân lặng lẽ tìm nơi kín đáo, âu yếm hay bến lén trao nhau những nụ hôn.

Bây giờ thì mùi vị của thành phố đã thay thế mùi vị của núi rừng thời tôi còn trai trẻ. Mùi cơm nóng của lúa gạo mà tôi đã nuôi dưỡng trên ruộng đồng ở trên kia, xa lăm, sau những khúc quanh ở miên quê trước khi chảy về phố thị. Mùi của những quán cà-phê, nơi những người bạn thường gặp nhau tán gẫu, mùi của những nồi phở ngun ngút hương thơm, của những cánh hoa dọc hai bên bờ hay mùi trà đậm hương sen đến từ những ngôi chùa. Ban đêm mọi thứ đều rực sáng cùng những ánh đèn màu trên những cao ốc, nên khó khăn lắm tôi mới nhìn thấy những ngôi sao mà không nhầm lẫn với ánh đèn chớp sáng trên những chiếc máy bay đang xuyên qua bầu trời. Tất cả thật vui tươi khi mọi thứ chuyển động bằng những âm thanh rộn rã... thế nhưng tôi cứ muốn trôi ngay về phía biển.

Chắc chỉ còn một ít thời gian nữa thôi. Tôi đã bắt đầu già và đang nghe thấy vị đắng của muối trong dòng nước của lòng mình. Tôi cảm thấy lạc lõng giữa sự rộng lớn mênh mông mà tôi không nhìn thấy bến bờ. Tôi lạc lõng và cô đơn trong hun hút. Tôi thấy càng lúc càng thêm pha loãng, mất dần bản thể... nhưng cũng ý thức rằng trong dòng chảy của mình, trong mỗi giọt của dòng nước này đây, có sự chấm dứt... mà cũng chính là sự khởi đầu. ■

(Nguyên tác: IL MIO LENTO SCORRERE VERSO IL MARE)

(¹) Truyền thống bắt cá bằng chim cốc đã có tại Trung Quốc và Nhật Bản từ hơn 1.000 năm trước. Cho tới hôm nay, nghệ thuật bắt cá này đã dần mai một.

Tháng Tư Phật về

ĐÀO PHƯỚC GIAO

Tháng Tư khánh đản viên thành
Lắng nghe chuông vọng an lành cõi tâm
Con chim nhả hạt kinh lòng
Gieo lên ruộng phước tham sân tiêu mòn

Tháng Tư nắng mật ong vàng
Cờ hoa ngợp bóng Vesak đón mòn
Việt Nam khánh đản lên ngôi
Chuông ngân phô độ nở ngời tâm hoa

Vô ưu ở tận miền xa...
Gió đưa thoang thoảng Ta-bà tỏa hương
Chắp tay giữa cõi vô thường
Câu kinh niệm niệm thanh lương tâm hồn.

Vào hạ

TRƯỜNG KHÁNH

Hạ ru từng giọt kinh thiêng
Dẫn người xuất thế về miên tịnh cur.
Gác sau lưng vạn huyền hư,
Lục thời - trú dạ - tầm tư giới điệu.
Qua bao ngày tháng bồng phiêu,
Biển tràn chìm nổi ít nhiều đa đoan.
Dặn lòng xóa nghiệp xan tham,
Tầm nghiên tịnh giới, tụng trang kinh hồng
An cư thúc liêm thân tâm,
Tam vô lậu học - tinh cần phát huy.
Khép mình nghiệp thọ thanh quy,
Lợi thân hành pháp, uy nghi đạo trường
Hạ về - giờ luật từng truong,
Thuận theo ý Tồ - xuôi đường Thánh lưu.

Tôi như mùa hạ

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Thuở mùa ào ạt mưa tuôn
Tôi như con nước thương nguồn về xuôi
Trôi là đá lở cuốn trôi
Đi là đi biệt, là thôi không về...

Trên đầu tóc cháy loe hoe
Gót vương bùn đất mêt chân trần
Biết gì đâu, tiếng ve ngân
Vần vương, vương vấn... phân vân ngập ngừng

Đám mây nặng trĩu rưng rưng
Hạt mưa rớt xuống nỗi mừng trong veo
Dòng sông gầy rạc lung eo
Đèn dèn nỗi nhớ, tong teo bí bầu

Có gì đâu, có gì đâu
Tôi như mùa hạ bát đầu tháng ba
Cánh đồng ngâm vị phù sa
Đì dùng sấm chớp, bóng ma nhì nhằng

Em vừa lớn nứa vàng trăng
Bâng khuâng ánh mắt, dùng dằng làn môi
Tóc huyền vừa mới rẽ ngôi
Quỳnh hương chưa nở bên đồi cỏ thơm

Tôi như mùa hạ cây rom
Chim khuyên, đóa cúc vàng ướm tờ tăm
Em như chim chørn trăng rằm
Tháng Tư rồi đến tháng Năm. Thế là...

Thế là tháng Sáu sương sa
Em là em của người ta mất rồi
Tôi như mùa hạ nắng nôi
Hạt mưa bất chợt mồ côi cánh đồng...



Trầm tích

LÊ PHƯƠNG CHÂU

Nán nót từng chữ viết - bên ta
Ai ban giọt đắng phủ thiên hà
Hoài cảm âm trầm vô sở trú
Bình thân - hơi vào - hơi ra

Thâm giao vạn nẻo một con đường
Cười vui sương tỏa lối tung đương
Khách trọ cầm bằng câu ngạn ngữ
Vang vang so dây tròn cung thương

Trầm tích khua môi - không mở lời
Bịt tai - che mắt - dạo sông cõi
Ngọc trong chéo áo theo cùng tử
Tung tăng heo may ta rong chơi

Ta ôm chắc nịch vẫn thơ say
Uống nõn mây xanh - uống ngắt ngây
Hớp ánh nguyệt vờn - hôn đá thở
Trôi xa - trôi xa - trong tầm tay!!!

Hoa bò cạp

TRÀ KIM LONG

Khi hoa bò cạp nở vàng
Chuyển trời đã thấy mùa sang hè rồi
Nhớ xưa phượng đỏ lung trời
Trường quê bạn cũ một thời đã qua.

Thày xưa giờ đã đi xa
Bạn xưa giờ đã biết ra thế nào?
Mỗi người mỗi tuổi thêm cao
Còn lây lát sống hay vào hư vô?

Hoa bò cạp nở vàng mơ
Nghĩ thương lúa tuổi học trò ngày xưa
Bao nhiêu mùa lại qua mùa
Vùng di niệm cũ còn chưa bước dừng.

Khúc sông

PHẠM ÁNH

Dòng sông ngả bóng núi non
Nhớ quê thao thức tâm hồn từ xưa
Ngọt ngào gáo nước nắng trưa
Cùi khô ám bếp chiều mưa năm nào.

Đợt tre quây gió rì rào
Chập chờn châu chấu cào cào bay nghiêng
Tìm ký ức bỏ ưu phiền
Tâm tư theo tiếng chim chuyền cành xanh.

Một chiều quê mẹ Cát Hanh
Ngày xưa chuyện cũ quẩn quanh bên lòng
Cuộc đời trên những khúc sông
Thời gian nắng gió bèn bồng mây trôi.

Lời sông hát

PHAN NHƯ

Tên là địa cầu
Nhưng hơn ba phần là nước
Bao nhiêu cuộc đao binh
Chỉ giành nhau chút đất
Không đủ ám bàn chân!

Tóc em bèn bồng gió
Gió có khi cũng ngừng
Môi em hồng ngọn lửa
Ngọn lửa đến lúc lui tàn
Thịt da em là cát bụi
Cát bụi đi về đất.

Sao không tự hỏi:
Em chỉ là dòng sông
Ra đi từ giọt lệ ngàn
Qua thác xuống ghềnh
Về đồng biển hát
Sông không mang theo mình
Khổ đau và hạnh phúc
Thế gian.

Sông chỉ là sông
Buông bỏ bóng hình
(Nhạn quá hàn giang)
Khi về biển mặn
Dù chỉ còn hạt nước mắt
Từ bi cơn mưa hạ
Hóa độ mây ngàn
Sông lại thành sông.

Âm hồn ngủ tại nhân gian

NHỤY NGUYÊN

Miếu Âm hồn trong truyện này không phải là Đàn Âm hồn do nhà Nguyễn lập sau ngày thất thủ kinh đô khoảng chục năm; mà là một ngôi miếu cũng được dựng để thờ chiến sĩ trận vong ngày 23 tháng 5 âm lịch ở một địa điểm khác. Dân tập trung đến đây cúng bái một thời gian, rồi miếu ngang nhiên bị kẻ xấu phá bỏ phần nửa; gia đình ở từ phải di dời. Bên mua xây ngay cạnh miếu một sô nhà nhưng vài tháng sau, trận hỏa hoạn không rõ nguyên nhân đã thiêu rụi! Miếu Âm hồn được công nhận di tích, người ta muốn tham vấn gia đình ở từ để phục dựng song mấy chục năm rồi không ai biết họ ở đâu, còn sống hay đã chết...

Bà Vi nãy giờ vẫn ngồi dựa cửa nách ngôi nhà ở từ nhìn qua Miếu Âm hồn. Có lần Ngọ về lúc nhập nhoạng, bước vào buồng vấp phải mẹ tại đó. Bà như đang quan sát âm khí bốc lên một cách chi tiết, hết sức chậm.

Ngọ nổi nghiệp cha tới Miếu ở từ lúc đứa đầu bốn tuổi, nay vợ sinh thêm một trai nữa. Bà Vi già yếu, chỉ chống gậy loanh quanh trong nhà ngoài sân và trong miếu. Ở vùng đất Thiền kinh này dân lập miếu thờ người tử nạn ngày thất thủ kinh đô tính không hết. Miếu Âm hồn gia đình Ngọ ở từ lớn nhất. Nhà Ngọ nằm phía xa góc khuôn viên Miếu; gần như vô sản nên thường đêm không đóng cửa. Phòng ngoài rộng, tiếp đến là buồng ngủ, sâu hơn nữa là bếp thưng bằng tôn mè. Bà Vi đặt giường tre ở bên cửa chính, một bên móc cái võng.

Chiều nay trời âm âm, lâu lâu có vài giọt nước vừa lao xuống thềm đã khô rốc. Bức. Đứa nhỏ khóc ngọt. Dường như nó ý thức được sự khóc của mình; tinh bơ nhìn mẹ, nhìn quanh rồi đột nhiên ré lên, một kiểu khóc giả ranh ma. Vợ Ngọ bồng con từ trong buồng ra đặt vào võng. À ơi... Khoan khoan ơi mụ chèo đò, ơi ông cầm lái dặn đò trước sau. Khoan khoan ơi mụ hái dâu, xin đừng ngút đót mà dâu quặn lòng... Trong nhà sẩm tối. Điện chưa thắp. Vo ve muỗi. Bà Vi chống gậy bước tới bên vợ Ngọ, chỉ tay về phía ngoài.

- Con ơi, đuổi o nớ đi! O cứ đứng đó hoài.

Vợ Ngọ nghe tiếng mẹ chồng mới hay bà ở bên mình. Cô hơi khó chịu, nhưng cũng chịu khó tới cửa nách nhìn ra. Chẳng có ai. Chắc đứa nào trong xóm,

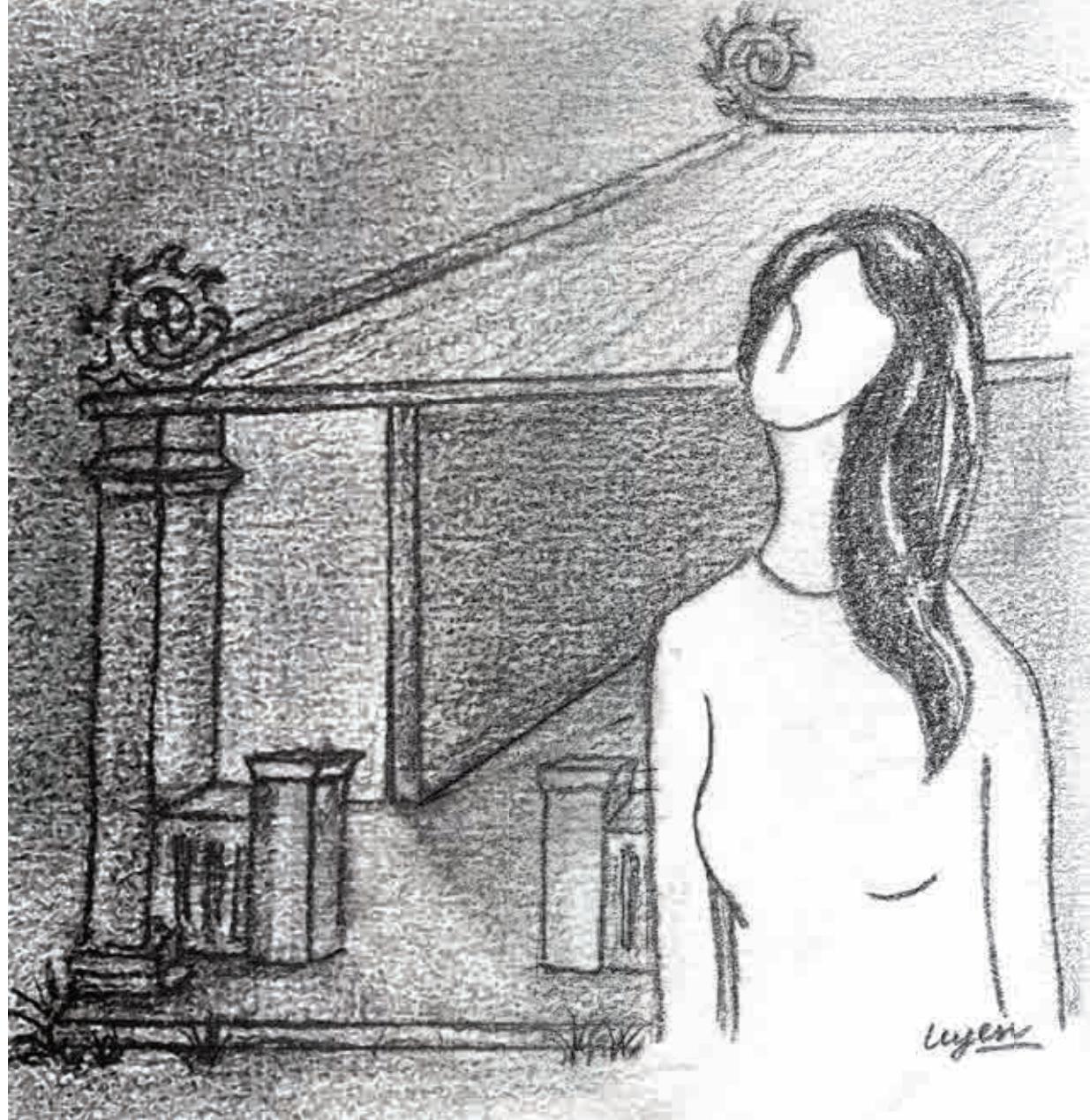
đi rồi. Thấy mẹ chồng quạt đuổi muỗi giùm cháu nên cô thẳng ra Miếu thắp điện. Bà Vi gấp cheo cái khăn đèn vuông vẩn lại đầu, ru: Mưa như mưa trên trời mưa xuống, gió như gió ngoài Hà Nội thôi vô. (Chó) kể từ ngày thất thủ kinh đô, ông Tây qua giảng giây thép (mà) họa địa đồ nước Nam... Buồn thảm, héo rũ, tiếng ru lặng lờ trời dạt mênh mang.

Miếu Âm hồn đây cũng là vua cho lập thờ chiến sĩ trận vong ngày hai tháng Năm âm lịch. Từ đời ông đến đời cha Ngọ đều ở từ. Con cháu sinh sôi, ông bà Vi mua thêm mảnh đất trong làng. Ngọ đến ở từ khá bất ngờ. Cha tai biến nhẹ, từ viện về thẳng luôn đến ngôi nhà mới an dưỡng, việc hương đèn bê trễ. Ngọ là người hiểu lễ nghi trong Miếu; dâng hương như thế nào, thắp chõ nào trước chõ nào sau... Ý muốn thay cha ở từ, Ngọ nhận được niềm an ủi của mẹ. Bà Vi nhất thiết không rời Miếu, bảo ở đến chết kì thôi.

Đứa cháu đầu thích nằm với bà nội, vợ chồng Ngọ ngủ cùng con dại trong buồng, giường rộng mét tư tha hồ lăn lê. Cha nằm ngoài mẹ nằm đằng trong. Chiếc quạt điện cổ lỗ, trực mòn bi rỗ dầu khô kêu như máy xay xát. Ngọ chưa muốn thay cái mới, nó vẫn có tác dụng át những tiếng động khác. Còn bà Vi bao giờ cũng cái quạt giấy trong tay, hăng đêm nóng lạnh gì cũng phe phẩy.

Vợ Ngọ nhắc chồng tắt bóng điện chính ngoài Miếu kéo tốn tiền vô duyên, anh ậm ư, liu riu ngủ.

- Mẹ dạo này hình như lẩn thẩn. Cả chiều nắng nặc con ơi ra đuổi o nớ o kia chứ họ cứ đứng đó hoài. Em



ra, có ai mô!

Ngọ tỉnh ngủ ngóc đầu lên. Bóng tối. Ngọ lại đặt nhẹ đầu xuống, bảo vợ "ngủ!", nhưng chính anh trăn trở. Lâu nay Ngọ cũng ít để ý đến mẹ, ngoại trừ cái hôm vấp phải bà ngồi im, cả không chịu lên tiếng làm anh thấy cái gì không ổn. Đúng là mẹ anh chậm chạp hơn, ít nói và hầu như không phản ứng giận hờn. Ngọ là con út, được mẹ thương. Ngoài việc muốn ở lại bên Miếu với Ngọ, thực tế bà Vi chẳng ưa chung sống với ai trong số con cái còn lại. Vợ Ngọ cũng hợp tính mẹ chồng, xem ra đối đãi không thua ruột rà bao lăm. Thế nên lời nhận xét của vợ vừa rồi đảm bảo cho nỗi lo trong Ngọ dẹp sóng.

Giấc ngủ của Ngọ chập chờn giữa lằn ranh mờ nhòa âm dương, vừa chơi với cảm giác vừa êm dịu vừa lún sâu vào địa phủ... Có làn gió lạnh rất mỏng, rất nhẹ nhàng phớt qua; hay trận mưa rào trong đêm rền rĩ

hang giờ mới len được vào tâm thức. Bắt đầu là sự biết mình đang dần rời giấc ngủ, rồi hơi hé mắt. Mở mắt. Ngọ giật tung mình co rút, tim ngỡ văng ra ngoài sân. Thằng bé đứng im đó một khối đen đặc tự bao giờ.

- Trời ơi... con, răng con không ngủ với nội!

Câu nói gần như Ngọ phải xiết chặt hàm răng.

Vợ Ngọ tỉnh, dụi mắt chẳng hay gì, ngoắt tay bảo đứa bé "con vào ngủ với mẹ cũng được, lên đây...". Thằng bé không nói năng, cứ thế quay đầu bước ra, Ngọ thấy nó lại leo lên giường tre nằm bên bà nội. Ngọ cúi gục, mãi mới ngả lưng kéo chăn trùm đầu, chân co như người chết cháy.

Ngủ được quãng bốn giờ sáng, hơn sáu giờ thì Ngọ dậy. Anh vào Miếu tắt ngọn đèn điện để quên hồi đêm. Mặt trời đang lên, vùng mây sáng quắc kẽ sọc những bậc thang trong một hình tam giác khổng lồ phía trên mái Miếu Âm hồn. Bà Vi chống gậy đứng ngoài đường

nhai trâu, cái dáng cong cong khiến Ngọ nghĩ nếu mình cứ đứng với tư thế như vậy có phải cực hình. Chợt nhởn thằng bé, anh vào xem, nó nắm nghiêng tay ấp má ngủ ngon lành. Ngọ rửa mặt đánh răng, quay vào thì gặp mẹ chấn lại.

- Con ơi xúc ít gạo cho người ta, họ đứng ngoài cửa Miếu mai chừ không chịu đi.

Ngọ ngó ra, mông lung...

- Mẹ cứ nhìn gà hóa cuốc. Bữa ni đừng có bước lên bước xuống thêm Miếu nữa rồi ngã gãy chân lại khổ.

Đứa con u oé trong buồng, vợ Ngọ à ơi... ngồi buồn
lại dẹp thêm buồn, mưa giông chưa tanh (mà) nước
nguồn về thêm. Bà Vi ngồi vào võng, với tay quạt cho
đứa cháu đầu. Ngọ gần tới cửa Miếu thì tiếng mẹ ru
mình thuở xưa vọng tới... Hai hàng nước mắt tuôn rơi...
Ai xui Tây tặc... ai xui Tây tặc hại người trung lương. Oan
oan vạn kiếp còn oan, nguyên xin đốt thẻ (mà) nhang tàn
hồn hoa...

Dọn Miếu. Biết vợ mình đang trong giai đoạn "đến tháng" nên Ngọ tự làm lấy. Gian phía trong cùng thờ âm hồn, gian ngoài có bàn thờ Bồ-tát Địa Tạng, đủ dọn ba mâm theo chiều ngang. Nên xi-măng đen láng; trước mỗi hương án đều trải chiếu. Quét đến giữa Miếu, Ngọ chợt thấy... Lạ quá chừng, sáng sớm anh vào đây tắt điện cũng nhìn ngó sao bảy giờ mới phát hiện... Chờn chợn, Ngọ chống chổi lẩn giờ trong trí nhớ, có thể mình không để ý thật. Mà để ý hay không, có liên quan gì đến cái sự thế: bộ bài vương vãi con ngả con sấp; tay nào dường như còn bị "oác" ném hạ quạt bài... tất cả còn nguyên dấu vết của một sòng bài cả bọn vừa phủi đít. Ngọ run run khẽ chạm tay vào bài, thận trọng, cứ nghĩ sẽ có con "sống lại" cắn vào tay. Cần giấu biệt chuyện này, không thể vợ biết. Vợ mà biết chắc sẽ bồng con về ngoại mất... Ngọ sắp lại bộ bài gác lên giá chuồng. Ngó nhà, đứa đầu đứng đái trước hiên. A... có khách! Một cô gái môi son đỏ chót. Làm Ngọ quên mọi sự vừa diễn. Quên tư thế trang nghiêm vốn có của một "ông từ" những lúc khách viếng Miếu. Ngọ bước ra.

- Em muốn xin xăm...

Ngọ "o", bảo "cô đợi chút...". Xăm cất trong nhà. Ông xăm xuất phát từ trong cung. Triều đình cáo chung, Hoàng hậu đem tới Miếu Âm hồn cúng dường để muôn dân được soi chiếu vận mệnh... Ngọ mặc thêm áo, thấy vợ gọn ghẽ liền hỏi đi đâu?

- Mẹ bảo ra chợ sớm mua cho được bông đẹp chiều cúng hăm ba tháng năm.

Ngọ nhớ người, bữa nay mới... Phải rồi, hôm nay là hăm hai, Ngọ quên lửng. May không ngày mai các cụ ghé Miếu không thấy sửa soạn cúng bái lại khiển trách.

Ống xăm bày lên chiếu. Vợ Ngọ xách làn đứng giữa sân ngó vào. Khách nào xin xăm sớm vậy nhỉ. Cô gái đẹp nhuờng ấy cùng Ngọ ở trong nhà chắc chắn vợ anh chưa vội ra chợ. Ngọ bối rối tuổi mới lập thất,

hở vợ chín xuân. Chán chừ, rồi vợ Ngọ cũng bước.

Gái ở xứ khác đến, Ngọ chưa tiện hỏi, cô ta đã cầm ống xăm lắc thuần thực, chậm, nhanh dần đều. Một thẻ xăm vung ra, thêm một nữa, hai thẻ tiếp cùng văng theo. Cô gái trẻ đẹp dừng tay, tự biết nhất lấy thẻ xăm rời đầu tiên. Ngọ xem và giở sách, đặt dọc cái thẻ vào giữa trang đúng với số ghi trên thẻ và đưa cô gái tự đọc: "Quyện tận phù vân kiến thái dương. Cửu châu tứ hải cộng thanh quang. Tư quân cầm vấn công danh lợi. Tranh tụng hôn nhân sự sự xương".

Cô gái chả cần Ngọ chú dịch, mà hỏi:

- Nếu em lại lắc ống, nhận được thẻ xăm khác chẳng hóa ra...

Ngọ nhăn mặt. Chưa ai xin xăm hỏi Ngọ điều tương tự. Cái con bé này không tin xăm lại dẫn xác đến đây!

- Mà cô xin gì?

- Cưới.

Ngọ chùm hum vào trang "tho".

- Thì đấy, chẳng phải xăm nói trúng điều cô muốn xin là gì.

Cô gái cười. Như vừa rồi chỉ đùa tí ti. Cô đặt vào dĩa tờ bạc mới cứng. Ngọ râm ran cả người. Từ ngày việc giải xăm chuyển từ ra giá sang tùy lòng hảo tâm, chưa ai đặt tờ bạc màu xanh ấy. Mân nguyện lắm, vẻ mặt cô gái rạng như thẻ xăm vừa giải thông thế bí cuộc đời.

Cô gái xin phép về. Ngọ đứng ngắn ra trong Miếu chống mi mắt trông cái dáng uyển chuyển nuột nà làm sao. Bà Vi từ cửa bếp gọi cô gái, rồi chống gậy theo. Ngọ không rời mắt được. Ngưa ngứa. Đứng xa Ngọ vẫn có cảm giác mẹ mình đang nói thầm điều hệ trọng... Cô gái vừa nghe vừa nhìn vào Miếu. Rồi nhẹ nhàng như mây trôi. Chỉ chờ có vậy, Ngọ bước ra.

Ngay trước thềm Miếu, Ngọ dằn hỏi: "Mẹ nói gì cô ta?".

- Thị mẹ bảo cổ từ nay đừng tới nữa.

- Mẹ...

Ngọ định phut ra miệng "... mẹ biết tiền giải xăm mua từng mô sữa từng mô thuốc rồi không?". Mặt bà Vi phẳng lặng, hòa ái. Sự không kháng cự ấy khiến Ngọ mắt hóng, dập tắt lửa tâm. Cảm giác về tờ bạc màu xanh nằm trên dĩa râm ran trở lại. Ngọ vào. "Cộp" - hai gối sụp xuống nền Miếu. Gì thế này?! Ngọ trợn mắt. Rợn sống lưng: Tờ bạc âm phủ!

Vọt ra đường, Ngọ nhìn bên phải bên trái. Đường, vắng tanh. Cô gái chỉ có thể rúc bụi hoặc xộc vào nhà ai đó mới biến nhanh đến vậy.

Cảm giác kiệt sức, Ngọ phờ phạc lê chân vào nhà. Bà Vi còn ru cháu. Thằng cu đầu lật leo lên giường ngủ nướng. Đứa nhỏ nằm trong võng... à ôi... Ai gây nên cớ sự này? Sa cơ ly tán... (mà) sa cơ ly tán dân oan rày hỡi oan... Ngọ đứng trơ ở cửa, bóng anh xuyên sâu vào trong nhà. Bà Vi vẫn nhìn ngược ra phía mặt trời nhô dần khỏi lưng Miếu. Mẹ không nhìn thấy anh? Như là anh thuộc về cõi khác. ■



Một buổi trà đàm đáng nhớ

HÀ DUY AN

Tuy chỉ thỉnh thoảng mới có một bài viết ngắn đóng góp cho tờ báo nhưng tôi lại có nhiều dịp tham dự những "sự cà-phê" mà Ban Biên tập Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* (VHPG) thường "cố xúy" mỗi khi có những cây bút ở các tỉnh đến thăm tòa soạn hoặc có những người quen chung từ nước ngoài về. Trong các buổi gặp mặt ấy, thường thì tôi cũng chỉ ngồi nghe, lâu lâu mới góp một vài lời. Nhờ vậy mà tôi cũng biết được người này người nọ và nhận ra một điều là các cộng tác viên và Ban Biên tập của tạp chí có một sự cảm thông tâm ý với nhau về chủ trương của tờ báo. Qua các câu chuyện, tôi thấy các vị ấy đều đồng ý với nhau rằng mục đích của một tờ báo Phật giáo mang chất văn hóa không phải là để khuyến dụ những người chưa phải Phật tử trở thành tín đồ, mà trên hết là làm thế nào để những tư tưởng mang đậm tinh thần từ bi trí tuệ của Đức Phật được nhiều người biết đến rồi thực hành các giải pháp thực tiễn rút ra từ những tư tưởng ấy mà Đức Phật cũng đã hướng dẫn

sẵn; bấy nhiêu cũng đủ góp phần làm cho xã hội trở nên hài hòa, cuộc sống con người trở nên hiền thiện, để thực hiện cõi tịnh độ ngay trong cuộc sống thế tục này. Mới đây, vào dịp gặp mặt kỷ niệm Tạp chí VHPG phát hành tròn 200 số báo được tổ chức vào sáng ngày 3-5-2014 tại Thiền viện Vạn Hạnh mà tôi có hân hạnh tham dự, tôi thấy rằng tinh thần ấy, sự cảm thông tâm ý ấy, không chỉ giới hạn trong phạm vi vài ba người như tôi vẫn có dịp chứng kiến, mà đã lan tỏa trong một cộng đồng nho nhỏ những người yêu thích tạp chí VHPG hiện sinh sống và làm việc tại TPHCM.

Tôi đến Thiền viện Vạn Hạnh vào khoảng 8g45 và được mời ngay vào phòng khách của Thiền viện, nơi mà Tạp chí VHPG đã được Thượng tọa Tiến sĩ Thích Tâm Minh, trụ trì Thiền viện, cho phép sử dụng để tổ chức buổi gặp mặt. Thấy trong phòng cũng mới chỉ có một vài người khách, tôi định quay trở ra tham quan Thiền viện thì ông Nguyễn Bồng là Trị sự của tòa soạn đến chào và mời tôi qua dùng trà do một nhóm nghệ nhân pha trà ở



một cái bàn đặt ngay góc cửa ra vào; ông Bồng cho biết nhóm nghệ nhân này là người của Công ty 7P chuyên cung cấp Song Hỷ trà và ấm Tử Sa tình nguyện đến phục vụ khách tham dự trà đàm mừng kỷ niệm VHPG số 200. Ngay lúc đó thì một người thanh niên trẻ bước vào, ông Bồng giới thiệu đó là ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Giám đốc Công ty 7P. Qua trao đổi, tôi được biết ông Tuấn là một trong số những doanh nhân đang ngày càng quan tâm đến văn hóa Phật giáo, đã có nhã ý đóng góp vào buổi trà đàm do Tạp chí tổ chức. Vừa uống hết tuần trà thì đã thấy chung quanh có những tiếng chào hỏi râm ran, rồi đích thân Cư sĩ Trần Mẫn là Phó Tổng Biên tập Thường trực của Tạp chí lên tiếng mời khách vào chỗ ngồi. Tôi cũng chào mấy cô gái pha trà và chọn một chỗ ngồi phía sau.

Vừa đúng 9g, gian phòng khách ấm cúng của Thiền viện Vạn Hạnh đã có mặt hầu hết những vị khách mời và buổi trà đàm bắt đầu. Tuy là một buổi gặp mặt được tổ chức chu đáo diễn ra trong một không gian có sự trang hoàng, bước vào đã thấy những lẵng hoa và giỏ hoa do các đơn vị như Tôn Hoa Sen, Vina Giày, Muối Thái Long, Diệu Tướng Am... gửi đến chúc mừng, khách mời được sắp xếp ngồi sau những dãy bàn kê theo hình xuyến chữ nhật, trên mặt bàn có chưng nhiều bình hoa, thể hiện một sự trang trọng nhất định, nhưng cuộc sinh hoạt đã được tiến hành một cách tự nhiên thân mật, không mang tính nghi thức. Phát biểu khai mạc, Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn nêu lên ý nghĩa của buổi họp mặt là nhằm thể hiện lòng biết ơn đối với tất cả mọi người đã có những đóng góp về nhiều mặt để Tạp chí VHPG tồn tại và phát triển, và đã phát hành liên tục được tới số thứ 200. Bằng giọng nói chân thành, thanh thản và tự tin, ông Mẫn thuật lại chặng đường chín năm qua của VHPG, có nhắc đến tiền thân của Tạp chí là tờ *Tạp Văn* của Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam chủ trương, nhắc đến vị cố Tổng Biên tập đầu tiên của Tạp chí là cư sĩ Võ Đinh Cường cùng những nghị lực của tập thể trong quá trình vận động xin giấy phép hoạt động báo chí, những khó khăn của Tạp chí, những cố gắng của Ban Biên tập và nhất là những sự giúp đỡ của các vị thiện hữu tri thức. Ông Mẫn cho rằng sự khởi sắc của tờ báo trong thời gian gần đây là do sự ủng hộ về mọi mặt của nhiều người đã tán đồng chủ trương của tạp chí về việc hoằng truyền Phật pháp. Nhân cuộc gặp mặt này, vị Phó Tổng Biên tập Thường trực của Tạp chí đề nghị các vị khách mời nêu lên những khuyết điểm mà VHPG cần sửa đổi để có thể phát triển hơn nữa.

Đáp ứng đề nghị ấy, nhiều vị khách đã có những phát biểu rất thẳng thắn và xác đáng khiến tôi lắng nghe với lòng khâm phục. Tôi nhận ra rằng những vị khách tham dự buổi sinh hoạt hôm ấy đã đến với cả một tinh thần trách nhiệm, thực tâm muốn gìn giữ tờ báo, tận tình lo lắng cho tạp chí, dõi theo những bước đi của VHPG với tấm lòng của người trong cuộc chứ không chỉ là cộng tác viên hay nhà bảo trợ. Các vị đều trung thực nói ra những nhận định của mình cả về nội dung lẫn hình thức của tờ báo. Có ý kiến thắc mắc vì sao tạp chí không mạnh dạn tìm cách phát hành rộng rãi hơn để tiếng nói của VHPG được lan tỏa hơn, vì sao tạp chí không ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại là phương tiện internet để đưa tiếng nói của VHPG đến tất cả mọi miền đất nước và ra cả bên ngoài. Cũng có nhận định cho rằng việc trình bày của tạp chí còn mang tính trang trọng, chưa được gần gũi với giới trẻ, nhất là hình như chưa quan tâm đến thành phần thiếu nhi; lại có đề nghị rằng tạp chí nên tổ chức một cuộc khảo sát ý kiến độc giả để nắm bắt khuynh hướng đọc của mọi người mà có những biện pháp điều chỉnh

thích hợp trên tinh thần có định hướng. Mặt khác, có thể thấy tất cả mọi người đều đồng ý với chủ trương của tờ báo, nhất là thái độ vững vàng của tạp chí trong việc thể hiện tiếng nói trung thực của người Phật tử trước những hiện tượng suy đồi của xã hội.

Ngồi xa ở phía sau, tôi nhận ra bác Nguyễn Lạc Vũ Văn Châm thật mạnh dạn khi gợi ý những giải pháp thu hút giới doanh nhân hiện ngày càng quan tâm hơn đến đạo Phật bằng những hoạt động mang tính thực tiễn như tổ chức các khóa tập thiền; tôi cũng cảm thấy bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc phát biểu rất chừng mực, khác với tính cách thường khi của ông là lối nói dí dỏm; tác giả Hoàng Tá Thích, một người có những bài viết thu hút, gây cho tôi sự bất ngờ khi ông cho rằng Phật giáo thì vẫn giàu, nhưng VHPG thì nghèo vì có dính tới văn hóa, hẳn là ông nói tới văn hóa đọc đang ngày càng teo tóp trong một xã hội chuộng vật chất; nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khuê thật dịu dàng khi khen ngợi cách trình bày bìa của tạp chí; nhà thơ Hồ Đắc Thiếu Anh thể hiện rõ tấm lòng của một người lúc nào cũng đau đáu nghĩ đến sự phát triển của VHPG; tác giả Nguyễn Cẩn của những bài xã luận sắc bén khẳng định tính cách xây dựng và chừng mực của tờ báo với hy vọng VHPG sẽ tiếp tục có những đóng góp tích cực cho xã hội; nhà nghiên cứu Nguyễn Tiến Văn vẫn luôn mạnh mẽ khi cho rằng VHPG đã khơi dậy tinh thần vô úy của những người cầm bút Phật giáo. Đặc biệt là những lời chúc mừng của bà Elena Pucillo Truong, một tác giả nữ người Ý gần đây có những truyện ngắn thật thú vị mang đậm tính cách Việt Nam được chồng bà là ông Trương Văn Dân chuyển dịch sang tiếng Việt thỉnh thoảng thấy xuất hiện trên phần văn nghệ của VHPG. Qua sự giới thiệu, tôi nhận ra trong buổi gặp mặt còn có những tác giả mà tôi chỉ biết tên chứ chưa từng được gặp như ông Nguyễn Hữu Đức, ông Hà Thúc Hoan, ông Nguyễn Văn Nghệ, ông Châu Văn Thuận, ông Lê Hải Đăng, ông Trần Kiêm Hạ... là những người có những bài viết hay bài dịch mà tôi ưa thích. Ngoài ra, tôi cũng được biết tới những vị tu sĩ như Thượng tọa Thích Tâm Minh, trụ trì Thiền viện Vạn Hạnh, các Đại đức Thích Tâm Hải, Thư ký tòa soạn Báo Giác Ngộ, Thích Không Hạnh và Thích Hạnh Khả của báo Suối Nguồn, Thích Hạnh Tuệ cũng là một tác giả thường có bài trên VHPG; về phía các nhà bảo trợ, tôi đã được trò chuyện với ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Công ty 7B chứ chưa có hân hạnh tiếp xúc với các ông Huỳnh Văn Lộc mà tôi biết là đến từ Công ty Muối Thái Long, ông Nguyễn Văn Khánh thuộc Hội Da Giày Việt Nam, ông Vũ Quốc Tuấn của Công ty Viet Art, bà Lê Thị Giàu là một vị độc giả trung thành của Tạp chí. Tất nhiên, với người như bác Nguyễn Lạc Vũ Văn Châm, thuộc thế hệ đi trước, thì tôi chỉ biết từ xa mà chiêm ngưỡng.

Một điều đáng tiếc là buổi sinh hoạt chỉ kéo dài hơn một tiếng ruồi đồng hồ và trong suốt thời gian đó thì

mọi người đều chăm chú lắng nghe những lời phát biểu cho nên không thể có những cuộc tiếp xúc riêng. Khi Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn nói lên lời cảm ơn sự có mặt của các vị khách kết thúc buổi trà đàm, tôi nghĩ rằng lẽ ra tôi phải nói lời cảm ơn với Ban Tổ chức, đã cho phép tôi được dự một buổi trà đàm đáng nhớ. Riêng bản thân tôi, tôi cảm thấy tiếc nuối vì chưa có dịp làm quen với nhiều vị thiện hữu tri thức mà tôi mới lần đầu tiên thấy mặt. Nhưng không sao, với những tác giả của các bài viết, chắc chắn tôi vẫn còn có dịp được đọc tác phẩm của họ trên VHPG. Còn với những doanh nhân, những nhà bảo trợ, tôi tin rằng sẽ có những buổi gặp mặt khác do VHPG tổ chức trong một khung cảnh rộng rãi hơn giúp nhiều người có thể trao đổi riêng với nhau một cách thân tình hơn để tiếp tục có những đóng góp tích cực hơn nữa cho tờ báo thân yêu của tôi. Tôi tự nhủ mình sẽ phải cố gắng hơn để góp mặt nhiều hơn với tờ báo, để có dịp tham gia nhiều "sự cà-phê" hơn với VHPG, chắc chắn khi đó tôi sẽ được gặp gỡ nhiều vị thiện tri thức hơn trên bước đường tu học của mình. ■



Lời cảm ơn cung sống

*S*áng sớm thứ Hai ngày 5-5-2014, tôi chạy xe gắn máy đến Bệnh viện Nhân Dân Gia Định để nộp sổ khám bệnh, với ý định cứ gởi sổ ở đây rồi khoảng chín giờ mới quay lại.

Dùng xe trước tòa nhà hành chánh, tôi thấy có một bác lớn tuổi đậu xe sát tường rào, có lẽ chờ người nhà. Tôi gật đầu chào, dựng xe rồi nói với bác ấy xin bác để ý giúp chiếc xe của tôi trong lúc tôi vào nộp sổ, chắc chỉ vài ba phút. Bác ấy nhận lời bằng mắt. Nhưng trước khi tôi rời xe, bác ấy dặn với, “Ra sớm nhé”. Tôi cúi đầu ngó ý có nghe lời dặn.

Khi nộp sổ xong, bất ngờ có một người bạn của ba tôi lâu ngày không gặp, nhận ra tôi. Ông cụ giữ tôi lại hỏi chuyện. Trong hoàn cảnh ấy, tôi bắt buộc phải lắng nghe ông cụ nói chuyện. Tôi biết là ông cụ này sống cô độc, gặp người quen thì sẽ kể lể nhiều chuyện, cho nên trong lúc nói chuyện với cụ, tôi rất nóng lòng nhưng không dám để lộ ra nét mặt. Nhưng chắc ông cụ cũng đoán được sao đó nên chỉ hỏi thăm những chuyện chính mà những người lâu ngày không gặp nhau cần phải biết, chứ không đề cập gì về hoàn cảnh của mình. Tuy vậy, đến lúc ông cụ bảo, “Thôi, cháu có bạn thì về đi”, tôi nhún đồng hồ đã thấy hơn mười lăm phút trôi qua.

Tôi vội vàng chạy ra chỗ để xe, nghĩ rằng bác mà tôi nhờ để ý giùm chiếc xe của tôi cũng đã đi khỏi rồi. Thật là bất ngờ, ông bác vẫn đậu xe tại đây và trên yên sau có một người phụ nữ luống tuổi. Thấy tôi, bác vẫn tươi cười, bảo, “Bà xã tôi ra được gần mươi phút rồi, nhưng đã nhận lời với cậu, tôi có nán đợi”. Nói xong, bác nổ máy chạy xe đi, tôi không kịp nói một lời nào.

Tôi nhận ra sự vô ý của mình. Lê ra tôi không nên làm phiền ai mà cứ gửi xe vào bãi dù có mất công một chút.

Tôi cũng thăm cảm ơn hai vợ chồng ông bác đã đợi tôi hôm ấy. Xin cảm ơn tấm lòng bao dung và tình thần trách nhiệm của hai vị và xin nguyện với lòng sê không bao giờ làm phiền ai nữa về những chuyện nhỏ nhặt mà mình có thể tự giải quyết được.

Phạm Văn Hạnh, quận Bình Thạnh, TP.HCM



*S*áng nay, tôi tình cờ được nghe lại bài hát Người Thầy ở Câu lạc bộ sinh ngữ. Bài hát ấy tôi đã từng được nghe rất nhiều lần, nhưng hôm nay khi nghe lại bỗng nhiên tôi có một niềm cảm xúc khác lạ dâng trào.

“Người thầy vẫn lặng lẽ đi về sớm trưa, dòng đời từng ngày qua êm đềm trôi mãi, chiều trên phố bao người đón đưa, dòng sông vắng bấy giờ gió mưa, còn ai nhớ, ai quên con đò xưa?...”. Từng giai điệu thân thương, gần gũi và nhẹ nhàng của bài hát ngân lên, nghe như một câu chuyện cổ tích, đưa tôi về với ký ức xa xưa. Tôi chợt nhớ lại những người Thầy, người Cố từ tám bé đến hôm nay đã nâng đỡ, dù dắt tôi trong cuộc đời mà bấy lâu tôi vô tình lãng quên.

Lời bài hát thật mộc mạc, giản dị: “Vẫn nhớ những khi trời mưa rơi, vẫn chiếc áo xưa sờn đôi vai, Thầy vẫn đi buồn vui lặng lẽ...”.

Từng ca từ của bản nhạc nhẹ nhàng đi vào hồn tôi, khiến tôi có cảm giác như đang được nghe kể chuyện. Người Thầy ấy tuy đơn sơ bình dị nhưng lại là người mở đường cho những cô cậu học trò vươn tới tương lai. Công ơn ấy vô cùng to lớn, như trong bản nhạc đã nói: “Đầu đêm hết sao trời đêm nay, đầu đêm hết lá mùa thu rơi, nhưng làm sao em đêm hết công ơn Người Thầy”. Âm nhạc là nghệ thuật, có thể giúp ta nhớ lại những giây phút hạnh phúc, tình khôi của cuộc đời; âm nhạc là nghệ thuật, giúp ta có cái nhìn, có cách sống tốt đẹp hơn. Qua bài hát Người Thầy, tôi nhận ra âm nhạc giúp tôi nhớ đến truyền thống tốt đẹp “Tri ân và báo ân” của dân tộc Việt Nam.

Không chỉ riêng bài hát Người Thầy, mà nền âm nhạc còn đáng tặng cho con người những bản nhạc mang tính cách giáo dục với các chủ đề về tình cha, tình mẹ, tình bạn, tình yêu, tình người... giúp cho con người có cách sống tốt hơn, gần gũi yêu thương nhau hơn..

Xin cảm ơn nhạc sĩ Nguyễn Nhát Huy, cảm ơn nền âm nhạc đã giúp tôi nhớ lại những ký ức xa xưa, giúp tôi tìm lại được những khoảnh khắc hạnh phúc của cuộc đời; xin cảm ơn âm nhạc đã giúp tôi có cách sống tốt đẹp hơn. Và tôi cũng mong rằng, nền âm nhạc sẽ có nhiều ca khúc hay như thế để giúp ích cho đời, làm đẹp cuộc đời.

Ni sinh Diệu Hương, năm thứ III, Lớp Phiên dịch Hán Nôm Huệ Quang

Đột quy

Những điều cần biết

(Tiếp theo)



Sử dụng nệm hơi và các vật lót mềm tại các phần da thường xuyên bị tiếp xúc (khuỷu tay, gót chân) giúp hạn chế biến chứng loét da do bất động.

Phòng ngừa các biến chứng sau đột quy Loét da do bất động

Rất thường gặp ở các bệnh nhân bị liệt vận động nặng hoặc hôn mê sau đột quy. Việc tập vận động sớm, thay đổi tư thế nằm của bệnh nhân thường xuyên (mỗi 1-2 giờ) và sử dụng các loại nệm có bơm hơi, có tác dụng tốt trong việc hạn chế biến chứng này.

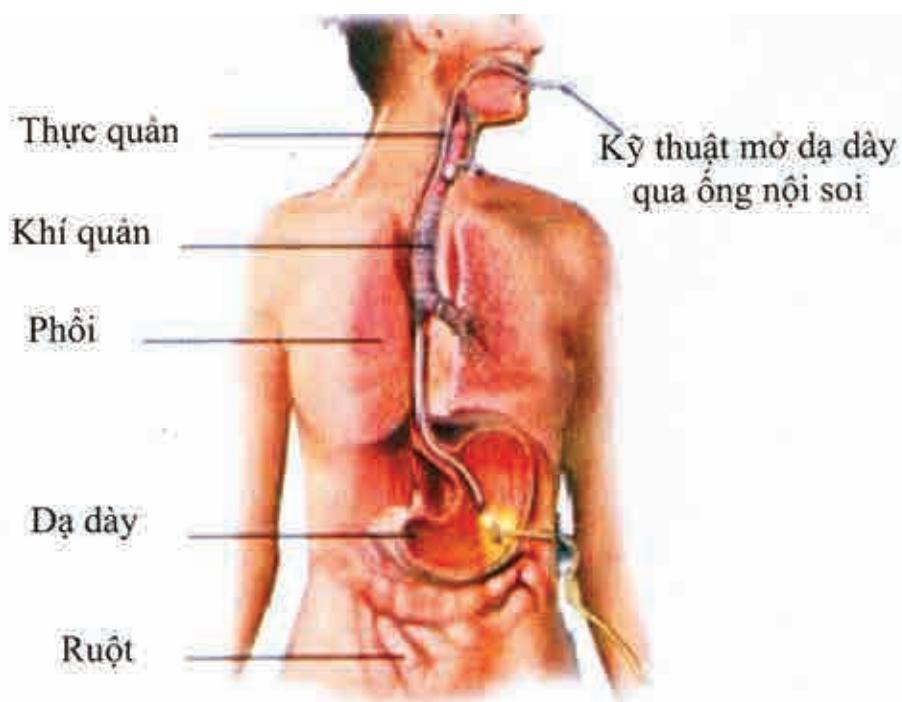


Viêm phổi do hít sặc

Là nguyên nhân có thể gây tử vong sau đột quy. Thường gặp ở các bệnh nhân bị hôn mê, hoặc mất chức năng nuốt. Sau khi đánh giá chức năng nuốt, thầy thuốc có thể chỉ định đặt ống nuôi ăn khi cần thiết. Đối với các bệnh nhân bị rối loạn chức năng nuốt lâu dài, việc mở dạ dày ra da để đưa thức ăn trực tiếp vào dạ dày qua thành bụng có tác dụng hạn chế nguy cơ viêm phổi do hít sặc với độ an toàn cao. Khi cho ăn qua đường ống, dung dịch dinh dưỡng nên được truyền nhỏ giọt qua ống nuôi ăn, cần cho bệnh nhân nằm ở tư thế đầu cao, và duy trì tư thế này sau khi ăn ít nhất 1 giờ sau đó.



Qua ống nội soi đưa qua đường miệng, kỹ thuật mở dạ dày ra da có thể làm giảm nguy cơ viêm phổi do hít sặc với độ an toàn cao.



Phục hồi vận động sau đột quy

Hồi phục sau cơn đột quy là một quá trình xảy ra tự nhiên. Một phần ba bệnh nhân đột quy có thể phục hồi các chức năng vận động một cách hoàn toàn, một phần ba cải thiện chức năng vận động một phần, và một phần ba còn lại không có cải thiện. Quá trình phục hồi vận động xảy ra phần lớn trong 3-6 tháng đầu, và có thể tiếp tục cho đến 2 năm hoặc hơn. Vì vậy, bệnh nhân không nên mất hy vọng nếu bị liệt vận động nặng. Sau đột quy, nên bắt đầu điều trị phục hồi các chức năng vận động tại thời điểm sớm nhất khi có thể.

Mục tiêu của việc tập phục hồi chức năng với sự trợ giúp của kỹ thuật viên vật lý trị liệu, bao gồm:

- Phục hồi các chức năng vận động tại phần cơ thể bị liệt: Tập ngồi, đứng, đi bộ...
- Phục hồi các chức năng khác: Ăn uống (chức năng nuốt), ngôn ngữ giao tiếp, tự thay quần áo, tắm rửa...
- Cải thiện các rối loạn về mặt tâm thần, cảm xúc.
- Nghiện rượu
- Béo phì
- Tiểu đường
- Sử dụng thuốc ngừa thai
- Tình trạng căng thẳng (stress).

Tái phát sau đột quy

Tỷ lệ đột quy tái phát trong 5 năm đầu tiên là 25%, nghĩa là cứ 100 bệnh nhân sống sót sau đột quy, sẽ có 25 trường hợp bị tái phát sau đó. Để làm giảm mức độ tái phát đột quy, cần uống thuốc đúng theo toa bác sĩ và đi khám đều đặn. Không ai có thể bảo đảm đột quy tái phát sẽ không xảy ra, nhưng khả năng tái phát có thể giảm thiểu tối đa bằng chế độ điều trị thích hợp, liên tục, và được duy trì một cách lâu dài.

Các yếu tố nguy cơ của đột quy có thể điều chỉnh với chế độ điều trị hợp lý:

- Cao huyết áp
- Hút thuốc lá
- Bệnh tim mạch



Bệnh nhân đột quy nên được tập vận động và ngồi sớm để giảm các biến chứng do nằm lâu

Chuyên:

- Cung Cấp Sỉ & Lẻ Các Loại Thuốc Nội-Ngoại Nhập
- Bán Các Loại Thực Phẩm Chức Năng
- Hàng Xách Tay (Mỹ Và Châu Âu)
- Các Dung Cụ Y Tế

MỞ CỬA 24/24

Chất Lượng Là Tiêu Chí Của Nhà Thuốc

ĐC: 140A Nguyễn Cử Trinh, P. Nguyễn Cử Trinh, Q. 1, TP.HCM
Điện thoại: 0120.789.2999
Và giao hàng tận nơi



CÔNG TY TNHH-TM HOA TIỀN

D13/2 Trần Não, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Nước Cắm Hoa ASA Đậm đặc 200%



Sản phẩm hiện có mặt tại Co.op Mart, Maxi Mart, Vinatex, Citimart, Intimex... của hàng Phật Giáo, shop hoa tươi & TP. HCM và các tỉnh.

Giúp hoa tươi lâu không thối mốc
Giữ màu sắc đẹp như tinh khôi

Tiết kiệm 40% chi phí so với
nước cắm hoa ASA thường.

Giúp hoa tươi đẹp không cần phải
thay nước và cắt gốc hàng ngày.



CÔNG TY MỸ PHẨM HOÀNG ANH
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn



Tác phẩm Cửu Long - đá mài nǎo VN - cao 3.5m, nặng 5 tấn



Tác phẩm Lưỡng Long - đá mài nǎo VN - dài 2m, nặng 5 tấn

Sản phẩm đá quý của COASTAL GEMS được bán tại:
Showroom COASTAL GEMS: 86 Nguyễn Hồng Bàng, P.14,
Q. Tân Bình, Tel: 0938849886 - 07228986668
Chuyên trang sức, tượng Phật, Tượng...
COASTAL GEMS - GEMSTONE FOR HOME DECORATION
Website: www.coastalgems.com.vn



LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách Thiền Phật Giáo

- Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng
- Tại chùa ĐẠI HẠNH:
107/4 Ngõ Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Thời gian học: Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần
- Học phí: 200.000đ/1 học viên/1 tháng
- Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)
- Liên hệ: Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại 0909 660 825 (gặp Thầy Chính Trung)

Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

ĐIỀU TƯỢNG ẨM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

DIỀU TƯỢNG ẨM NAM KỲ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.
ĐT: (08) 38 484558

DIỀU TƯỢNG ẨM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, TP.HCM.
ĐT: (08) 38 684 913

VỊT GEM (ĐÁ PHONG THỦY)
311A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM.
ĐT: (08) 35265177

www.dieutuongam.com

pháp uyển

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS
Email: quanchay@phapuyen.com

1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 35 035 579 - 0933 878 956

2 72/1B Lãm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHA SACH - DHARMA BOOKS
Email: nhasach@phapuyen.com

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cù, quà lưu niệm, phap phục Tăng Ni, cư sĩ...

ấn phẩm: trinh bảy & thiết kế, liên kết xuất bản, ấn tông

ý phục: nhận may phap phục và đồng phục

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHE
QUANG NGHE CO., LTD.
NIÊN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Cố giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM
Phú Kim: Bijou & Jewellry
SGPK

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp sỉ và lẻ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại

ĐT: 094 696 7466 (08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2013:	580.000đ (đã CK 5%)
- 6 tháng đầu năm :	304.000đ
- 6 tháng cuối năm :	304.000đ

2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4:	10.000.000đ
- Trang bìa 3:	8.000.000đ
- 1/2 bìa 3:	5.000.000đ
- Trang ruột 4 màu:	5.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu:	1.000.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu:	500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

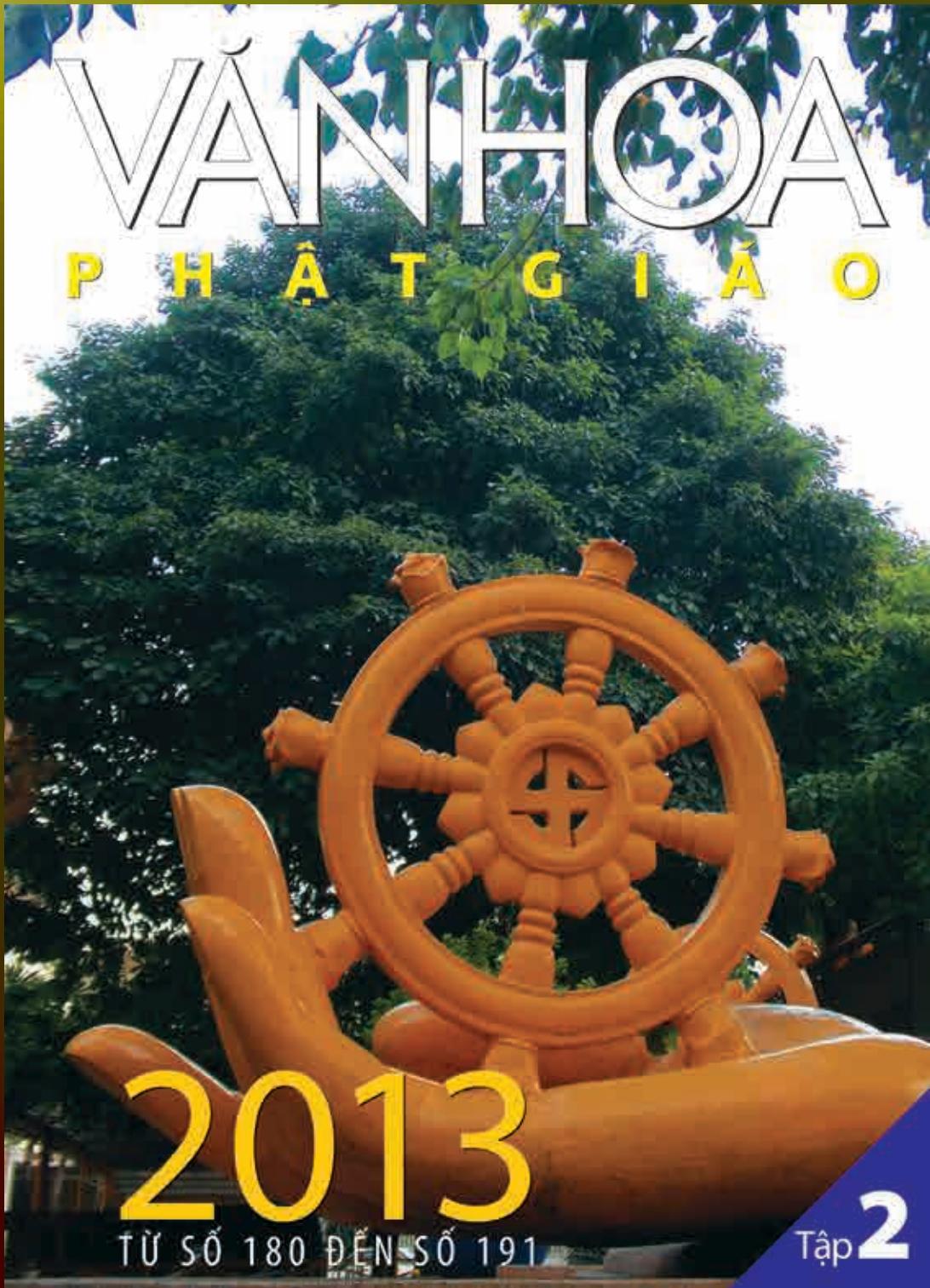
Vui lòng liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3 8484 335
0907164066 - 0918032040 - 0913810082
Email: toasoanvhpg@gmail.com

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Đang phát hành

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2013**,
từ số 180 đến số 191
giá: **210.000đ/cuốn**



Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2012 (2 tập): 420.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ	2013 (2 tập): 420.000VNĐ

Đón đọc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số 202

Phát hành ngày 1 - 6 - 2014

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - Q.B
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỦA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tinh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng toa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiển Nam
3 Trần Thị Kỷ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng

Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huấn,
chùa Sắc tử Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huê
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

BÀ RIA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Ria-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG